



BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG 28.04.2022

PHẦN I

- 1. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC**
- 2. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN**

PHẦN II

- 1. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
- 2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021**
- 3. KẾ HOẠCH NĂM 2022**

PHỤ LỤC

- 1. BÁO CÁO KIỂM TOÁN NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2021**
- 2. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**
- 3. ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI**
- 4. QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY SỬA ĐỔI**
- 5. QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
- 6. QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**



TÂM ĐỨC, niềm hy vọng mới của những người mắc bệnh tim

Phần I
LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC



CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Viện Tim thành phố Hồ Chí Minh bắt đầu hoạt động từ 01.01.1992 đã nhanh chóng là niềm hy vọng sống của biết bao người mắc bệnh tim cần mổ để được sống, cần điều trị nội khoa hiệu quả để sớm hồi phục. Vào cuối năm 1999, Viện Tim đã mổ mỗi năm hàng ngàn trường hợp, tỷ lệ thành công là 97,6% đã có nhiều ngàn người bệnh tim được cứu sống nhưng cũng đã có hơn 5.000 người bệnh tim cần mổ còn phải đợi chờ. Làm sao để nhanh chóng cứu người đã không ngừng thúc Viện Tim chuyển giao kỹ thuật cho các Bệnh viện bạn cùng chia sẻ gánh nặng với Viện Tim, cùng mổ tim để kịp cứu người.

Vào năm 2000, được sự khuyến khích của các vị Lãnh đạo thành phố, Sở Y tế và Bộ Y tế mong muốn Viện Tim hỗ trợ đào tạo, xây dựng thêm một Bệnh viện chuyên khoa tim hiện đại, cùng quy mô như Viện Tim để nâng công suất mổ cả nước lên gấp 3 lần công suất của Viện Tim. Từ mục đích cao đẹp đó và trên cơ sở chính sách xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực Giáo dục, Y tế, Văn hóa Thể thao ban hành trong Nghị định số 73/1999/NĐCP ngày 19/8/1999 của Chính phủ, Bệnh viện Tim Tâm Đức đã được hình thành.

Ngày 27/10/2000 UBND thành phố Hồ Chí Minh qua công văn số 1641-VP-VX chỉ đạo Sở Y tế xem xét tạo điều kiện thành lập một Bệnh viện Tim tư nhân; Ngày 3/11/2000 Sở Y tế thành phố đã có ý kiến chỉ đạo Viện Tim hỗ trợ về đào tạo nhân lực, chuyên giao kỹ thuật cho Bệnh viện Tim Tâm Đức; Ngày 17/5/2002 Đại hội cổ đông sáng lập Công ty cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức gồm 8 thành viên với sự giúp đỡ của các Cố vấn: TS. BS. Nguyễn Ngọc Chiêu, PGS. TS. BS. Phạm Nguyễn Vinh, BS. Phan Kim Phương và được sự ủng hộ nhiệt tình của GS. VS. Dương Quang Trung, GS. Alain Carpentier là những vị sáng lập nên Viện Tim, đã đặt những nền móng đầu tiên cho sự phát triển của Tâm Đức.

Ngày 16/07/2002 Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103001109 cho



Công ty cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức. Năm 2004 Bệnh viện Tim Tâm Đức thuộc Công ty cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức được khởi công xây dựng trên diện tích 10.000m² tại số 04 Nguyễn Lương Bằng, P.Tân Phú, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Diện tích sử dụng 17.984 m², quy mô 180 giường, có đầy đủ các khoa:

- Khoa Khám điều trị ngoại trú có khả năng khám và điều trị mỗi ngày từ 300 đến 400 người bệnh về tim mạch; về chuyên Khoa Mắt, Tai Mũi Họng, Răng Hàm Mặt, Sản Phụ khoa có liên quan vấn đề tim mạch, về cận lâm sàng và xét nghiệm.

- Khoa Phẫu thuật tim và mạch máu có 72 giường điều trị và 2 phòng mổ hiện đại có khả năng mổ 4-6 ca /ngày , 1.000 đến 1.200 ca/năm với các bệnh lý Tim bẩm sinh, bệnh van tim, bệnh động mạch vành và các bệnh tim và mạch máu khác.

- Khoa Hồi sức ngoại tim mạch có 15 giường Hồi sức sau mổ tim có khả năng điều trị hiệu quả những trường hợp hậu phẫu nặng, cho những bệnh nhi rất nhỏ tuổi cũng như những bệnh nhân rất nhiều tuổi.

- Khoa Hồi sức cấp cứu nội tim mạch có 18 giường, điều trị cấp cứu và hồi sức tích cực các bệnh lý tim mạch.

- Khối Nội tim mạch có 80 giường được tổ chức thành 3 Khoa NTM 1,2,3, điều trị nội các bệnh lý tim mạch cũng như những bệnh lý khác có liên quan đến tim mạch, có Phòng thăm dò chức năng tim mạch (Siêu âm Tim, ECG gắng sức), Phòng thăm dò loạn nhịp, khảo sát điện sinh lý tim để chẩn đoán cắt đốt hoặc cấy đặt các thiết bị điều trị rối loạn nhịp tim và Khoa thông tim can thiệp có khả năng thông tim can thiệp 5-6 trường hợp mỗi ngày, điều trị bệnh lý mạch vành, bệnh lý mạch máu khác, bệnh lý tim bẩm sinh và siêu âm trong lòng mạch (IVUS).

Bệnh viện Tim Tâm Đức tổ chức đơn vị Tiếp tân chuyên nghiệp, hướng dẫn chu đáo cho người đến khám bệnh, có nhà hàng phục vụ ăn uống và giải khát lịch sự, là nơi cung cấp thức ăn cho bệnh nhân điều trị nội trú cũng như thân nhân người bệnh với nguồn thực phẩm đảm bảo chất lượng, là nơi có thể tổ chức hội nghị khoảng 300 người. Đặc biệt Bệnh viện Tim Tâm Đức có bãi đáp trực thăng dành cho trường hợp cấp cứu khẩn cấp trong tương lai khi điều kiện cho phép.

Sau 18 tháng xây dựng và hơn 2 năm đào tạo đội ngũ chuyên khoa nội, ngoại khoa cho hơn 100 bác sĩ và y tá, Bệnh viện Tim Tâm Đức đã chính thức khánh thành vào ngày 08/03/2006 và đã nhanh chóng trở thành niềm hy vọng mới của những người mắc bệnh tim cần mổ để được sống, cần thông tim can thiệp kịp thời, điều trị loạn nhịp tiên tiến hoặc điều trị nội khoa hiệu quả.





CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

- Tên giao dịch : **TAM DUC CARDIOLOGY HOSPITAL JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt : **TAM DUC CO.**
- Địa chỉ : Số 04 Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tel: (028) 54110025 Fax: (028) 54110029
- Website: www.tamduchearthospital.com.vn
- Mã số doanh nghiệp: 0302668322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 16/7/2002; đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 25/06/2015.
- Vốn điều lệ: 155.520.000.000đồng (*một trăm năm mươi lăm tỷ năm trăm hai mươi triệu đồng chẵn*).
- Người đại diện theo pháp luật của công ty :
TS.BS. NGUYỄN NGỌC CHIẾU Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Công ty cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức là công ty đại chúng theo công văn số 08/UBCK-QLPH ngày 17/01/2008 của UBCK Nhà nước.
- Công ty cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức chính thức đăng ký giao dịch trên sàn Upcom qua quyết định số 65/QĐ-SGDHN do Tổng giám đốc SGDCK Hà nội cấp ngày 23/01/2017. Ngày giao dịch đầu tiên là 06.02.2017. Giá tham chiếu là 36.000 đồng/cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu: 15.552.000 cổ phiếu
- Mệnh giá của cổ phiếu: 10.000đ/cổ phiếu

II. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

1. PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN:

Từ 08/3/2006 đến 31/12/2021, sau 16 năm hoạt động Bệnh viện Tim Tâm Đức đã khám điều trị ngoại trú cho 1.155.266 người bệnh; điều trị nội trú 72.409 người bệnh trong đó gần 60% từ các tỉnh miền Bắc, miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long. Đã mổ 10.640 trường hợp tim bẩm sinh, bệnh van tim và bệnh mạch vành; đã thông tim can thiệp cho 19.653 trường hợp; đã khảo sát điện sinh lý và đặt máy tạo nhịp cho 3.213 trường hợp. Đặc biệt trước kia những người nước ngoài làm việc tại Việt nam mắc bệnh tim thường phải được cấp cứu chuyển sang nước ngoài điều trị rất phức tạp, nguy hiểm và tốn kém. Những năm gần đây, người nước ngoài làm việc tại Việt nam (Mỹ, Pháp, Nga, Ý, Anh, Đức, Nhật, Hàn quốc, Ấn độ, Đài loan, Singapore, Lào, Campuchia...) có vấn đề về tim mạch đã đến Tâm Đức để cấp cứu, thông tim, điều trị loạn nhịp và mổ bắc cầu động mạch vành.

Ngoài hoạt động khám, chữa bệnh, Bệnh viện Tim Tâm Đức còn phải chăm lo cho những người nghèo để cho họ cũng có cơ hội được chữa trị.

Không chỉ những người có khả năng chi trả chi phí mới được mổ tại Bệnh viện Tim Tâm Đức mà nơi đây còn là địa chỉ tin cậy để các Tổ chức từ thiện, Hội bảo trợ Bệnh nhân nghèo các tỉnh, Thành trong cả nước tin tưởng gởi các cháu bị bệnh tim bẩm sinh đến phẫu thuật. Tổng số bệnh nhân được phẫu thuật tim do các tổ chức và cá nhân từ thiện tài trợ chi phí từ lúc Bệnh viện bắt đầu hoạt động đến 31.12.2021 là 6.550 trường hợp chiếm tỷ lệ 62% tổng số bệnh nhân được mổ (6.550/10.640), với tổng số tiền được tài trợ lên đến trên 400 tỷ đồng.

Bệnh viện luôn coi trọng công tác đào tạo chuyên môn, giúp đỡ y tế tuyến trước, tổ chức các khoá học về điện tâm đồ; chẩn đoán và điều trị loạn nhịp tim; định kỳ cử các bác sĩ đứng đầu các Khoa về y tế cơ sở ở thành phố Hồ Chí Minh cũng như các tỉnh miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long sinh hoạt chuyên môn, trao đổi kinh nghiệm trong chẩn đoán và điều trị các bệnh về tim mạch.





GS. Alain Carpentier & TS.BS. Nguyễn Ngọc Chiêu

TỪ VIỆN TIM ĐẾN TÂM ĐỨC



ThS.BS. Phan Kim Phuong, tu nghiệp tại BV Broussais, Pháp (1989-1991),
Phẫu thuật viên trưởng phẫu thuật tim Viện tim (1992-2015),
Thành viên Hội Phẫu thuật Lồng ngực Việt Nam, Nguyên Giám đốc Viện Tim



ThS.BS. Phan Kim Phuong,
Sáng lập - Cố vấn Chuyên môn Bệnh viện Tim Tâm Đức



TS.BS. Tôn Thất Minh
Thành viên Hội Nhịp tim Châu Á Thái
Bình dương (APHRs)
Chủ tịch Hội Nhịp Học Tp. HCM
Chủ tịch trưng cử Hội Nhịp học Việt Nam
Giám đốc Bệnh viện Tim Tâm Đức



TS.BS. Tôn Thất Minh
tu nghiệp tại BV Jean Rostang, Paris, Pháp (1998-1999)



TS.BS. Tôn Thất Minh
tại National Heart Center – Singapore (2000-2001)



TS.BS. Tôn Thất Minh
báo cáo tại Hội nghị thường niên Hội Nhịp tim
Châu Á Thái Bình Dương (APHRs 2016)



TS.BS. Chu Trọng Hiệp
Tu nghiệp tại BV Georges Pompidou, Paris, Pháp (2002-2003)
Ủy viên Ban Chấp hành Hội phẫu thuật tim mạch lồng ngực
Việt Nam và Tp. HCM
Hội viên Hội tim mạch Việt Nam



TS.BS. Chu Trọng Hiệp
Giám đốc Ngoại Tim Mạch Bệnh viện Tim Tâm Đức



TS.BS. Đinh Đức Huy
Thành viên Hội can thiệp tim mạch Hoa kỳ (SCAI)
Thành viên Hội tim mạch can thiệp Châu Á
Thái Bình dương (APSIC)
Thành viên Hội Tim mạch Can thiệp Tp. HCM
Thành viên Hội Tim mạch Can thiệp Việt nam
Giám đốc Nội tim mạch Bệnh viện Tim Tâm Đức



TS.BS. Đinh Đức Huy
tu nghiệp tại Viện Tim Mạch Quốc gia Malaysia
(Institut Jantung Negara) (2004-2005)
báo cáo tại Hội nghị Thường niên về Tim mạch
Can thiệp Malaysia (Malaysia Live 2018)



TS.BS. Đinh Đức Huy,
đồng chủ tọa Hội nghị thường niên Thông tin can thiệp Châu Á
(Co-course Director - 1st Asian ACC) 2017



ThS.BS. Nguyễn Huỳnh Khương,
Tu nghiệp tại Viện Tim Mạch Quốc gia Malaysia
(Institut Jantung Negara) (2006-2007)
Thành viên Hội Tim mạch Can thiệp Việt nam
*Phó Giám đốc Thông tin can thiệp và Bệnh lý mạch máu
Bệnh viện Tim Tâm Đức*



ThS.BS. Nguyễn Huỳnh Khương
Báo cáo tại Hội nghị thường niên Thông tin can
thiệp Châu Á (Speaker- 1st Asian ECC) 2017



PGS.TS.BS. Nguyễn Thị Bích Đào
Phó Chủ tịch Hội Nội tiết-Đái tháo đường Việt nam
Phó chủ tịch Hội Đái tháo đường và Nội tiết Tp HCM
Phó chủ tịch Hội Loãng xương Tp HCM
Ủy viên Ban chấp hành hội Vietspen Viet Nam
Phó Giám đốc Nội tiết-Chuyển hóa & Dinh dưỡng Bệnh viện Tim Tâm Đức



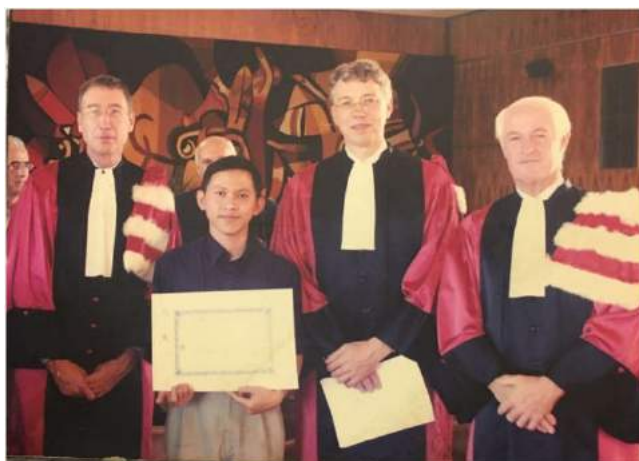
PGS.TS.BS. Nguyễn Thị Bích Đào
Chủ tọa, đồng chủ tọa, báo cáo viên tại các hội thảo chuyên ngành tại Việt nam



BS. CKI. Đỗ Văn Bửu Đan
Thành viên Ban Chấp Hành Hội nhịp tim TpHCM
Thành viên Ban chấp hành phân hội nhịp học Việt Nam
Thành viên phân ban Thiết bị điều trị loạn nhịp của Hội
Nhịp tim Châu Á Thái Bình Dương
(Device subcommittee of APHRS)
Tổng Giám đốc - Phó Giám đốc Điện sinh lý tim
Bệnh viện Tim Tâm Đức



BS. CKI Đỗ Văn Bửu Đan
Hội nghị kỷ niệm 20 năm thành tựu cắt đốt tại
Đài Loan



BS. CKI Đỗ Văn Bửu Đan tu nghiệp tại
Université Segalen de Bordeaux 2, Pháp (2004)



BS. CKI Đỗ Văn Bửu Đan
Thành viên cao cấp Hội Nhịp tim Hoa Kỳ
(FHRS) 2017

2. PHÁT TRIỂN CƠ SỞ:

Bệnh viện Tim Tâm Đức đã được xây dựng 17.322 m² trên diện tích 10.000m² do UBND TP giao đất sử dụng trong 50 năm, khánh thành ngày 08/03/2006.

Ngày 03/02/2005, Tâm Đức được UBND TP cho thuê thêm có trả tiền sử dụng đất hàng năm 5.000 m² ở khu vực phía sau liền kề để mở rộng cơ sở để xứng tầm khu vực

Ngày 18/09/2009, Bệnh viện Tim Tâm Đức được phép xây dựng khu vực phía sau gồm 8 tầng, diện tích sàn xây dựng: 7.067m² để phát triển thêm 2 khu hồi sức nội và ngoại với 40 giường hồi sức; 2 phòng can thiệp tim mạch; 1 phòng khám số 2 có khả năng khám và điều trị ngoại trú cho 250 bệnh nhân/ngày và 3 Khoa điều trị mới với 80 giường.

Dự án đã được khởi công ngày 21/06/2010, hoàn thành vào cuối tháng 9/2011, hoạt động từ tháng 10.2011.

Đến nay, Tâm Đức có 2 khu khám ngoại trú, 236 giường nội trú, 6 Khoa điều trị nội và ngoại tim mạch, khu khám bệnh, điều trị và hồi sức đặc biệt, 2 phòng Thông tim can thiệp, 1 Phòng điện sinh lý tim, 3 phòng mổ, cấp cứu và 2 khoa Hồi sức tim mạch, 1 phòng chụp X Quang cắt lớp (MSCT), 1 phòng nội soi tiêu hoá.

3. PHÁT TRIỂN VỐN ĐIỀU LỆ:

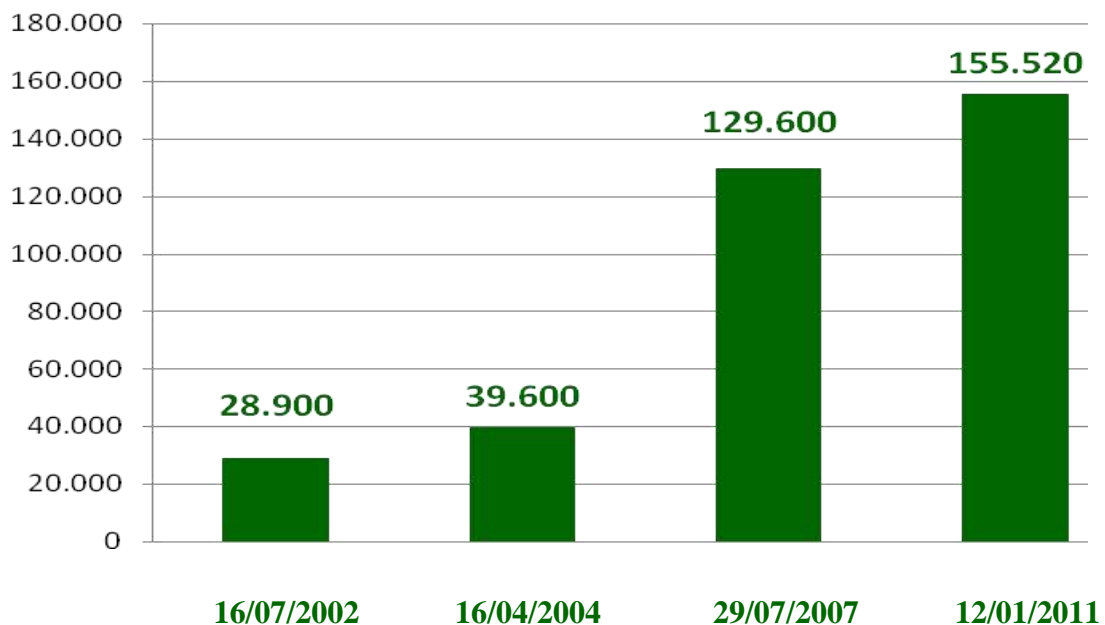
Công ty được thành lập ngày 16/07/2002 vốn điều lệ ban đầu là 28,9 tỷ đồng.

Đã có 2 đợt tăng vốn điều lệ trong các năm 2004 và 2007 theo các nghị quyết của Đại Hội Cổ Đông.

Ngày 24/04/2010, Đại hội cổ đông thường niên đã thông qua nghị quyết tăng vốn góp thêm 25,92 tỷ đồng từ các cổ đông hiện hữu. Ngày 12/01/2011, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu (theo Giấy chứng nhận chào bán số 733/UBCK-GCN ngày 16/11/2010 của UBCKNN), vốn điều lệ hiện nay là 155,52 tỷ đồng. Tổng số cổ đông đến ngày 31.12.2020 là 257, có 13 cổ đông cá nhân nước ngoài, sở hữu 74.500 cổ phiếu, chiếm 0,47% vốn điều lệ; 4 cổ đông tổ chức nước ngoài, sở hữu 122.600 cổ phiếu, chiếm 0,78% vốn điều lệ.

BIỂU ĐỒ TĂNG TRƯỞNG VỀ VỐN GÓP CỦA CỔ ĐÔNG

Đơn vị : triệu đồng





*Phẫu thuật tim hở tại TÂM ĐỨC
BS. Phan Kim Phương, phẫu thuật viên tim, nguyên Giám đốc Viện tim Tp. HCM
Cố vấn chuyên môn Bệnh viện Tim Tâm Đức*

Phần II

**HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÂM ĐỨC NĂM 2021
KẾ HOẠCH TÂM ĐỨC NĂM 2022**

A. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021.

I. KẾT THÚC KẾ HOẠCH 2020, XÂY DỰNG KẾ HOẠCH 2021

1. Báo cáo tài chính niên độ 2020 ngày 05.03.2021
2. Kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2019 do Công Ty Kiểm Toán AISC thực hiện ngày 05.03.2021, kết quả tốt
3. Ban kiểm soát làm việc với lãnh đạo Công Ty về kết quả hoạt động năm 2020 vào ngày 23.03.2021 nhất trí với kết quả hoạt động và việc thực hiện qui trình quản lý của Công Ty.
4. Đánh giá về sức khỏe tài chính của Công Ty do Thạc sỹ Phạm Anh Dũng, Thành viên Hội Đồng Quản Trị giám sát về tài chính và một chuyên gia tài chính độc lập đều cho thấy sức khỏe tài chính của Tâm Đức tốt.
5. Xây dựng kế hoạch 2021:

Về chuyên môn:

- Năm 2021, tình hình chung có nhiều khó khăn về dịch Covid 19 và biến động nhân sự nên các chỉ tiêu chuyên môn giữ ở mức tương đương 2020..
- Thông tim can thiệp và Điện sinh lý tim phải đạt trên 1.500.
- Về mổ tim: vì hiện nay số trung tâm mổ tim ở thành phố và cả nước cao hơn nhiều so với các năm trước đó. Hơn nữa, do ảnh hưởng của dịch Covid, Tâm Đức xác định kế hoạch mổ tim của 2021 là mức 300, trong đó 60% là trẻ em nghèo cần tài trợ.

Về nhân sự:

- Chủ yếu sẽ chỉ là tuyển dụng thay thế nhân viên nghỉ việc và cho các hoạt động mới. Tiếp tục đào tạo trong nước và ngoài nước.
- Lương tối thiểu vùng tăng theo qui định nên lương và mức đóng BHXH cao hơn. Do đó, tổng quỹ lương sẽ phải tăng
- Tâm Đức bảo đảm thưởng cuối năm khi hoàn thành kế hoạch ít nhất là 2 tháng lương cơ bản.

Về tài chính:

Năm 2021 các chi phí đều cao hơn năm trước và dịch bệnh Covid19 còn rất phức tạp. Do đó, Tâm Đức phải luôn luôn tuân thủ quy định về tiết kiệm mới có thể đạt kết quả tài chính khả quan

II. CHUẨN BỊ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG 2021

Hội Đồng Quản Trị đã họp phiên thứ 2 năm 2021 ngày 03.03 2021 để thông qua kết quả hoạt động 2020, kế hoạch 2021, và chuẩn bị tổ chức Đại Hội Cổ Đông thường niên năm 2021

Nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị ngày 03.03.2021 đã thông qua đánh giá hoạt động năm 2020 và xác định kế hoạch năm 2021 về chuyên môn và về tài chính ở mức tương đương năm 2020.

<i>Tổng doanh thu</i>	<i>: 575 tỷ đồng.</i>
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>: 61 tỷ đồng.</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	<i>: 54 tỷ đồng.</i>
<i>Cổ tức</i>	<i>: 28%/mệnh giá.</i>

Tuy nhiên, thời điểm này dịch Covid phát triển nhanh, hoạt động của Bệnh viện sụt giảm nhanh chóng, vì vậy, Kế hoạch Tâm Đức 2021 sẽ phải điều chỉnh ở thời điểm sát Đại hội, trình Đại hội Cổ đông 2021 thông qua.

III. ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021 NGÀY 24.04.2021:

- Tổng số cổ đông chốt danh sách ngày 26.03.2021: 267
- Tổng số cổ đông tham dự đại hội: 133
- Tổng số cổ phần tham dự đại hội: 13.469.592 cổ phần, chiếm tỷ lệ 86,61%
- Nghị quyết của Đại Hội Cổ Đông ngày 24.04.2021:

Đại hội biểu quyết thông qua Nghị Quyết Đại Hội Cổ Đông 24.04.2021:

1. *Thông qua kết quả thực hiện kế hoạch năm 2020, báo cáo kiểm toán niên độ 2020 (100%)*
2. *Thông qua báo cáo của ban kiểm soát năm 2020. (100%)*
3. *Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận 2020. Mức chi trả cổ tức 2020 là 28%/mệnh giá. (100%)*
4. *Thông qua đề xuất uỷ quyền HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2021 (100%)*
5. *Thông qua kế hoạch Tâm Đức 2021 (100%)*
Về nhân sự: *Tâm Đức đã hoạt động ổn định và phát triển 15 năm. Đội ngũ lãnh đạo và chuyên môn của Tâm Đức đã trưởng thành, nhưng cần tiếp tục đào tạo sau đại học ở những vị trí kỹ thuật xung yếu và chuẩn bị lực lượng lãnh đạo kế thừa.*
Về chuyên môn: Năm 2021, tình hình chung có nhiều khó khăn về dịch Covid 19 và biến động nhân sự nên các chỉ tiêu chuyên môn giữ ở mức tương đương 2020. *Khám bệnh, cấp cứu và điều trị nội trú tương đương 2020. Phẫu thuật tim phải đạt 300, thông tim can thiệp và điện sinh lý tim phải đạt trên 1.500.*
Về tài chính: vì những khó khăn nêu trên nên các chỉ tiêu tài chính nên ở mức:

<i>Tổng doanh thu</i>	<i>550 tỷ đồng</i>
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>55 tỷ đồng</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	<i>49 tỷ đồng</i>
<i>Cổ tức</i>	<i>26%/mệnh giá</i>
6. *Thông qua kế hoạch trích quỹ 2021 (100%)*
7. *Thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2021 (100%)*



Đường vào Bệnh viện Tim Tâm Đức

IV. THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG 24.04.2021:

Năm 2021, Hội Đồng Quản Trị đã họp 4 phiên như sau:

- Hội Đồng Quản Trị NKVI đã họp ngày 02.06.2021 nhằm Tái cấu trúc cơ cấu nhân sự Tâm Đức để hoạt động hiệu quả hơn. Tỷ lệ tham dự: 4/5
- Hội Đồng Quản Trị NKVI đã họp ngày 08.06.2021 nhằm Quyết định chọn Tổng Giám đốc mới của Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức. Tỷ lệ tham dự: 5/5
- Hội Đồng Quản Trị NKVI đã họp ngày 15.06.2021 nhằm Quyết định thông qua phương án vay vốn của Ngân hàng TMCP Việt nam – Chi Nhánh Nam Sài Gòn. Tỷ lệ tham dự: 4/5
- Hội Đồng Quản Trị NKVI đã họp ngày 16.08.2021 nhằm Quyết định tạm hoãn chi cổ tức đợt 1 năm 2021. Tỷ lệ tham dự: 5/5
- Hội Đồng Quản Trị NKVI đã họp ngày 21.01.2022 nhằm đánh giá kết quả hoạt động năm 2021, chuẩn bị kế hoạch năm 2022. Tỷ lệ tham dự: 5/5
- Hội Đồng Quản Trị NKVI đã họp ngày 08.03.2021 đánh giá kết quả hoạt động năm 2021 chuẩn bị kế hoạch 2022 và tổ chức Đại Hội Cổ Đông 2022. Tỷ lệ tham dự: 4/4

Cổ tức từ 2011-2020:

Năm 2011: cổ tức cả năm là 26%/mệnh giá. Tạm ứng đợt 1: 10% ngày 20.08.2011; tạm ứng đợt 2: 10% ngày 10.01.2012; đợt 3: 6% ngày 10.05.2012.

Năm 2012 : cổ tức cả năm là 26%/mệnh giá. Tạm ứng đợt 1: 10% ngày 28.08.2012; tạm ứng đợt 2: 10% ngày 28.12.2012; đợt 3: 6% ngày 11.05.2013.

Năm 2013 : cổ tức cả năm là 26%/mệnh giá. Tạm ứng đợt 1: 10% ngày 22.08.2013; tạm ứng đợt 2: 10% ngày 14.01.2014; đợt 3: 6% chi vào ngày 12.05.2014.

Năm 2014 : cổ tức cả năm là 30%/mệnh giá. Tạm ứng đợt 1: 10% ngày 15.08.2014; tạm ứng đợt 2: 10% ngày 20.01.2015; đợt 3: 10% chi vào ngày 22.05.2015.

Năm 2015: cổ tức cả năm là 30%/mệnh giá. Tạm ứng đợt 1: 10% ngày 18.08.2015; tạm ứng đợt 2: 10% ngày 21.12.2015; đợt 3: 10% chi vào ngày 20.05.2016.

Năm 2016: cổ tức cả năm là 30%/mệnh giá. Tạm ứng cổ tức đợt 1: 10% mệnh giá vào ngày 15.08.2016, tạm ứng cổ tức đợt 2: là 10%/ mệnh giá vào ngày 12.12.2016 đợt 3: 10%/mệnh giá chi vào ngày 29.05.2017.

Năm 2017: cổ tức cả năm là 33%/mệnh giá. Tạm ứng cổ tức đợt 1 là 10%/mệnh giá vào ngày 16.08.2017, cổ tức đợt 2 là 10%/mệnh giá vào ngày 19.01.2018. đợt 3: 13%/mệnh giá chi vào ngày 23.05.2018

Năm 2018: cổ tức cả năm là 33%/mệnh giá. Tạm ứng cổ tức đợt 1 là 11%/mệnh giá vào ngày 08.08.2018, cổ tức đợt 2 là 11%/mệnh giá vào ngày 21.01.2019, đợt 3 là 11%/mệnh giá vào ngày 24.05.2019.

Năm 2019: Mức cổ tức 2019 chi trả theo nghị quyết ĐHCĐ 27.04.2019 là 33%/mệnh giá. Tâm Đức đã tạm ứng cổ tức đợt 1 là 11%/mệnh giá vào ngày 21.08.2019, cổ tức đợt 2 là 11%/mệnh giá vào ngày 21.11.2019, đợt 3 là 11%/mệnh giá vào ngày 26.05.2020.

Năm 2020: Mức cổ tức 2020 chi trả theo nghị quyết ĐHCĐ 24.04.2021 là 28%/mệnh giá. Tâm Đức đã tạm ứng cổ tức đợt 1 là 6%/mệnh giá vào ngày 18.08.2020, tạm ứng cổ tức đợt 2 là 8%/mệnh giá vào ngày 15.01.2021, đợt 3 là 14%/mệnh giá vào ngày 24.05.2021.

V. VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Theo Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16.11.2020 về công bố thông tin của Ủy Ban Chứng Khoán, Tâm Đức đã công bố theo qui định trên trang thông tin điện tử của Bệnh viện, cổng thông tin điện tử của Ủy Ban Chứng Khoán và gửi Ủy Ban Chứng Khoán, cổng thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán và gửi Sở Giao dịch Chứng khoán.

Ngày 09.03.2022, Tâm Đức đã thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại Hội Cổ Đông ngày 28.04.2022.



Đường vào cấp cứu TÂM ĐỨC



Bệnh viện Tim Tâm Đức, khu vực mới xây dựng 2012



B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. VỀ TỔ CHỨC NHÂN SỰ :

1.1. CƠ CẤU TỔ CHỨC

Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp năm 2000, lần lượt được thay thế bằng Luật Doanh nghiệp năm 2005, và Luật Doanh nghiệp năm 2014, các Luật khác có liên quan và Điều lệ của công ty. Hiện nay Công ty cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức có:

Bệnh viện Tim Tâm Đức số 04 Nguyễn Lương Bằng, P.Tân Phú, Q.7, Tp.Hồ Chí Minh.

1.2. NHÂN SỰ

1.2.1 NHÂN SỰ LÃNH ĐẠO:

1. SÁNG LẬP . CỔ VẤN TÂM ĐỨC:

1. TS. BS. Nguyễn Ngọc Chiêu
2. ThS.BS. Phan Kim Phương

2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

- | | |
|-------------------------------|------------|
| 1. TS. BS. Nguyễn Ngọc Chiêu | Chủ tịch |
| 2. TS.BS. Chu Trọng Hiệp | Thành viên |
| 3. ThS. Phạm Anh Dũng | Thành viên |
| 4. BS. CKI. Phạm Bích Xuân | Thành viên |
| 5. DS. CKII. Thân Thị Thu Vân | Thành viên |

3. BAN GIÁM ĐỐC

- | | |
|-----------------------------------|---|
| 1. BS. CKI Đỗ Văn Bửu Đan | Tổng Giám Đốc- Phó Giám đốc Điện sinh lý tim |
| 2. TS. BS. Tôn Thất Minh | Giám Đốc Bệnh viện |
| 3. TS.BS. Chu Trọng Hiệp | Giám Đốc Ngoại tim mạch |
| 4. BS. Đinh Đức Huy | Giám Đốc Nội tim mạch |
| 5. BS. Phạm Bích Xuân | Giám Đốc Đối Ngoại |
| 6. ThS. Phan Thị Thanh Nga | Giám Đốc Tài Chính-Kế toán trưởng |
| 7. PGS.TS.BS. Nguyễn Thị Bích Đào | Phó Giám Đốc phụ trách Nội tiết-Chuyển hoá & Dinh dưỡng |
| 8. ThS.BS. Nguyễn Huỳnh Khương | Phó Giám Đốc – Thông tin can thiệp và Bệnh lý mạch máu |
| 9. BS. CKII Lý Huy Khanh | Phó Giám đốc Kế hoạch Tổng hợp |
| 10. ThS.BS. Ngô Thị Kim Ánh | Phó Giám đốc Khám bệnh & Điều trị ngoại trú |
| 11. BS. CKII Thái Minh Thiện | Phó Giám đốc Cấp cứu & Hồi sức Nội tim mạch |
| 12. CN. Nguyễn Ngọc An Khôi | Phó Giám Đốc Quản lý Chất lượng Bệnh viện |
| 13. CN. Trương Thị Mai Lan | Phó Giám Đốc Hành chánh |
| 14. CN. Trần Thị Thanh Nhân | Phó Giám Đốc Quản trị và Tổ chức nhân sự |

4. BAN KIỂM SOÁT

- | | |
|----------------------------|------------|
| 1. CN. Vương Thị Quỳnh Anh | Trưởng Ban |
| 2. Bà. Bùi Thúy Kiều | Thành viên |
| 3. BS. Nguyễn Nhị Phương | Thành viên |

1.2.2. NHÂN SỰ:

Tổng số nhân viên tại thời điểm 31/12/2021 là: 496 người, thành phần như sau:

Stt	Chức danh	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	Tỷ lệ %
1	Phó Giáo sư	1	2	2	2	2	2	2	2	1	0.38
2	Tiến sĩ	2	2	3	3	3	3	3	4	4	0.76
3	Thạc sĩ y khoa	12	13	14	17	17	20	21	25	21	4.36
4	Chuyên khoa I	16	16	22	21	20	19	29	32	19	4.36

5	Chuyên khoa II		2	4	4	6	9	9	8	7	1.14
6	Bác sĩ	64	64	58	54	50	46	33	22	17	3.60
7	Thạc sĩ dược khoa						1	1	1	0	0.19
8	Dược sĩ	4	4	4	5	5	5	5	6	5	0.95
9	Dược cao đẳng							1	2	5	0.38
10	Dược trung cấp	18	18	20	20	20	21	21	20	13	3.41
11	Dược tá	2	2	2	2	2	2	1	1	1	0.19
12	Điều dưỡng	201	201	213	209	216	237	234	227	177	40.53
13	KTV	30	31	33	35	35	36	37	36	33	6.44
14	Trợ thủ nha	3	3	3	3	3	3	3	1	0	0.00
15	Y công	61	61	62	63	60	69	75	75	65	12.12
16	Thạc sĩ khác					1	1	2	3	2	0.57
17	Đại học khác	28	25	27	35	36	36	38	39	33	7.20
18	Cao đẳng	10	8	8	8	7	9	9	12	12	1.52
19	Trung cấp	19	20	20	18	17	20	17	16	14	2.65
20	Khác	58	53	54	54	58	53	51	52	67	9.28
	Tổng số	529	525	549	553	558	592	592	584	496	100

Năm 2021 có nhiều biến động quan trọng về nhân sự do hấp lực bất thường của một bệnh viện tư mới, sự sắp xếp lại cơ cấu hoạt động phù hợp và tình hình dịch bệnh Covid 19.

Tổng số nhân sự tháng 12.2021: 496, giảm 15% so với năm 2020 (496/584). Trong đó, bác sĩ giảm 26% (69/93), điều dưỡng giảm 20% (210/263)

Tổng số bác sĩ: 69, đã giảm 26% so với năm 2020 (69/93). 75% là bác sĩ sau đại học.

Tổng số điều dưỡng và kỹ thuật viên: 210, đã giảm 20% so với năm 2020 (210/263). 34% là điều dưỡng sau đại học.

Tỷ lệ điều dưỡng/bác sĩ là 3 (210/69=3), cao hơn tiêu chuẩn 2,5.

1.3. BẢO HIỂM XÃ HỘI VÀ BẢO HIỂM Y TẾ CHO NHÂN VIÊN :

Đến 31/12/2021, 466 nhân viên được đóng BHXH

Tổng số tiền trích nộp BHXH, BHYT, BHTN từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 là 11.564.287.204 đồng (Trong đó Công ty đóng 7.742.534.928 đồng (67,40%), người lao động đóng 3.821.572.276 đồng (32,60%))

1.4. LƯƠNG THƯỜNG :

Đơn vị tính: đồng

Năm	Tổng quỹ lương	Tổng chi phí	Tỷ lệ %
2015	90.578.564.688	385.658.363.692	23,4%
2016	96.397.450.849	417.499.744.788	23,1%
2017	114.955.958.436	474.443.648.318	24,2%
2018	126.137.241.478	509.763.277.451	24,7%
2019	144.670.838.533	576.901.449.490	25,0%
2020	129.751.596.701	513.361.730.442	25,3%
2021	110.090.672.126	421.227.684.822	26,1%

Tổng quỹ lương năm 2021 là 110 tỷ, giảm nhiều là do dịch bệnh Covid

2. VỀ HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN:

Năm 2021, tình hình chung có nhiều khó khăn, đặc biệt vì dịch bệnh Covid 19 hết sức phức tạp và kéo dài, ảnh hưởng nặng đến công suất hoạt động của Tâm Đức. Vì vậy Bệnh viện Tim Tâm Đức không thể đạt kế hoạch năm 2021.

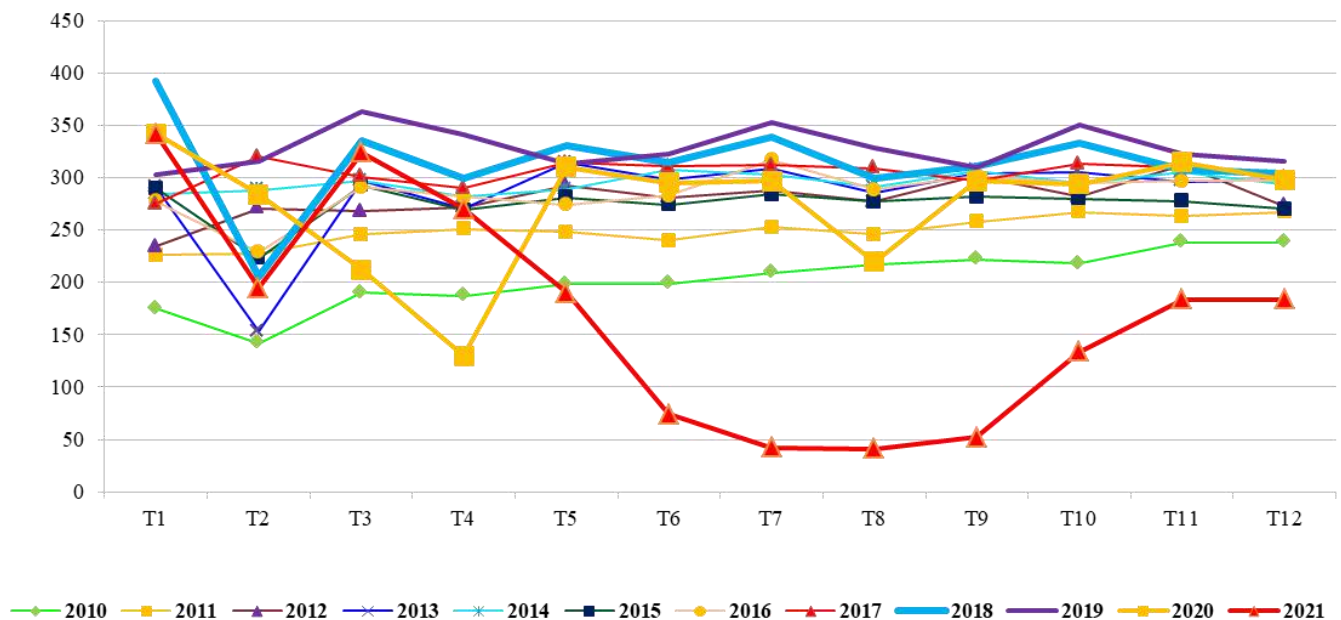
2.1. KHU KHÁM BỆNH VÀ ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ CỦA BỆNH VIỆN

	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Khám tim	82.470	82.076	76.459	79.095	83.328	86.808	91.025	74.868	46,450
Khám chuyên gia theo yêu cầu	32.566	31.828	29.816	31.246	32.712	38.803	38.615	29.914	18,614
Khám thường quy	48.642	50.248	46.643	47.849	50.616	48.005	47.420	35.870	18,822
Khám khu VIP							4.990	9.084	9,014
Hội chẩn ngoại	721	530	540	356	494	431	347	230	84
Hội chẩn nội	701	709	741	667	419	426	305	202	47
Khám RHM	2.831	2.494	1.734	1.509	1.402	1.538	1.733	1.306	326
Khám TMH	2.439	2.357	2.477	2.494	2.327	2.161	1.791	1.080	255
Khám mắt	2.440	2.282	2.315	2.040	1.430	1.260	1.188	770	240
Khám phụ khoa	500	529	736	608	516	498	-	-	-
Khám nội thân		19	0		-	-	-	-	-
Khám nội thần kinh		65	7		-	-	-	-	-
Khám nội tiết		192	942	995	1.201	1.269	1.495	1.190	601
Khám nam khoa				66	39	6	4	-	-
Nội tổng quát			647	2.987	2.816	1.776	1.537	795	260
Khám nhi			124	505	434	301	212	96	23
Khám sức khoẻ tổng quát			473	844	672	-	-	-	-
Tổng cộng	92.102	91.253	87.195	92.166	95.078	96.474	104.627	80.537	48,286

Khám bệnh năm 2021 chỉ đạt được 60% so với 2020 (48.206/80.537).

Người bệnh không đến được Tâm Đức trong các tháng 6,7,8,9 khi dịch Covid 19 tăng cao. Có ngày chỉ có 60 người bệnh so với hơn 300 người bệnh lúc bình thường.

Biểu đồ 01: Số lượt bệnh nhân khám bình quân/ngày từ 2010 đến 2021



2.2. ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ:

a. Bệnh nhân nhập viện:

	2015		2016		2017		2018		2019		2020		2021	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
TPHCM	2.176	45	2.458	46	2.617	48	2.854	52	2.545	51	1.702	41	1,681	57
Tỉnh phía Nam	2.048	42	2.285	42	2.319	42	2.139	39	2.770	40	2.022	49	1,049	35
Tỉnh miền Trung	336	7	339	6	309	6	319	6	349	6	308	8	146	5
Tỉnh phía Bắc	266	5	32	1	22	0	16	0	32	0	13		4	
Nước ngoài	20	1	278	5	218	4	187	3	224	3	75	2	74	3
Cộng	4.846	100	5.392	100	5.485	100	5.515	100	5.920	100	4.120	100	2,954	100



Cấp cứu ngoại viện

Năm 2021 giảm 28% so với 2020 (2.954/4.120) và giảm 50% so với 2019 (2.954/5.920)

Bệnh nhân của Tâm Đức chủ yếu ở Tp. Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam. Bệnh nhân là người nước ngoài nhiều quốc tịch đã khám ở Tâm Đức tăng dần qua các năm. 2018: 1.459; năm 2019: 2.671; năm 2020: 1185; năm 2021: 1.064. Bệnh nhân là người nước ngoài đến điều trị nội trú 74 trường hợp, chiếm 3% bệnh nhân nội trú của Tâm Đức, bao gồm Úc, Campuchia, Hàn quốc, Ý, Trung quốc, Ấn độ, Phần Lan, Mỹ, Nga, Đài Loan.

Khu Khám Điều trị Đặc biệt và Hồi sức Đặc biệt đã được thành lập tháng 10.2018 nhằm đáp ứng yêu cầu của những người bệnh là người Việt nam ở nước ngoài và bệnh nhân người nước ngoài muốn được khám, điều trị và chăm sóc chất lượng cao đã có kết quả rất tốt, nâng cao uy tín của Tâm Đức.

b. Tổng số ngày nằm viện

Năm	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Tổng số ngày nằm viện	45.101	41.163	39.579	39.460	41.002	45.121	43.359	44.570	32.356	24.848

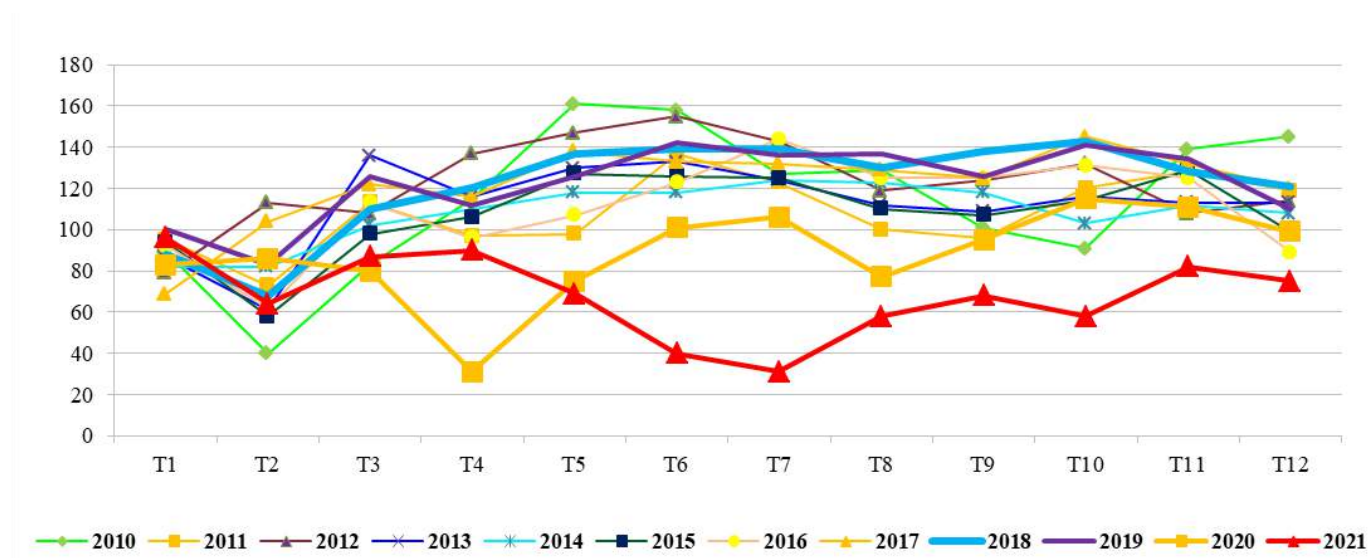
Tổng số ngày nằm viện năm 2021 giảm 23% so với năm 2020 (24.848/32.356), giảm 45% so với năm 2019 (24.848/44.570)

c. Số ngày điều trị trung bình

Khoa	Số ngày điều trị trung bình									
	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Nội tim mạch 1	5,3	5,2	5,2	5,9	5,3	4,9	4,85	5,08	4,55	4,56
Điều trị đặc biệt								4,56	4,7	5,55
Nội tim mạch 2	4,6	4,7	4,7	4,7	3,3	6,73	3,58	3,79	3,88	5,28
Nội tim mạch 3	6	5,9	6	6,5	6,5	6,93	4,89	5,3	5,82	5,87
Nội tim mạch 4	6,4	6,1	6,8	7,2	7,2	7,75	5,21	6,39	7,07	8,68
Nội tim mạch 5	5,4	5	5	5,6	6,5	10,34	6,13	6,95	7,22	8,49
Nội tim mạch - mạch máu	5	5	5,1	4,7	4,5	5,31	3,94	4,27	4,66	5,75
Hồi sức cấp cứu nội tim mạch	3,8	3,97	4,1	3,62	3,9	5,7	5,14	6,74	7,64	9
Cấp cứu						4,7	3,54	3,95	1,45	1,23
Ngoại tim mạch	6,7	6,1	6,7	6,5	6,7	15,94	5,9	11,33	9,9	9,33
Hồi sức cấp cứu ngoại tim mạch	2,4	2,66	3,4	3,62	3	4,02	3,02	3,72	4,64	6,3

Số ngày điều trị trung bình ổn định qua các năm. Số ngày điều trị trung bình của Khối nội từ 5-7 ngày, Ngoại tim mạch là 9 ngày, Hồi sức ngoại là 6 ngày. Ngày điều trị trung bình ở Hồi sức ngoại tăng là do những năm sau này, trẻ em mắc bệnh tim bẩm sinh đến Tâm Đức đa số là các trường hợp rất nặng.

Biểu đồ 02: Số bệnh nhân nằm viện bình quân/ngày từ 2010 đến 2021



Tổng số ngày nằm viện giảm rất sâu trong năm có dịch covid 19, đặc biệt vào các tháng 6,7,8,9,10 của năm 2021.



Khu khám Điều trị Đặc biệt



Bệnh nhân người nước ngoài



Khu Điều trị Đặc biệt

d. Tỷ lệ sử dụng giường bệnh

Khoa	Tỷ lệ sử dụng giường (%)									
	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Nội tim mạch 1	44	43	43	40	44	35	37	44	41	27
Điều trị đặc biệt								53	24	27
Nội tim mạch 2	55	52	52	43	36	50	44	39	30	38
Nội tim mạch 3	33	29	28	34	39	41	42	44	39	23
Nội tim mạch 4	43	41	42	44	45	51	46	50	51	53
Nội tim mạch 5	28	30	32	40	57	66	45	51	35	18
Nội tim mạch - mạch máu	43	48	40	38	42	40	44	42	33	39
Nội tim mạch trẻ em				16	40	25				
Hồi sức cấp cứu nội tim mạch	65	65	60	57	56	96	72	61	49	45
Cấp cứu						80	66	45	20	23
Ngoại tim mạch	53	39	34	35	59	70	62	57	35	17
Hồi sức cấp cứu ngoại tim mạch	57	63	64	52	46	59	46	61	55	31

Năm 2021 do dịch bệnh nên tình hình bệnh nhân điều trị nội trú giảm sâu. Tỷ lệ sử dụng giường chỉ ở mức 30%.



2.3 THÔNG TIN CAN THIỆP :

Năm	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
1 Mạch vành	1.039	1.231	1.293	1.427	1.442	1.554	1.125	724
Chụp mạch vành	721	858	863	938	944	1007	750	471
Chụp và nong mạch vành	80	0		0		0	0	
Nong mạch vành	238	373	430	489	498	547	375	253
2.Mạch máu	78	80	63	72	84	107	65	22
Chụp chẩn đoán m/ máu ngoại biên	6	11	13	11	11	25	9	3
Can thiệp mạch máu ngoại biên	11	17	2	5	3	14	6	1
Can thiệp mạch máu			4	0	1	3	7	0
Nong động mạch thận	0	0	1	1	1	0	0	0
IVUS	52	41	31	40	52	49	38	18
Can thiệp động mạch cảnh	3	3	2	5	8	3	2	0
Can thiệp động mạch chủ, bụng, ngực	6	4	6	7	3	9	3	0
Can thiệp động mạch chậu/dưới đòn/đùi	0	4	4	3	5	4	0	0
3.Nong van 2 lá bằng bóng	6	5	7	7	5	0	3	0
4. Nong van 2 lá bằng mitral clip		2	0	0	0	0	0	0
5. Thay van động mạch chủ qua da		1	0	0	4	0	0	0
6. Thay van động mạch phổi qua da							2	0
7. Tim bẩm sinh	188	170	171	132	142	143	101	19
Đóng ống động mạch	27	26	27	12	19	11	7	0
Đóng thông liên nhĩ	39	32	44	44	34	42	36	8
Chụp mmáu tbs	54	41	34	2	3	1	5	0
Đo kháng lực mạch máu phổi	35	43	34	36	5	1	0	0
Nong van động mạch phổi bằng bóng	5	4	5	4	4	11	4	2
Đo kháng lực mmáu phổi + chụp mm	7	10	9	28	68	61	42	8
Đo FFR	17	11	11	4	6	5	2	0
Đốt vách liên thất bằng cộn	4	3	1	1	1	6	4	1
Dò động mạch vành			4	1	0	0	0	0
Đặt stent động mạch phổi			2	0	1	1	1	0
Khoan tổn thương vôi hóa (ROTA)					1	4	0	0
Tổng cộng (1+2+3+4)	1.311	1.489	1.534	1.638	1.677	1.804	1.296	765

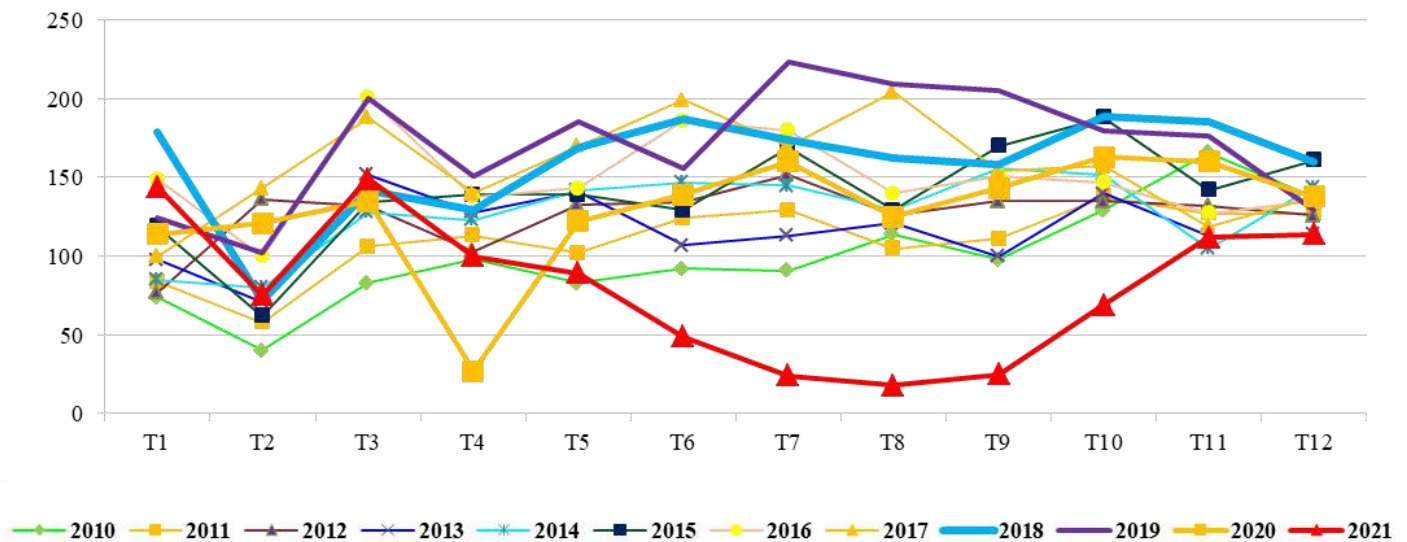
Kỹ thuật thông tim can thiệp ổn định và phát triển tốt trong nhiều năm và cứu sống được nhiều người bệnh trong 6 giờ vàng và đã phát triển thêm các kỹ thuật mới như đặt stent graft can thiệp động mạch chủ bụng, đặt stent động mạch phổi, khoan tổn thương vôi hóa (rota), thay van động mạch phổi qua da.

Năm 2021, do dịch Covid 19, thông tim can thiệp giảm 41% so với năm 2020 (765/1.296) và giảm 58% so với năm 2019 (765/1.804)



Thông tin can thiệp mạch vành

Biểu đồ 04: Số ca thông tim can thiệp và điện sinh lý tim hàng tháng từ 2010 đến 2021



2.4 ĐẶT MÁY TẠO NHỊP – KHẢO SÁT ĐIỆN SINH LÝ TIM

	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Đặt máy tạo nhịp tạm thời	5	4	7	12	16	9	7	8
Đặt máy tạo nhịp vĩnh viễn	51	34	40	62	63	67	46	66
Đặt máy ICD	16	11	22	36	19	26	42	21
Thay dây máy tạo nhịp	5	0	1	2	16	5	1	3
Khảo sát điện sinh lý	26	15	21	36	38	42	57	24
Khảo sát cắt đốt DSL	118	106	148	77	45	65	76	54
Thay máy PM	4	8	7	1	11	2	0	1
Cắt đốt bằng mapping 3D		14	17	18	21	20	22	26
Tổng cộng	225	192	263	244	229	236	251	203

Năm 2021 giảm 20% so với 2020 (203/251). Kỹ thuật mới cắt đốt bằng mapping 3D thành công tốt đẹp đến nay được 138 trường hợp.



2.5 PHẪU THUẬT PHÂN LOẠI PHẪU THUẬT

	2015		2016		2017		2018		2019		2020		2021	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
CF (mở tim kín)	43	6	32	7	29	6	15	3	26	5	17	5	3	2
CO (mở tim hở)														
I	100	16	96	20	93	18	57	12	73	15	43	12	9	5
II	100	16	60	13	74	15	73	16	60	12	27	8	10	6
III	143	22	100	21	78	15	95	20	80	17	52	15	24	15
IV	186	29	101	21	85	17	96	21	91	20	82	22	42	25
V	49	8	79	16	55	11	61	13	88	18	70	20	36	22

Đặc biệt

<i>MM (mạch máu)</i>														
<i>I</i>	3	0,5	3	1	8	2	7	1	0	3	1	3	2	
<i>II</i>	6	1	5	1	7	1	3	1	9	3	1	3	2	
<i>III</i>	3	0,5	1				1	0	0	0		0	0	
<i>IV</i>	5	0,8	3	0	1		1	0	0	0		0	0	
<i>PO (bắc cầu)</i>	0													
<i>PO1-2</i>					16	3	7	1	11	2	5	1	4	2
<i>PO3</i>					27	5	32	7	25	5	23	6	14	8
<i>PO4</i>					28	5	20	5	28	6	34	9	17	10
<i>PO5</i>					8	2		0	0	0		0	0	0
<i>Khác</i>													1	1
Tổng số	638	100	480	100	509	100	468	100	491	100	359	100	166	100

PHÂN LOẠI BỆNH LÝ

	2015		2016		2017		2018		2019		2020		2021	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
<i>Bẩm sinh</i>	418	66	312	65	307	60	283	60	291	59	185	52	70	42
<i>Van tim</i>	105	16	91	19	94	18	103	22	117	24	95	26	51	31
<i>Bắc cầu</i>	89	14	58	12	79	16	61	13	63	13	65	18	37	22
<i>Khác</i>	8	1	7	1	13	3	12	3	9	2	8	2	3	2
<i>Mạch máu</i>	18	3	12	3	16	3	9	2	11	2	6	2	5	3
Tổng số	638	100	480	100	509	100	468	100	491	100	359	100	166	100

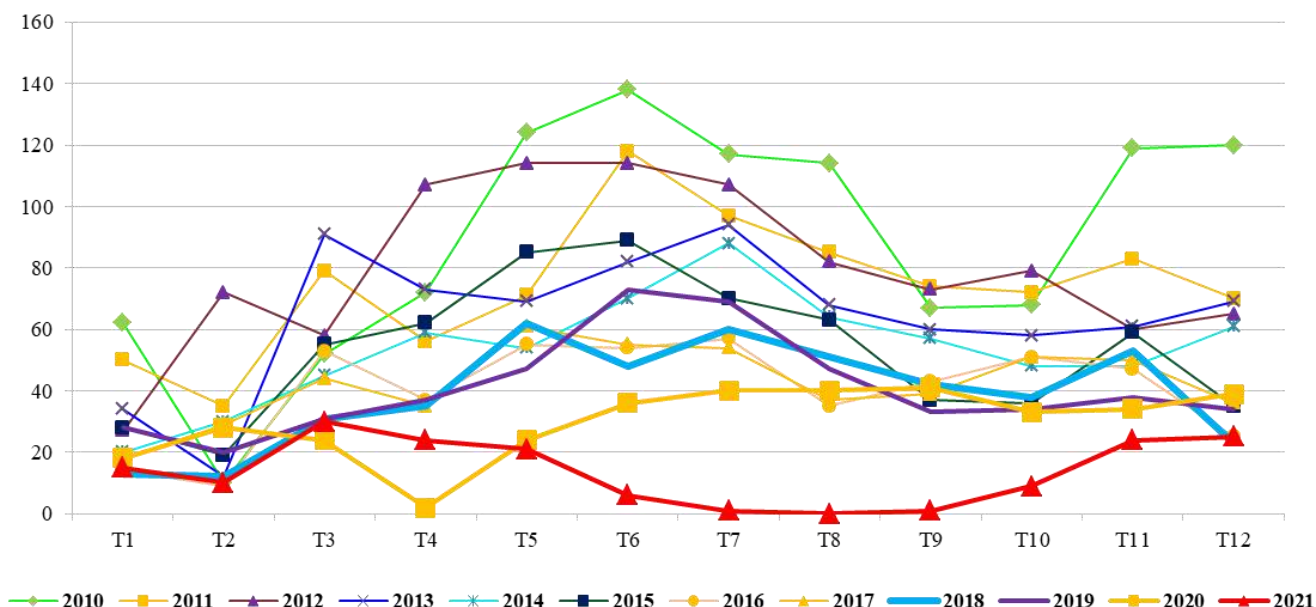
Hiện nay, cả nước có gần 40 trung tâm có thể phẫu thuật tim, nhiều hơn rất nhiều so với 5 năm trước. Do đó, số ca mổ tim ở Tâm Đức đã giảm nhiều so với những năm trước.

Bệnh Viện Tim Tâm Đức vẫn là 1 trong 10 bệnh viện mổ tim nhiều nhất và là bệnh viện chuyên khoa tim ngoài công lập mổ tim nhiều nhất.

Năm 2021, do tình hình dịch bệnh Covid 19, chương trình khám sàng lọc bệnh tim bẩm sinh tại các tỉnh tạm hoãn. Tâm Đức đã mổ được 72 em, chiếm 43% tổng số ca phẫu thuật năm 2021 (72/166), tổng số tiền giúp đỡ của các tổ chức trong nước, ngoài nước và cá nhân tài trợ là 7.445.335.021 đồng

Tổng số ca mổ năm 2021 là 166, giảm hơn phân nửa (54%) so với 2020 (166/359).

Biểu đồ 03: Số ca phẫu thuật hàng tháng từ 2010 đến 2021





Phẫu thuật tim hở tại TÂM ĐỨC





Lãnh đạo các sở LĐTB&XH&Hội BTBNN 37 tỉnh cùng giúp đỡ trẻ em nghèo mổ tim tại TÂM ĐỨC



Đồng hành cùng TÂM ĐỨC giúp đỡ trẻ em nghèo mổ tim
Children Action và VinaCapital



Đo vận tốc sóng mạch



Chụp MSCT



Các trẻ em nghèo sau mổ tim bẩm sinh ở TÂM ĐỨC

2.6. CẬN LÂM SÀNG.

	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Xét nghiệm	638.295	654.898	699.579	707.601	761.570	671.022	490.125
X-Quang	19.405	20.211	21.071	22.016	23.215	20.517	14.990
ECG	26.687	26.930	27.044	29.574	37.380	33.119	23.360
ECG Gắng sức	4.184	4.094	4.809	4.686	4.688	3.766	2.418
Siêu âm tim	32.133	31.718	30.427	34.501	36.270	35.208	24.762
Siêu âm bụng	3.816	4.713	6.057	6.240	7.769	7.137	5.054
Siêu âm tim thai	264	239	276	307	241	219	267
Siêu âm mạch máu	8.120	9.095	9.600	11.736	12.151	10.472	7.573
Siêu âm Dobutamine	1.975	1.815	1.774	1.788	1.525	884	301
Siêu âm thực quản	253	237	237	261	309	201	95
Holter ECG	1.927	2.053	2.259	2.293	2.479	2.185	1.640
Holter HA	400	337	524	370	458	439	408
Đo nhãn áp	1.957	1.814	1.671	1.735	2.257	1.090	289
KT máy tạo nhịp	520	527	581	638	831	786	666
Tilt test	129	143	112	116	132	103	86
Đo INR	1.638	1.429	1.397	1.271	1.201	672	445
Chụp võng mạc	1.850	1.674	1.195	1.006	985	609	231
Kích thích nhĩ	158	148	124	119	11	2	2
Siêu âm tuyến vú	387	492	421	358	327	535	396
Siêu âm tuyến giáp	692	1.407	1.033	1.032	1.262	1.175	1.081
Đo phế dung ký	79	67	26	2	21	5	4
Đo vận tốc sóng mạch	2.442	2.240	1.563	2.080	2.027	2.510	2.330
Nội soi tai mũi họng	119	362	357	198	48	48	13
Chụp CT		1.085	2.867	3.061	3.704	4.145	2.715
Vaxigrip			11	-	-	-	-
Mật độ xương				372	745	421	91
Nội soi tiêu hóa				78	918	792	209
Tổng cộng	747.311	767.733	815.015	832.989	902.524	798.062	579.551

Hoạt động cận lâm sàng năm 2021 giảm 27% so với năm 2020 (579.551/798.062) và giảm 36% so với năm 2019 (579.551/902.524)

2.7 PHÒNG KHÁM ĐA KHOA TÂM ĐỨC (81-83 THÀNH THÁI , QUẬN 10)

	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	05.2021
Khám bệnh	26.058	25.656	24.885	24.269	24.390	25.530	22.524	11.797	4,573
Khám tim	17623	17963	15.902	14.706	14.258	14,963	15.056	10.912	4,271
Tai Mũi Họng	2804	2561	3.014	3.535	3.829	3,855	3.035	885	302
Răng Hàm Mặt	5631	5132	5.969	6.028	6.303	6,712	4.433		
Cận lâm sàng									
ECG gắng sức	2492	2495	2.303	2.118	2.082	2,247	2.264	1.390	441
Điện tâm đồ	7503	7181	6.894	6.263	6.083	6,252	6.054	4.366	1,778
Holter ECG	540	383	393	323	250	300	330	243	119
Holter HA	136	90	144	87	102	118	109	74	36
Siêu âm bụng	1364	1563	1.509	1.176	960	1,333	1.453	986	419
Siêu âm mạch máu	3069	3440	4.015	3.691	3.427	3,507	3.477	2.528	1,061
Siêu âm tim	7777	7426	7.157	6.569	6.314	6,617	6.441	4.616	1,859
Siêu âm tuyến vú	4	4	4	0	4	7	3	2	-
Siêu âm tuyến giáp	72	89	124	179	94	198	206	246	145
X-quang	4546	3706	3.047	2.725	2.653	3,207	2.490	1.457	652
Xét nghiệm: SH-HH	9504	9760	8.893	8.355	8.231	70,368	73.377	6.840	2,786
Đo nhãn áp		136	85	95	67	71	30		-
INR	938	1083	882	762	577	794	757	614	186

Tổng số khám 5 tháng đầu năm 2021 là 4.573.

Trong tình hình phát triển mới, Phòng khám Đa khoa Tâm Đức và Phòng khám Đa khoa Phúc Đức đã không đáp ứng được hiệu quả kỳ vọng và do biến động nhân sự quan trọng ở Tâm Đức nên Tâm Đức đã quyết định chấm dứt hoạt động phòng khám Đa khoa Tâm Đức và Phòng khám Đa khoa Phúc Đức từ tháng 06.2021 theo quyết định của Hội đồng Quản trị số VI.10/NQ-HĐQT ngày 02.06.2021.

3. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

3.1 Kế hoạch 2021:

Tổng doanh thu	: 550 tỷ đồng.
Lợi nhuận trước thuế	: 55 tỷ đồng.
Lợi nhuận sau thuế	: 49 tỷ đồng.
Cổ tức	: 26%/mệnh giá.

3.2 Kết quả

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2020	Năm 2021	So sánh	
				(+/-)	%
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	570.720.007.486	430.385.899.453	(140.334.108.033)	-24,6%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	10.960.342	371.603.381	360.643.039	
3. Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ [10=(01-02)]	10	570.709.047.144	430.014.296.072	(140.694.751.072)	-24,6%
4. Giá vốn hàng bán	11	451.485.148.514	364.118.839.028	(87.366.309.486)	-19,4%
5. Lợi nhuận gộp bán hàng, cung cấp dịch vụ [20=(10-11)]	20	119.223.898.630	65.895.457.044	(53.328.441.586)	-44,8%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	928.965.928	1.337.483.318	408.517.390	44,0%
7. Chi phí tài chính	22	-	88.454.883	88.454.883	
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	-	-	-	
8. Chi phí bán hàng	24	12.490.389.528	11.140.533.995	(1.349.855.533)	-10,8%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	49.280.061.026	44.579.449.456	(4.700.611.570)	-9,5%
10. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh [30 = 20+(21-22-24-25)]	30	58.382.414.004	11.424.502.028	(46.957.911.976)	-80,4%
11. Thu nhập khác	31	1.858.866.207	2.451.393.568	592.527.361	31,9%
12. Chi phí khác	32	106.131.374	1.300.407.460	1.194.276.086	
13. Lợi nhuận khác [40 = (31 - 32)]	40	1.752.734.833	1.150.986.108	(601.748.725)	34,3%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50=(30+40)]	50	60.135.148.837	12.575.488.136	(47.559.660.701)	-79,1%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.846.610.812	1.749.907.114	(5.096.703.698)	-74,6%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp [60 = (50 - 51)]	60	53.288.538.025	10.825.581.022	(42.462.957.003)	-74,4%
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/cổ phiếu)	70	3.175	524	(2.651)	-79,7%
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đ/cổ phiếu)	71	3.175	524	(2.651)	-83,5%

Tổng Doanh thu **433.803.172.958đ** (Mã số 10+21+31) giảm 24,4% so với năm 2020 (434 tỷ/ 573 tỷ), đạt 78,9% so với kế hoạch năm 2021.

Tổng chi phí **421.227.684.822đ** (Mã số 11 + 22 + 24 + 25 + 32) giảm 18% so với năm 2020 (421 tỷ/ 513 tỷ). Giá vốn hàng bán là 364.118.839.028đ (Mã số 11: bao gồm chi phí thuốc, vật tư y tế, lương bác sỹ, điều dưỡng...) là chi phí trực tiếp, là phần quan trọng nhất chiếm tỷ trọng 86,4% trong tổng chi phí.

Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/ Tổng doanh thu của năm 2021 là 2,9% (2020 là 10,49%)

Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, hoạt động khám chữa bệnh giảm nên kết quả hoạt động kinh doanh giảm sâu ở tất cả các chỉ tiêu. Dù đã áp dụng giải pháp giảm lương để giảm chi phí nhưng tỷ lệ giảm không thể tương thích tỷ lệ giảm của doanh thu vì vẫn phải đảm bảo chi trả lương nhân viên ở mức nhất định và các chi phí cố định khác không giảm (khấu hao, phân bổ, bảo hiểm, điện nước, dịch vụ vệ sinh...).

Lợi nhuận trước thuế giảm 79,1% so với năm 2020 (12,6 tỷ/ 60,1 tỷ), đạt 22,9% so với kế hoạch năm 2021.

3.3 Cân đối kế toán Tài sản & Vốn

Đơn vị: đồng

TÀI SẢN	31.12.2020	31.12.2021	(%)
A. Tài sản ngắn hạn	125.032.101.930	95.080.430.856	-24%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	48.193.264.682	29.245.312.960	-39%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.132.136.986	15.821.757.830	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	21.494.598.774	14.807.762.402	-31%
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.399.158.222	4.018.320.892	-9%
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.218.921.740	597.088.012	-51%
6. Phải thu ngắn hạn khác	17.012.554.676	11.328.389.362	-33%
IV. Hàng tồn kho	39.059.739.879	33.675.852.172	-14%
V. Tài sản ngắn hạn khác	1.152.361.609	1.529.745.492	33%
B. Tài sản dài hạn	179.341.879.487	172.495.446.763	-4%
II. Tài sản cố định	170.278.622.245	165.129.262.478	-3%
1. Tài sản cố định hữu hình	164.712.358.668	159.691.771.396	-3%
- Nguyên giá	350.255.400.577	361.869.468.794	3%
- Giá trị hao mòn lũy kế	(185.543.041.909)	(202.177.697.398)	9%
3. Tài sản cố định vô hình	5.566.263.577	5.437.491.082	-2%
- Nguyên giá	8.632.952.472	8.767.952.472	2%
- Giá trị hao mòn lũy kế	(3.066.688.895)	(3.330.461.390)	9%
VI. Tài sản dài hạn khác	8.680.496.702	5.477.339.745	-37%
Tổng Tài sản (A+B)	304.373.981.417	267.575.877.619	-12%
NGUỒN VỐN			
C. Nợ phải trả	57.998.291.516	49.786.665.018	-14%
I. Nợ ngắn hạn	57.998.291.516	49.786.665.018	-14%
D. Vốn chủ sở hữu	246.375.689.901	217.789.212.601	-12%
I. Vốn chủ sở hữu	246.375.689.901	217.789.212.601	-12%
1. Vốn góp của chủ sở hữu	155.520.000.000	155.520.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	1.407.488.000	1.407.488.000	
8. Quỹ đầu tư phát triển	16.603.467.737	16.603.467.737	
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.322.110.006	603.561.923	-54%
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	71.522.624.158	43.654.694.941	-39%
Tổng Nguồn vốn (C+D)	304.373.981.417	267.575.877.619	-12%
Tồn quỹ			
Tiền mặt tại quỹ	420.927.770	319.243.045	
Tiền tại Ngân hàng	62.904.473.898	44.747.827.745	
Tổng cộng	63.325.401.668	45.067.070.790	

Năm 2021 tình hình hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19, hầu hết các chỉ tiêu đều giảm. Các chỉ tiêu sau giảm do hoạt động giảm: *Tiền và các khoản tương đương tiền* giảm 14%, *tồn quỹ* giảm 28,9%; *Phải thu ngắn hạn của khách hàng* giảm 9%; *Phải thu ngắn hạn khác* giảm 33% là do khoản thu từ Bảo hiểm y tế thanh toán giảm.

Nguyên giá tài sản cố định tăng là do đầu tư năm 2021. Giá trị *Hao mòn lũy kế* tăng tương ứng. Hoạt động giảm sâu do dịch bệnh, tuy nhiên chi phí khấu hao vẫn phải trích đúng và đủ theo quy định của Bộ tài chính.

Tài sản ngắn hạn khác tăng 33% là do khoản thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa từ quý 1/ 2021.

Về *Tồn kho*, theo quy định của Bệnh viện, phù hợp với 1 Bệnh viện chuyên khoa kỹ thuật cao, sử dụng hầu hết y dụng cụ ngoại nhập như Tâm Đức, tồn kho phải đảm bảo 2 tháng sử dụng. Giá trị tồn kho của Tâm Đức vẫn luôn đảm bảo ở mức an toàn dưới 2 tháng sử dụng. Năm 2021 hoạt động giảm nên mức sử dụng giảm dẫn đến lượng tồn kho giảm tương ứng.

Về *Đầu tư tài sản*, giá trị khấu hao từ ngày bắt đầu hoạt động 08.03.2006 đến 31.12.2021 là 214 tỷ. (Theo quy định những tài sản đã thanh lý và những tài sản không đủ tiêu chuẩn TSCĐ theo quy định năm 2013 sẽ ghi giảm khấu hao tương ứng, do đó số liệu khấu hao đến 31.12.2021 trên bảng Cân đối kế toán là 205 tỷ). Hiện Tâm Đức vẫn còn có các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với tổng giá trị là 85 tỷ do sử dụng và bảo trì tốt.

Chỉ tiêu	Đơn vị: Triệu đồng							
	Từ 2006 đến 2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	Tổng cộng
Giá trị khấu hao	111.734	16.572	17.709	15.133	17.784	17.498	17.744	214.174

Tâm Đức đã đầu tư mua sắm tài sản cố định và công cụ dụng cụ qua các năm là 240 tỷ.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị: Triệu đồng							
		Từ 2006 đến 2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	Tổng cộng
1	Tài sản cố định	88.923	22.541	5.911	18.395	31.623	6.086	12.500	185.979
2	Công cụ dụng cụ	29.317	3.255	6.020	7.417	4.251	2.701	1.569	54.530
Tổng cộng		118.240	25.796	11.931	25.812	35.874	8.787	14.069	240.509

Năm 2021, Tâm Đức đã trang bị mới 3 máy siêu âm tim, 1 chiller cho hệ thống lạnh trung tâm, máy thở di động, máy monitor theo dõi bệnh nhân, máy thở oxy dòng cao và một số máy móc thiết bị y khoa khác. Ngoài ra theo nghị quyết hội đồng quản trị số VI.9/NQ-HĐQT ngày 03.03.2021, về việc đầu tư mới còn quyết định đầu tư thay thế 2 thang máy khu B, đã lắp đặt vận hành từ T1.2022, sau khi nghiệm thu phân giá trị đầu tư này mới được ghi nhận trong năm 2022.

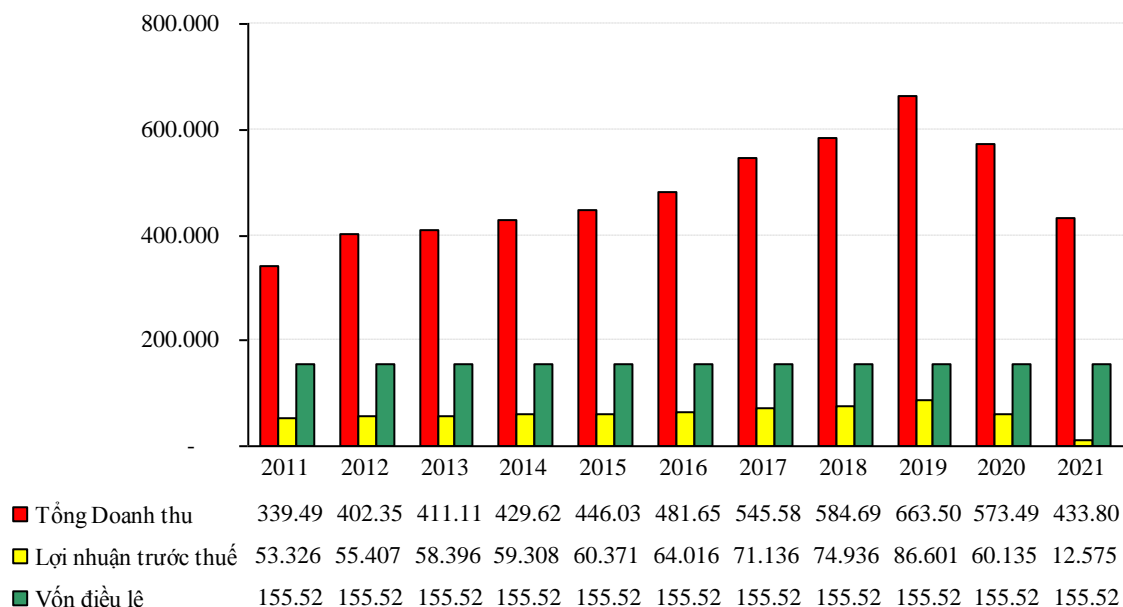
3.4 Sức khỏe tài chính

STT	CHỈ TIÊU	2016	2017	2018	2019	2020	2021
1	Cơ cấu tài sản (%)						
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	27,5%	38,3%	37,8%	35,5%	41,1%	35,5%
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	72,5%	61,7%	62,2%	64,5%	58,9%	64,5%
2	Cơ cấu nguồn vốn (%)						
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	23,9%	22,2%	27,9%	25,2%	19,1%	18,6%
	- Nợ phải trả/Nguồn vốn chủ sở hữu	31,4%	28,5%	38,7%	33,7%	23,5%	22,9%
3	Khả năng thanh toán (lần)						
	- Khả năng thanh toán nhanh	0,6	1,2	0,8	0,9	1,5	1,2
	- Khả năng thanh toán hiện hành	1,2	1,7	1,4	1,4	2,2	1,9
4	Tỷ suất lợi nhuận (%)						
	- Lợi nhuận trước thuế/Tổng doanh thu	13,3%	13,0%	12,8%	13,1%	10,5%	2,9%
	- Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	36,5%	40,5%	42,8%	49,5%	34,3%	7,0%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu thể hiện sức khỏe tài chính của Tâm Đức tốt và ổn định qua các năm. Năm 2021 do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 nên tỷ suất lợi nhuận giảm sâu, tuy nhiên các chỉ tiêu tài chính khác cũng tương đối ổn định.

Biểu đồ tăng trưởng một số chỉ tiêu chủ yếu

Đơn vị: Triệu đồng



3.5 Nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

Đơn vị : đồng

	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Thuế VAT	752.674.424	636.128.662	914.576.616	1.336.362.317	1.015.999.675	1.286.691.749
Thuế TNDN	7.029.381.414	8.499.512.277	7.800.440.225	9.730.954.948	6.431.545.126	4.064.228.585
Thuế TNCN	6.170.471.131	7.712.391.940	9.704.952.840	10.641.332.462	9.241.322.565	7.159.581.770
Tổng cộng đã nộp vào NSNN	13.952.526.969	16.848.032.879	18.419.969.681	21.708.649.727	16.688.867.366	12.510.502.104

Tâm Đức thực hiện tốt nghĩa vụ thuế. Bộ Tài chính đã kiểm tra việc kê khai miễn giảm thuế TNDN năm 2010. Cục thuế Thành phố đã kiểm tra thuế GTGT, thuế TNDN từ 2002 đến 2006; Thanh tra thuế GTGT, thuế TNDN 2007, 2008, 2009; Kiểm tra thuế GTGT-TNDN 2011-2012. Năm 2010 Cục thuế Thành phố kiểm tra lại vào cuối năm 2013 kết quả tốt. Tháng 09.2018, Cục thuế Thành phố đã kiểm tra thuế GTGT, TNDN năm 2013 và 2014 kết quả tốt. Cục thuế đã báo kế hoạch kiểm tra nhiều lần nhưng do ảnh hưởng của dịch bệnh nên vẫn chưa thực hiện kiểm tra thuế các năm từ năm 2015 đến 2021. Tâm Đức đã được nhận bằng khen của Bộ tài chính, Tổng cục thuế và Cục thuế Tp.HCM về việc chấp hành tốt chính sách và pháp luật thuế các năm 2013, 2014, 2015, 2016.

3.6 Cổ phiếu, cổ tức

Vốn điều lệ 155,520 tỷ đồng, số cổ phiếu đang lưu hành là 15.552.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng.

Đại hội Cổ đông ngày 29.04.2016 đã quyết định chủ trương Công Ty Cổ phần Bệnh Viện Tim Tâm Đức lên sàn giao dịch Upcom theo qui định.

Ngày 09.01.2017, Trung tâm lưu ký chứng khoán đã ban hành Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 11/2017/GCNCV-VSD cho Tâm Đức và quản lý Tâm Đức.

Sở Giao Dịch chứng khoán Hà nội đã chấp thuận cho Tâm Đức chính thức đăng ký giao dịch trên sàn Upcom qua quyết định số 65/QĐ-SGDHN do Tổng giám đốc SGDCCK Hà nội cấp ngày 23.01.2017. Ngày 06.02.2017 là ngày giao dịch đầu tiên, giá tham chiếu là 36.000đ/CP.

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2010 là 41.947.767.302 đồng. Mức cổ tức chi trả là 25%/mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2011 là 47.391.718.003 đồng. Mức cổ tức chi trả là 26%/mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2012 là 49.122.543.317 đồng. Mức cổ tức chi trả là 26%/mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2013 là 51.662.557.368 đồng. Mức cổ tức chi trả là 26%/mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2014 là 52.530.012.803 đồng. Mức cổ tức chi trả là 30%/mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2015 là 53.483.207.623 đồng. Mức cổ tức chi trả là 30%/mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2016 là 56.804.368.801 đồng. Mức cổ tức chi trả là 30%/mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2017 là 63.032.416.458 đồng. Mức cổ tức chi trả là 33%/mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018 là 66.611.442.401 đồng. Mức cổ tức chi trả là 33%/mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 là 76.980.790.410 đồng. Mức cổ tức chi trả là 33%/mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020 là 53.288.538.025 đồng. Mức cổ tức chi trả là 28%/mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 là 10.825.581.022 đồng. Mức cổ tức 2021 dự kiến chi trả theo nghị quyết ĐHCĐ 24.04.2021 là 26%/mệnh giá. Tuy nhiên do ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19 nên kết quả hoạt động giảm sâu, Hội đồng quản trị đã quyết định không thực hiện tạm ứng và chi 3 lần cổ tức như các năm trước. Mức cổ tức dự kiến năm 2021 chi 1 lần là 10%/mệnh giá nếu Đại hội cổ đông 28.04.2022 thông qua, sẽ thực hiện trong tháng 5.2022.

4. QUẢN LÝ BỆNH VIỆN

1. Bệnh viện Điều trị Covid 19 Tim Tâm Đức:

Vào tháng 8.2021, tình hình dịch Covid 19 rất nghiêm trọng, thành phố tập trung nhiều nguồn lực để điều trị cho người mắc Covid nặng, có bệnh lý nền.

Bệnh viện Tim Tâm Đức theo quyết định ngày 01.08.2021 của Sở Y tế đã thực hiện bệnh viện tách đôi để tham gia điều trị covid 19. Có 15 giường cấp cứu hồi sức, 45 giường điều trị nội đầy đủ các phương tiện phòng hộ, oxy và thuốc với 2 ê kíp bác sĩ điều dưỡng, mỗi ê kíp làm việc 15 ngày, nghỉ 15 ngày.

Từ ngày 05.08.2021 đến 13.10.2021, Bệnh viện Tim Tâm Đức đã điều trị 213 bệnh nhân Covid 19 nhiều cấp độ, tỷ lệ thành công là 82%. Được như vậy là nhờ sự đồng lòng của tập thể Tâm Đức, lãnh đạo và nhân viên dù trực tiếp hay gián tiếp hỗ trợ đã hết lòng vì nhiệm vụ mà hy sinh nhiều thứ, từ thu nhập đến an toàn cho bản thân và gia đình.

Từ tháng 05.2021, Bệnh viện Tim Tâm Đức đã tiêm chủng cho nhân viên, cho một số bệnh nhân của Tâm Đức và tham gia tiêm chủng cho 42.750 người ở cộng đồng theo phân công của Sở Y tế.

2. Khu Điều trị Đặc biệt:

Khu Hồi sức đặc biệt và Khu Khám điều trị đặc biệt dành cho những bệnh nhân có nhu cầu được chăm sóc và điều trị theo yêu cầu cao, bắt đầu hoạt động từ ngày 09.10.2018, đã có kết quả rất tích cực.

	Khu Điều trị Đặc biệt			Khu Hồi sức Đặc biệt	
	Bệnh nội trú	Tổng số ngày điều trị	Bệnh ngoại trú	Bệnh nội trú	Tổng số ngày điều trị
2018	58	276	361	67	457
2019	316	1434	4949	242	1884
2020	300	1429	9084	181	1691
2021	233	1217	9010	179	1300
Tổng	907	4356	23404	669	5332

Năm 2021, dù dịch Covid 19, người bệnh ngoại trú ở Khu Khám Đặc biệt vẫn cao tương đương 2020 và cao hơn nhiều so với 2019. Điều trị nội trú đặc biệt và săn sóc đặc biệt tương đương 2020.

3. Bảo Hiểm Y Tế

Năm	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Bệnh nhân BHYT	12.754	16.314	18.589	17.539	18.340	13.737	7.284
Trong đó							
- Ngoại trú	9.784	12.799	14.706	13.484	13.911	10.521	4.985
- Nội trú	2.970	3.515	3.883	4.055	4.429	3.216	2.299
Số tiền thanh toán (triệu đồng)	46.198	61.032	70.104	72.674	72.247	56.703	46.532

Tỉ lệ người bệnh ngoại trú có BHYT đạt 10% (4.985/48.206), thấp hơn nhiều so với trước 01.01.2015 (hơn 50%) do từ 01.01.2015 SYT-BHXH qui định bệnh viện Tim Tâm Đức là BV Tư nhân, không được phép nhận BN BHYT trái tuyến.

Tỉ lệ người bệnh nội trú có BHYT là 78% (2.299/2.954)

BHYT rất quan trọng đến sự phát triển ổn định của Tâm Đức. Trong những năm gần đây, Tâm Đức đã phối hợp tốt với BHYT nên thẩm định kết quả tốt, không bị xuất toán, chi trả kịp thời, quyền lợi của người bệnh được đảm bảo mức cao nhất.

Năm 2021, do dịch Covid 19, số lượt bệnh nhân nội trú và ngoại trú BHYT giảm 47% so với năm 2020 (7.284/13.737).

Số tiền thanh toán BHYT giảm 18% so với năm 2020 (46,5 tỷ/56,7 tỷ)

4. Quản lý chất lượng bệnh viện theo tiêu chí của Bộ Y tế:

Kết quả tự kiểm tra 83 tiêu chí quản lý chất lượng của Bộ Y tế Bệnh viện đạt 4.19 trên thang điểm 5. Năm 2020, Sở Y tế đã xác nhận Bệnh viện đạt 4.12/5

5. Công nghệ thông tin:

Tâm Đức đang sử dụng phần mềm FPT từ 2017, liên tục cập nhật và phát triển các yêu cầu phát sinh về BHYT và Quản lý chất lượng nhưng kết quả chưa được như mong muốn. Năm 2022 cần phải nâng cao hơn nữa về chất lượng.

6. An toàn cơ quan & Phòng cháy chữa cháy:

Các qui định về an toàn cơ quan & Phòng cháy chữa cháy luôn được nghiêm chỉnh thực hiện Có 03 đợt kiểm tra định kỳ của Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy quận 7 vào tháng 1, tháng 4 và tháng 10.2021 đạt kết quả tốt.

7. Tiết kiệm điện và bảo trì, sửa chữa các máy móc thiết bị lớn:

Các máy móc kỹ thuật lớn của Tâm Đức bao gồm: hệ thống máy lạnh trung tâm; hệ thống khí y tế, máy phát điện dự phòng, thang máy và các thiết bị y khoa quan trọng được ký hợp đồng bảo trì với chính hãng và được bảo trì thường xuyên bởi lực lượng kỹ sư của Tâm Đức, kịp thời sửa chữa và thay thế các bộ phận bị hỏng, đảm bảo vận hành tốt.

Chi phí sử dụng điện và nước rất cao. Tâm Đức đã luôn chú ý thực hiện các giải pháp tiết kiệm điện và nước.

Do dịch Covid 19, lượng điện tiêu thụ năm 2021 giảm 14% so với cùng kỳ năm 2020 (2.596.139 Kwh/3.006.265 Kwh). Lượng nước tiêu thụ năm 2021 tăng 5,4% so với cùng kỳ 2020 (47.696m³/45.234 m³)

8. Trang bị mới

Hội đồng Quản trị số VI.9/NQ-HĐQT, ngày 3.3.2021, đã quyết định đầu tư 11,3 tỉ mua 1 chiller để hệ thống lạnh trung tâm trang bị từ 2006 đã nhiều lần sửa chữa được an toàn hơn; 2 thang máy khu sau đã sử dụng trên 10 năm không còn an toàn; 3 máy siêu âm tim: 1 GE, 2 Philips cho phòng khám và Khoa Nội tim mạch 3; 2 monitor cho phòng mổ.

Từ ngày 20/5/2021, đã tiến hành lắp đặt mới 1 chiller của hãng Carrier, đến giữa tháng 10/2021 đã nghiệm thu đưa hệ thống vào sử dụng.

Từ ngày 30/6/2021 đã tiến hành thay thế lần lượt 2 thang máy khu B. Ngày 02/12/2021 đã kiểm định và bàn giao thang số 5 đưa vào sử dụng. Theo kế hoạch thi công, ngày 20/01/2022 sẽ xong thang số 6 còn lại.

Các máy siêu âm tim và monitor đã trang bị và hoạt động tốt

Về oxy: Tâm Đức có 1 bồn oxy lỏng 5 tấn của Sovigaz. Vào tháng 5.2021, tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp. Tâm Đức đã lắp đặt thêm 01 bồn oxy lỏng 5 tấn của Sovigas để đáp ứng nhu cầu điều trị covid. Đến tháng 9.2021, do dịch bệnh phát triển phức tạp hơn, Tâm Đức đã phải lắp đặt thêm 1 bồn 10 tấn của Air Liquid để đảm bảo có 2 nguồn cung và trữ lượng an toàn. Tâm Đức chỉ phải chi trả chi phí sử dụng oxy với mức giá phù hợp, không phải chi phí về bồn oxy.

Hiện nay, tổng trữ lượng là 21 tấn, và dự trữ tại Bệnh viện 130 chai oxy, như vậy tổng lượng oxy tại bệnh viện có thể sử dụng được ở mức 2 tháng với tốc độ bình thường.

Với hệ thống oxy như thế, Tâm Đức đảm bảo an toàn về oxy khi có dịch Covid dù có phức tạp.

Năm 2022, để kịp thời phát triển khả năng ở phòng khám và phòng khám đặc biệt, cần trang bị mới 2 máy siêu âm.

9. Nhân sự lãnh đạo

9.1. Thành viên Hội đồng Quản trị

Ngày 17.01.2022, Tâm Đức đã nhận được đơn từ nhiệm vì lý do cá nhân của DS.CKII. Thân Thị Thu Vân, Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập, và đã công bố thông tin theo quy định.

Theo Điều lệ sửa đổi dựa theo Luật Doanh nghiệp 2020 với tư vấn của Luật sư Nguyễn Văn Trung sẽ trình Đại hội Cổ đông 2022 thông qua, Tâm Đức có Ban Kiểm soát nên không cần có thành viên Hội đồng Quản trị độc lập.

ThS.BS. Phan Kim Phương sẽ ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị trong Đại hội Cổ đông ngày 28.04.2022.

9.2. Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức

Hội đồng Quản trị VI.10 ngày 02.06.2021 đã bổ nhiệm ThS. Phan Thị Thanh Nga là Giám đốc Tài Chính kiêm phụ trách phòng Kế toán. Sau khi ThS. Thanh Nga đã hoàn thành chứng chỉ Kế toán trưởng sẽ bổ nhiệm làm Giám đốc Tài Chính kiêm Kế toán trưởng

ThS. Phan Thị Thanh Nga đã hoàn thành chứng chỉ Kế toán trưởng. Vì vậy, Hội đồng Quản trị VI.14 ngày 21.01.2022 nhất trí bổ nhiệm ThS. Phan Thị Thanh Nga làm Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

10. Tái cấu trúc Bệnh viện Tim Tâm Đức trong tình hình phát triển mới:

Dự kiến năm 2022, hoạt động chuyên môn của Tâm Đức sẽ phục hồi, mỗi ngày khám bệnh đạt trên 350, khám đặc biệt trên 80, điều trị nội trú 120-150, nên cần tái cấu trúc Bệnh viện Tim Tâm Đức để đáp ứng tình hình phát triển.

Các khoa Nội tim mạch 1,2,3,4,5 và khoa Ngoại được bố trí đầy đủ giường.

Phòng khám khu B chuyển về vị trí của Khoa Nội tim mạch 3, Khoa Nội tim mạch 3 về khu Phúc Đức. Phòng khám khu B sẽ nâng cấp thành khu Khám bệnh Đặc biệt.

11. Giao dịch chứng khoán Tâm Đức trên hệ thống giao dịch Upcom:

Đại hội Cổ đông ngày 29.04.2016 đã quyết định chủ trương Công Ty Cổ phần Bệnh Viện Tim Tâm Đức lên sàn giao dịch Upcom theo qui định của nhà nước.

Nghị quyết số V.12/NQ-HĐQT ngày 23.06.2016 của Hội Đồng Quản Trị quyết định ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Chứng Khoán Rồng Việt tư vấn những thủ tục cần thiết để Tâm Đức lên sàn giao dịch Upcom theo qui định.

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Rồng Việt đã được chọn là Công ty tư vấn cho Tâm Đức thực hiện các thủ tục cần thiết để lên sàn Upcom

Ngày 09.01.2017, Trung tâm lưu ký chứng khoán đã ban hành Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 11/2017/GCNCP-VSD cho Tâm Đức

Sở Giao Dịch chứng khoán Hà nội đã chấp thuận cho Tâm Đức chính thức đăng ký giao dịch trên sàn Upcom qua quyết định số 65/QĐ-SGDHN do Tổng giám đốc SGDCCK Hà nội cấp ngày 23/01/2017. Ngày giao dịch đầu tiên là 06.02.2017. Giá tham chiếu là 36.000 đồng/cổ phiếu. Tâm Đức đã gửi cho các cổ đông thư hướng dẫn thủ tục giao dịch trên sàn upcom ngày 23.01.2017. Thời điểm 31.12.2021, giá cổ phiếu của Tâm Đức trên sàn upcom 52.600 đồng một cổ phiếu nhưng hầu như rất ít giao dịch. Bình quân khối lượng cổ phiếu giao dịch mỗi năm ở mức 3,8% tổng số cổ phiếu (năm 2021 là 7%), trong đó quan trọng là sự chuyển dịch cho người trong gia đình và giữa các cổ đông hiện hữu.

III ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH TÂM ĐỨC 2022

Về nhân sự: Tâm Đức đã hoạt động ổn định và phát triển 16 năm. Đội ngũ lãnh đạo và chuyên môn của Tâm Đức đã trưởng thành, nhưng cần tiếp tục đào tạo sau đại học ở những vị trí kỹ thuật xung yếu và chuẩn bị lực lượng lãnh đạo kế thừa.

Về chuyên môn: Năm 2022 vừa qua con đại dịch Covid 19, mới bắt đầu thời kỳ hoạt động hồi phục còn chưa thể xác định tình hình phát triển. Khám bệnh, cấp cứu và điều trị nội trú tương đương với kế hoạch 2021. Phẫu thuật tim phải đạt 300, thông tim can thiệp và điện sinh lý tim phải đạt trên 1.000.

Về tài chính: tương đương kế hoạch của năm 2021

Tổng doanh thu	550 tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế	55 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế	49 tỷ đồng
Cổ tức	26%/mệnh giá

Đại Hội Cổ Đông 2022:

Đại Hội Cổ Đông 2022 sẽ được tổ chức vào ngày 28.04.2022 lúc 8 giờ tại Hội trường Hữu nghị Bệnh Viện Tim Tâm Đức

Ngày đăng ký cuối cùng: 29.03.2022

Ngày gửi thông báo triệu tập Đại Hội Cổ Đông và tài liệu họp: 07.04.2022

Nội dung trình Đại Hội Cổ Đông 2022 thông qua:

1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động 2021,
2. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát 2021
3. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021. Mức chi trả cổ tức 2021 trình Đại hội Cổ đông thông qua là 10% thay vì 26% như Đại hội Cổ đông 2021 ngày 24.04.2021 đã quyết định.
4. Thông qua đề xuất ủy quyền Hội Đồng Quản Trị chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ 2022
5. Thông qua Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2022
6. Thông qua Kế hoạch trích quỹ 2022
7. Thông qua Kế hoạch chi trả cổ tức 2022
8. Bầu thành viên Hội đồng Quản trị thay thế DS.CKII Thân Thị Thu Vân đã xin miễn nhiệm ngày 17/01/2022.
9. Thông qua Sửa đổi Điều lệ theo Luật Doanh nghiệp 2020, Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31.12.2020 của Bộ Tài Chính về quản trị công ty, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31.12.2020, hướng dẫn thi hành một số điều của luật Chứng khoán, một số điểm liên quan đến

quản trị công ty, trên cơ sở tư vấn của Luật sư Nguyễn Văn Trung, Chủ nhiệm Đoàn Luật sư Thành phố, Luật sư cố vấn pháp luật của Tâm Đức.

10. Thông qua Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31.12.2020 của Bộ Tài Chính về quản trị công ty.
11. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31.12.2020 của Bộ Tài Chính về quản trị công ty.
12. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31.12.2020 của Bộ Tài Chính về quản trị công ty.
13. Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền ĐHQĐ

IV KẾT LUẬN:

Năm 2021, thành phố Hồ Chí Minh bị ảnh hưởng rất nặng nề bởi đại dịch Covid-19, nên tất cả các hoạt động của Tâm Đức đều giảm sút nghiêm trọng là điều không thể tránh khỏi. Doanh thu và lợi nhuận đều không đạt kế hoạch. Nhưng sau tất cả, Tâm Đức vẫn tồn tại và đội ngũ của Tâm Đức vẫn sẵn sàng cho sự phát triển tiếp theo là nội lực và sự đồng lòng của toàn thể Tâm Đức.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2022

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TS. BS. NGUYỄN NGỌC CHIÊU



Nhà hàng Mimosa
Khoa Dinh dưỡng TÂM ĐỨC



Trên đỉnh TÂM ĐỨC
Vận chuyển cấp cứu tim mạch bằng trực thăng
Hy vọng ở mai sau

PHỤ LỤC I

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NIÊN ĐỘ 2021
ĐÃ KIỂM TOÁN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC



MỤC LỤC

---- oOo ----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 08
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10 - 11
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 33

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Hội đồng Quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

1. Thông tin chung về công ty:

Thành lập:

Công ty Cổ phần Bệnh Viện Tim Tâm Đức được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 4103001109 do Sở kế hoạch và đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 16/7/2002. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 (bảy) ngày 06/10/2007 tăng vốn điều lệ của Công ty là 129.600.000.000 VND, thay đổi lần thứ 8 (tám) ngày 24/6/2010. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 (chín) ngày 21/02/2011 tăng vốn điều lệ của Công ty là 155.520.000.000 VND, thay đổi lần thứ 10 (mười) ngày 13/05/2011, thay đổi lần thứ 12 (mười hai) ngày 18/6/2012, thay đổi lần thứ 14 (mười bốn) ngày 25/06/2015. Ngày 07/01/2013, Bộ trưởng Bộ Y tế đã cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 23/BYT-GPHĐ cho BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần đại chúng lớn.

Hoạt động chính của Công ty:

Dịch vụ khám, chữa bệnh: bệnh viện; Bán thuốc.

Tên tiếng Anh: TAM DUC CARDIOLOGY HOSPITAL JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: TAM DUC CO.

Mã chứng khoán niêm yết: TTD (UPCOM).

Trụ sở chính: Số 04 Nguyễn Lương Bằng, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ts.Bs.	Nguyễn Ngọc Chiêu	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ts.Bs.	Chu Trọng Hiệp	Thành viên
Ths.	Phạm Anh Dũng	Thành viên
BS.CKI	Phạm Bích Xuân	Thành viên
DS.CKII	Thân Thị Thu Vân	Thành viên

Ban Kiểm soát

CN.	Vương Thị Quỳnh Anh	Trưởng ban
Bà	Bùi Thúy Kiều	Thành viên
Bs.	Nguyễn Nhị Phương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ths.	Đỗ Kim Thúy	Tổng Giám Đốc (miễn nhiệm từ ngày 08/6/2021)
Bs.CKI	Đỗ Văn Bửu Đan	Tổng Giám Đốc (bổ nhiệm từ ngày 08/6/2021)
Ts.Bs.	Tôn Thất Minh	Giám đốc Bệnh viện
Ts.Bs.	Chu Trọng Hiệp	Giám Đốc Ngoại khoa
Bs.CKI	Phạm Bích Xuân	Giám đốc Đối ngoại

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng (tiếp theo)

Ts.Bs.	Đinh Đức Huy	Giám đốc Nội tim mạch
PGs.Ts.Bs.	Nguyễn Thị Bích Đào	Phó Giám đốc Nội tiết
Ths.Bs.	Nguyễn Huỳnh Khương	Phó Giám đốc Thông tin can thiệp và Bệnh lý mạch máu
Bs.CKII	Lý Huy Khanh	Phó Giám đốc Kế hoạch Tổng hợp
Ths.Bs.	Ngô Thị Kim Ánh	Phó Giám đốc Khám bệnh & Điều trị Ngoại trú
Bs.CKII	Thái Minh Thiện	Phó Giám đốc Cấp cứu & Hồi sức Nội Tim Mạch
CN.	Nguyễn Ngọc An Khôi	Phó Giám đốc Quản lý chất lượng
CN.	Trương Thị Mai Lan	Phó Giám đốc Hành chính
CN.	Trần Thị Thanh Nhân	Phó Giám đốc Quản trị - Tổ chức nhân sự
Ths.	Phan Thị Thanh Nga	Giám đốc Tài chính (Phụ trách kế toán từ ngày 07/6/2021) kiêm Kế toán trưởng từ ngày 21/1/2022
CN.	Võ Thiện Tân	Kế toán trưởng (thời giữ chức từ 07/6/2021)

Người đại diện theo pháp luật

Ts.Bs. Nguyễn Ngọc Chiêu Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ts. Bs. Nguyễn Ngọc Chiêu đã ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Giấy ủy quyền ngày 08 tháng 6 năm 2021.

4. Các thông tin khác:

Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức đã quyết định chấm dứt hoạt động của 2 chi nhánh là Phòng khám đa khoa Tâm Đức và Phòng khám đa khoa Phúc Đức và đã được Cơ quan Thuế và Sở Kế hoạch đầu tư hoàn tất thủ tục đóng mã số thuế và chấm dứt hoạt động của 2 chi nhánh trên.

5. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

6. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

7. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

TP. HCM, ngày 07 tháng 03 năm 2022

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Ts. Bs. Nguyễn Ngọc Chiêu

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP. HCM
Auditing And Informatic Services Company Limited
Head Office: 389A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist.3, Ho Chi Minh City
Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines) Fax: (84.28) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn

Số: A0621339-R/AISC-DN2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC, được lập ngày 07 tháng 03 năm 2022, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. HCM, ngày 07 tháng 03 năm 2022
KT TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Dương Thị Phương Anh
Số GCNĐKHNKT: 0321-2018-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN

Tạ Văn Giới
Số GCNĐKHNKT: 3497-2021-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		95.080.430.856	125.032.101.930
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	29.245.312.960	48.193.264.682
1. Tiền	111		24.082.078.472	27.377.484.966
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.163.234.488	20.815.779.716
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.821.757.830	15.132.136.986
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	15.821.757.830	15.132.136.986
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.807.762.402	21.494.598.774
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	4.018.320.892	4.399.158.222
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	597.088.012	1.218.921.740
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	11.328.389.362	17.012.554.676
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3	(1.136.035.864)	(1.136.035.864)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	33.675.852.172	39.059.739.879
1. Hàng tồn kho	141		33.675.852.172	39.059.739.879
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.529.745.492	1.152.361.609
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	860.596.767	1.152.361.609
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13b	669.148.725	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		172.495.446.763	179.341.879.487
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.244.540	382.760.540
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	22.244.540	382.760.540
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		165.129.262.478	170.278.622.245
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	159.691.771.396	164.712.358.668
- Nguyên giá	222		361.869.468.794	350.255.400.577
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(202.177.697.398)	(185.543.041.909)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	5.437.491.082	5.566.263.577
- Nguyên giá	228		8.767.952.472	8.632.952.472
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.330.461.390)	(3.066.688.895)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.866.600.000	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	1.866.600.000	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.477.339.745	8.680.496.702
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	5.477.339.745	8.680.496.702
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		267.575.877.619	304.373.981.417

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		49.786.665.018	57.998.291.516
I. Nợ ngắn hạn	310		49.786.665.018	57.998.291.516
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.11	32.341.403.517	35.806.613.130
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	3.617.900.215	2.886.681.564
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13a	685.249.393	2.390.215.941
4. Phải trả người lao động	314		6.621.208.930	11.509.006.573
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	3.122.694.981	1.679.753.913
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	3.297.536.207	3.718.448.620
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		100.671.775	7.571.775
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		217.789.212.601	246.375.689.901
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	217.789.212.601	246.375.689.901
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		155.520.000.000	155.520.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		155.520.000.000	155.520.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.407.488.000	1.407.488.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.603.467.737	16.603.467.737
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		603.561.923	1.322.110.006
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		43.654.694.941	71.522.624.158
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		35.507.467.158	32.876.815.734
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.147.227.783	38.645.808.424
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		267.575.877.619	304.373.981.417

TP. HCM, ngày 07 tháng 03 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU - KẾ TOÁN TRƯỞNG


Ths. Phan Thị Thanh Nga

TỔNG GIÁM ĐỐC

 Bs. CKI Đỗ Văn Bửu Đan

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	430.385.899.453	570.720.007.486
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	371.603.381	10.960.342
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	430.014.296.072	570.709.047.144
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	364.118.839.028	451.485.148.514
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		65.895.457.044	119.223.898.630
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	1.337.483.318	928.965.928
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	88.454.883	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7a	11.140.533.995	12.490.389.528
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7b	44.579.449.456	49.280.061.026
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		11.424.502.028	58.382.414.004
11. Thu nhập khác	31	VI.8	2.451.393.568	1.858.866.207
12. Chi phí khác	32	VI.9	1.300.407.460	106.131.374
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.150.986.108	1.752.734.833
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		12.575.488.136	60.135.148.837
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	1.749.907.114	6.846.610.812
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		10.825.581.022	53.288.538.025
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	524	3.175
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.13	524	3.175

NGƯỜI LẬP BIỂU - KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ths. Phan Thị Thanh Nga

TP. HCM, ngày 07 tháng 03 năm 2022



Bs. CKI. Đỗ Văn Bửu Đan

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.575.488.136	60.135.148.837
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8-9	17.743.598.328	17.497.683.272
- Các khoản dự phòng	03		-	247.827.140
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		88.454.883	(37.211.563)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.301.823.879)	(891.754.365)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		29.105.717.468	76.951.693.321
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		6.517.026.325	(1.411.154.157)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		5.383.887.707	2.580.941.670
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(5.255.601.479)	(20.843.530.764)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		3.494.921.799	4.098.443.055
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.064.228.585)	(6.431.545.126)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		90.000.000	621.229.473
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.510.345.957)	(3.725.883.509)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		31.761.377.278	51.840.193.963
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(14.846.465.783)	(4.428.875.552)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		5.100.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(689.620.844)	(15.132.136.986)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.152.406.310	891.754.365
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14.378.580.317)	(18.669.258.173)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(36.242.293.800)	(27.829.893.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(36.242.293.800)	(27.829.893.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		(18.859.496.839)	5.341.042.790
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		48.193.264.682	42.815.010.329
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(88.454.883)	37.211.563
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	29.245.312.960	48.193.264.682

TP. HCM, ngày 07 tháng 03 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU - KẾ TOÁN TRƯỞNG


Ths. Phan Thị Thanh Nga



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thành lập:**

Công ty Cổ phần Bệnh Viện Tim Tâm Đức được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 4103001109 do Sở kế hoạch và đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 16/7/2002. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 (bảy) ngày 06/10/2007 tăng vốn điều lệ của Công ty là 129.600.000.000 VND, thay đổi lần thứ 8 (tám) ngày 24/6/2010. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 (chín) ngày 21/02/2011 tăng vốn điều lệ của Công ty là 155.520.000.000 VND, thay đổi lần thứ 10 (mười) ngày 13/05/2011, thay đổi lần thứ 12 (mười hai) ngày 18/6/2012, thay đổi lần thứ 14 (mười bốn) ngày 25/06/2015. Ngày 07/01/2013, Bộ trưởng Bộ Y tế đã cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 23/BYT-GPHĐ cho Bệnh viện Tim Tâm Đức.

Tên tiếng Anh: TAM DUC CARDIOLOGY HOSPITAL JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: TAM DUC CO.

Niêm yết đăng ký giao dịch (UPCOM): Mã chứng khoán: TTD

Trụ sở chính: Số 04 Khu phố 1 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Hình thức sở hữu vốn:

Hình thức sở hữu vốn của Công ty Cổ phần Bệnh Viện Tim Tâm Đức là vốn cổ phần.

3. Hoạt động chính của Công ty:

Dịch vụ khám, chữa bệnh: bệnh viện; Bán thuốc.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 cùng với chính sách giãn cách để ngăn chặn dịch bệnh lây lan, nhu cầu khám chữa bệnh của người dân giảm mạnh dẫn đến doanh thu và lợi nhuận giảm đáng kể so với năm trước. Trong năm 2021, công ty đã giải thể 2 chi nhánh là phòng khám đa khoa Tâm Đức và phòng khám đa khoa Phúc Đức.

6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2021: 504 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2020: 587 nhân viên).**7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ (ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Tỷ giá mua quy đổi tại ngày 31/12/2021: 23.640 VND/USD; 25.391,31 VND/EUR.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và ghi giảm giá trị đầu tư.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Nhập trước xuất trước (FIFO).

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**6.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình: (tiếp theo)*Tài sản cố định hữu hình mua sắm*

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định hữu hình mua được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế

Trường hợp mua TSCĐ được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì phải xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý. Nguyên giá TSCĐ được mua là tổng các chi phí liên quan trực tiếp tới việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng trừ đi giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế.

6.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Mua tài sản cố định vô hình riêng biệt

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Khi quyền sử dụng đất được mua cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

6.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	<i>30 năm</i>
<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>12 năm</i>
<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>6 năm</i>
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>5 năm</i>
<i>Quyền sử dụng đất (bắt đầu khấu hao từ năm 2011) (*)</i>	<i>42 năm</i>
<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>2-10 năm</i>

() Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao phù hợp với thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm xe, bảo hiểm tài sản...); công cụ dụng cụ; chi phí sửa chữa TSCĐ; tiền thuê đất trả trước.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng. Riêng tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả bao gồm chi phí điện nước, xét nghiệm... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận, biên bản đối chiếu cụ thể.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác.

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau:

Thu nhập chịu thuế từ Dịch vụ khám chữa bệnh được hưởng thuế suất ưu đãi là 10% trong suốt thời gian hoạt động, các khoản thu nhập ngoài dịch vụ khám chữa bệnh vẫn áp dụng mức thuế suất thông thường là 20%.

Công ty được thanh tra kiểm tra quyết toán thuế đến năm 2014.

**14. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi, Quỹ từ thiện, Quỹ nhân đạo, Quỹ hoạt động Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

15. Công cụ tài chính:**Ghi nhận ban đầu:****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Công cụ tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

16. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty Cổ phần Bệnh Viện Tim Tâm Đức. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty Cổ phần Bệnh Viện Tim Tâm Đức, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2021		01/01/2021	
	Tiền	24.082.078.472		27.377.484.966
Tiền mặt	319.243.045		420.927.770	
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.762.835.427		26.956.557.196	
Các khoản tương đương tiền	5.163.234.488		20.815.779.716	
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	5.163.234.488		20.815.779.716	
Cộng	29.245.312.960		48.193.264.682	
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31/12/2021		01/01/2021	
Ngắn hạn	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	Tiền gửi có kỳ hạn	15.821.757.830	15.821.757.830	15.132.136.986
Cộng	15.821.757.830	15.821.757.830	15.132.136.986	15.132.136.986
3. Phải thu của khách hàng	31/12/2021		01/01/2021	
Ngắn hạn	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	Khách hàng trong nước	4.018.320.892	(1.136.035.864)	4.399.158.222
Hội bảo trợ Bệnh nhân nghèo TP.HCM	549.162.848	-	658.415.750	-
Công ty Vinacapital	319.209.696	-	309.560.629	-
Khách hàng trong nước khác	3.149.948.348	(1.136.035.864)	3.431.181.843	(1.136.035.864)
Cộng	4.018.320.892	(1.136.035.864)	4.399.158.222	(1.136.035.864)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Trả trước cho người bán	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	597.088.012	-	1.218.921.740	-
Nhà cung cấp trong nước	597.088.012	-	1.218.921.740	-
Cty TNHH Y Tế Hòa Hảo	200.000.000	-	-	-
Cty TNHH MTV May Sài Gòn Gia Định	182.282.100	-	449.314.140	-
Cty TNHH SX TM Thanh Thủy	83.987.750	-	-	-
Cty Lương Thực Tiền Giang	75.400.000	-	-	-
Nhà cung cấp trong nước khác	55.418.162	-	769.607.600	-
Cộng	597.088.012	-	1.218.921.740	-

5. Phải thu khác	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	11.328.389.362	-	17.012.554.676	-
Phải thu người lao động	621.214.014	-	335.027.858	-
Ký cược, ký quỹ	243.965.000	-	43.965.000	-
Các khoản chi hộ (BHYT)	8.707.132.366	-	15.322.471.446	-
Phải thu khác	1.756.077.982	-	1.311.090.372	-
b. Dài hạn	22.244.540	-	382.760.540	-
Ký cược, ký quỹ	22.244.540	-	382.760.540	-
Cộng	11.350.633.902	-	17.395.315.216	-

6. Hàng tồn kho	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	23.716.235.156	-	25.642.885.150	-
Công cụ, dụng cụ	1.108.060.143	-	1.079.057.382	-
Hàng hoá	8.851.556.873	-	12.337.797.347	-
Cộng	33.675.852.172	-	39.059.739.879	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: không có.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: không có.

7. Tài sản dở dang dài hạn	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Xây dựng cơ bản dở dang	1.866.600.000	-	-	-
Hợp đồng lắp đặt thang máy Schindler khu B	1.866.600.000	-	-	-
Cộng	1.866.600.000	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Tài sản cố định hữu hình (Xem trang 31).

9. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	6.970.212.772	1.662.739.700	8.632.952.472
<i>Mua trong năm</i>	-	135.000.000	<i>135.000.000</i>
Số dư cuối năm	6.970.212.772	1.797.739.700	8.767.952.472
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.659.574.440	1.407.114.455	3.066.688.895
<i>Khấu hao trong năm</i>	165.957.444	97.815.051	<i>263.772.495</i>
Số dư cuối năm	1.825.531.884	1.504.929.506	3.330.461.390
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	5.310.638.332	255.625.245	5.566.263.577
Số dư cuối năm	5.144.680.888	292.810.194	5.437.491.082

* Giá trị còn lại của Tài sản cố định vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: không có.

* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 919.359.700 VND.

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định vô hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.

* Các thay đổi khác về Tài sản cố định vô hình: không có.

* Thuyết minh số liệu và các giải trình khác: không có.

10. Chi phí trả trước	31/12/2021	01/01/2021
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	860.596.767	1.152.361.609
Các khoản khác (chi phí bảo trì phần mềm, bảo hiểm)	860.596.767	1.152.361.609
b. Chi phí trả trước dài hạn	5.477.339.745	8.680.496.702
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.568.541.555	2.942.342.759
Các khoản khác	3.908.798.190	5.738.153.943
Cộng	6.337.936.512	9.832.858.311

11. Phải trả người bán	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	32.341.403.517	32.341.403.517	35.806.613.130	35.806.613.130
Nhà cung cấp trong nước	32.341.403.517	32.341.403.517	35.806.613.130	35.806.613.130
<i>Cty TNHH DP & TTBYT Hoàng Đức</i>	<i>1.609.898.038</i>	<i>1.609.898.038</i>	<i>1.520.957.115</i>	<i>1.520.957.115</i>
<i>Cty TNHH Thương Mại Dịch Vụ H.T.L</i>	<i>1.750.470.000</i>	<i>1.750.470.000</i>	<i>1.670.316.000</i>	<i>1.670.316.000</i>
<i>Cty CP Công Nghệ Sinh Học Kim Hòa Phát</i>	<i>762.480.000</i>	<i>762.480.000</i>	<i>1.226.350.000</i>	<i>1.226.350.000</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Phải trả người bán (tiếp theo)	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Cty TNHH Dược Phẩm Thiết Bị Y Tế KI TA PI DA</i>	2.456.450.000	2.456.450.000	1.349.650.000	1.349.650.000
<i>Cty TNHH TM Tâm Hợp</i>	3.616.224.467	3.616.224.467	3.959.689.970	3.959.689.970
<i>Cty TNHH MTV Dược Phẩm Triều Giang</i>	2.575.790.701	2.575.790.701	5.886.831.632	5.886.831.632
<i>Cty TNHH MTV Vimedimex Bình Dương</i>	2.487.654.026	2.487.654.026	4.957.963.146	4.957.963.146
<i>Cty CP Dược Liệu TWII (Phytopharma)</i>	5.899.928.345	5.899.928.345	5.368.632.828	5.368.632.828
<i>Nhà cung cấp trong nước khác</i>	11.182.507.940	11.182.507.940	9.866.222.439	9.866.222.439
Cộng	32.341.403.517	32.341.403.517	35.806.613.130	35.806.613.130
12. Người mua trả tiền trước			31/12/2021	01/01/2021
Ngắn hạn			3.617.900.215	2.886.681.564
Khách hàng trong nước			3.617.900.215	2.886.681.564
Thu tạm ứng bệnh nhân			1.257.821.315	817.805.752
Khách hàng trong nước khác			2.360.078.900	2.068.875.812
Cộng			3.617.900.215	2.886.681.564
13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
a. Phải nộp	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2021
Thuế giá trị gia tăng	6.695.692	1.303.872.325	1.286.691.749	23.876.268
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.645.172.746	1.749.907.114	3.395.079.860	-
Thuế thu nhập cá nhân	738.347.503	7.082.607.392	7.159.581.770	661.373.125
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Cộng	2.390.215.941	10.141.386.831	11.846.353.379	685.249.393
b. Phải thu	01/01/2021	Số nộp thừa trong năm	Số đã căn trừ trong năm	31/12/2021
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	669.148.725	-	669.148.725
Cộng	-	669.148.725	-	669.148.725

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Chi phí phải trả		31/12/2021	01/01/2021
Ngắn hạn		3.122.694.981	1.679.753.913
Chi phí xử lý rác y tế, rác sinh hoạt		1.559.920.238	705.112.438
Chi phí phải trả (tiền điện, nước, xét nghiệm, bảo trì máy chuyên dùng...)		1.562.774.743	974.641.475
Cộng		3.122.694.981	1.679.753.913
15. Phải trả khác		31/12/2021	01/01/2021
Ngắn hạn		3.297.536.207	3.718.448.620
Tiền ủng hộ bệnh nhân nghèo thu của tổ chức và cá nhân		1.219.904.629	960.144.426
Tiền tài trợ các hợp đồng nghiên cứu, hội thảo		1.823.117.359	2.360.599.519
Các khoản phải trả, phải nộp khác		254.514.219	397.704.675
Cộng		3.297.536.207	3.718.448.620
16. Vốn chủ sở hữu			
a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu (Xem trang 32)			
b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2021	01/01/2021
Bà Nguyễn Thị Hạnh	10%	15.552.000.000	15.552.000.000
Công ty CP Đầu Tư An Việt Hưng	9%	14.745.600.000	14.745.600.000
Vốn góp của các nhà đầu tư khác	81%	125.222.400.000	125.222.400.000
Cộng	100%	155.520.000.000	155.520.000.000
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		Năm 2021	Năm 2020
Vốn góp của chủ sở hữu		155.520.000.000	155.520.000.000
<i>Vốn góp đầu năm</i>		<i>155.520.000.000</i>	<i>155.520.000.000</i>
<i>Vốn góp cuối năm</i>		<i>155.520.000.000</i>	<i>155.520.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		36.015.157.000	27.829.893.000
d. Cổ phiếu		31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		15.552.000	15.552.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		15.552.000	15.552.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		<i>15.552.000</i>	<i>15.552.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		15.552.000	15.552.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		<i>15.552.000</i>	<i>15.552.000</i>
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.</i>		<i>10.000</i>	<i>10.000</i>
e. Các quỹ của doanh nghiệp		31/12/2021	01/01/2021
Quỹ đầu tư phát triển		16.603.467.737	16.603.467.737
Quỹ khác thuộc nguồn vốn hữu sở hữu		603.561.923	1.322.110.006
Cộng		17.207.029.660	17.925.577.743

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

e. Các quỹ của doanh nghiệp (tiếp theo)

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**a. Tài sản nhận giữ hộ:**

	Đơn vị tính	Số lượng	
		31/12/2021	01/01/2021
Vật tư ký gửi			
Amplatez/Coil	Cái	0	73
Anneaux	Cái	39	41
Ballon	Cái	381	477
Dụng Cụ Điện Sinh Lý	Cái	26	43
Dụng Cụ Điện Sinh Lý	Bộ	1	5
Pacemaker	Cái	3	1
Stent	Cái	245	369
Valve	Cái	41	56
Y Dụng Cụ	Cái	28	56
Cộng		764	1.121

b. Ngoại tệ các loại

	31/12/2021		01/01/2021	
	Nguyên tệ	Giá trị (VND)	Nguyên tệ	Giá trị (VND)
USD	\$ 81.809,79	1.852.173.646	\$ 80.722,46	1.857.423.805
EUR	€ 22.564,61	572.945.008	€ 22.575,53	631.235.297
Cộng		2.425.118.654		2.488.659.102

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu khám, chữa bệnh	318.519.955.722	414.172.943.853
Doanh thu bán thuốc	105.970.163.554	154.802.201.820
Doanh thu khác	5.895.780.177	1.744.861.813
Cộng	430.385.899.453	570.720.007.486
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	371.603.381	10.960.342
Cộng	371.603.381	10.960.342
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu khám, chữa bệnh	318.519.955.722	414.172.943.853
Doanh thu bán thuốc	105.598.560.173	154.791.241.478
Doanh thu khác	5.895.780.177	1.744.861.813
Cộng	430.014.296.072	570.709.047.144

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2021	Năm 2020
4. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn DV khám chữa bệnh	258.360.118.907	306.918.408.591
Giá vốn bán thuốc	92.686.815.000	135.478.670.312
Giá vốn khác	13.071.905.121	9.088.069.611
Cộng	364.118.839.028	451.485.148.514
5. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.337.483.318	891.754.365
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	37.211.563
Cộng	1.337.483.318	928.965.928
6. Chi phí tài chính		
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	88.454.883	-
Cộng	88.454.883	-
7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	4.533.403.315	5.468.443.849
Chi phí vật liệu, bao bì	1.008.007.254	967.868.349
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	104.310.723	88.026.558
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.920.000	4.800.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.330.037.655	5.682.850.807
Chi phí bằng tiền khác	160.855.048	278.399.965
Cộng	11.140.533.995	12.490.389.528
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	22.118.596.843	24.239.936.921
Chi phí vật liệu, bao bì	551.547.672	730.803.484
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.325.775.123	1.212.800.525
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.765.545.640	5.607.205.851
Thuế, phí, lệ phí	1.346.837.000	1.634.373.500
Dự phòng phải thu khó đòi	-	247.827.140
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.314.609.196	12.447.025.008
Chi phí bằng tiền khác	3.156.537.982	3.160.088.597
Cộng	44.579.449.456	49.280.061.026
8. Thu nhập khác		
Xử lý vật tư thừa sau kiểm kê	50.920.603	348.610
Các khoản khác	2.400.472.965	1.858.517.597
Cộng	2.451.393.568	1.858.866.207
9. Chi phí khác		
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	35.659.439	-
Xử lý vật tư thiếu sau kiểm kê	36.937.684	52.597
Các khoản bị phạt	61.606.551	34.373.947
Các khoản khác	1.166.203.786	71.704.830
Cộng	1.300.407.460	106.131.374

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2021	Năm 2020
10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	234.613.592.051	304.154.956.428
Chi phí nhân công	110.090.672.126	129.751.596.701
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.743.598.328	17.497.683.272
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.849.680.674	26.454.000.419
Chi phí khác bằng tiền	34.541.279.300	32.816.420.578
Cộng	419.838.822.479	510.674.657.398
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2021	Năm 2020
1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.749.907.114	6.846.610.812
2. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.749.907.114	6.846.610.812
12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.825.581.022	53.288.538.025
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	(2.678.353.239)	(3.918.387.369)
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác	(2.678.353.239)	(3.918.387.369)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.147.227.783	49.370.150.656
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.552.000	15.552.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	524	3.175
13. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.147.227.783	49.370.150.656
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	8.147.227.783	49.370.150.656
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.552.000	15.552.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	15.552.000	15.552.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	524	3.175

14. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

14.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các (khoản tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Năm nay		
Đồng Việt Nam	+100	426.419.521
Đồng Việt Nam	-100	(426.419.521)
Đô-la Mỹ	+100	18.521.736
Đô-la Mỹ	-100	(18.521.736)
Đồng EURO	+100	22.917.800
Đồng EURO	-100	(22.917.800)
Năm trước		
Đồng Việt Nam	+200	1.216.734.851
Đồng Việt Nam	-200	(1.216.734.851)
Đô-la Mỹ	+200	37.148.476
Đô-la Mỹ	-200	(37.148.476)
Đồng EURO	+200	12.624.706
Đồng EURO	-200	(12.624.706)

Mức tăng/giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

14.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến phải thu khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu quá hạn và/hoặc bị suy giảm được trình bày trong bảng sau đây:

	Không quá hạn		Quá hạn	
	không bị suy giảm	bị suy giảm	không bị suy giảm	bị suy giảm
Ngày 31 tháng 12 năm 2021				
Dưới 90 ngày	2.882.285.028	-	-	-
91-180 ngày	-	-	-	-
>181 ngày	-	-	-	1.136.035.864
Tổng cộng giá trị ghi sổ	2.882.285.028	-	-	1.136.035.864
Dự phòng giảm giá trị	-	-	-	(1.136.035.864)
Giá trị thuần	2.882.285.028	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2020				
Dưới 90 ngày	3.263.122.358	-	-	-
91-180 ngày	-	-	-	-
>181 ngày	-	-	-	1.136.035.864
Tổng cộng giá trị ghi sổ	3.263.122.358	-	-	1.136.035.864
Dự phòng giảm giá trị	-	-	-	(1.136.035.864)
Giá trị thuần	3.263.122.358	-	-	-

14.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	32.341.403.517	-	-	32.341.403.517
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	3.753.584.116	-	-	3.753.584.116
Cộng	36.094.987.633	-	-	36.094.987.633
Ngày 31 tháng 12 năm 2020				
Phải trả người bán	35.806.613.130	-	-	35.806.613.130
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	2.310.643.048	-	-	2.310.643.048
Cộng	38.117.256.178	-	-	38.117.256.178

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản nợ đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng sẽ được trả đúng hạn.

15. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (Xem trang 33)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:**

Không có những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác ảnh hưởng đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

		Năm 2021	Năm 2020
+ Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc			
Thu nhập của Hội đồng Quản trị	Thù lao, lương và thưởng	859.849.000	1.676.080.004
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	Lương và thưởng	7.623.081.522	8.176.489.042
Cộng		8.482.930.522	9.852.569.046

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận:

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty có trụ sở chính và chi nhánh đều tọa lạc trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh nên trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh, còn báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý không trình bày.

4.1. Báo cáo bộ phận: theo lĩnh vực kinh doanh

	Lĩnh vực dịch vụ khám, chữa bệnh và lĩnh vực khác	Lĩnh vực kinh doanh bán thuốc	Tổng cộng
Năm 2021			
Doanh thu thuần	324.415.735.899	105.598.560.173	430.014.296.072
Giá vốn	271.432.024.028	92.686.815.000	364.118.839.028
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	52.983.711.871	12.911.745.173	65.895.457.044
Năm 2020			
Doanh thu thuần	415.917.805.666	154.791.241.478	570.709.047.144
Giá vốn	316.006.478.202	135.478.670.312	451.485.148.514
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	99.911.327.464	19.312.571.166	119.223.898.630

4.2. Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý

Trụ sở chính và chi nhánh (Phòng khám đa khoa Tâm Đức; Phòng khám đa khoa Phúc Đức) của Công ty đều tọa lạc trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và hạch toán phụ thuộc. Vì vậy, Công ty không trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

5. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

NGƯỜI LẬP BIỂU - KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ths. Phan Thị Thanh Nga

TP. HCM, ngày 07 tháng 03 năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
BỆNH VIỆN TIM
TÂM ĐỨC
Bs. CKI Đỗ Văn Bửu Đan



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.8. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	140.710.891.435	199.781.400.054	7.296.138.028	2.062.354.499	404.616.561	350.255.400.577
Mua trong năm	-	12.355.998.000	-	144.000.000	-	12.499.998.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(801.011.983)	-	(43.516.000)	(41.401.800)	(885.929.783)
Số dư cuối năm	140.710.891.435	211.336.386.071	7.296.138.028	2.162.838.499	363.214.761	361.869.468.794
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	56.073.021.701	124.840.175.377	3.250.232.857	1.054.904.150	324.707.824	185.543.041.909
Khấu hao trong năm	4.586.302.284	12.001.244.911	652.619.952	211.163.240	28.495.446	17.479.825.833
Thanh lý, nhượng bán	-	(780.711.834)	-	(35.276.171)	(29.182.339)	(845.170.344)
Số dư cuối năm	60.659.323.985	136.060.708.454	3.902.852.809	1.230.791.219	324.020.931	202.177.697.398
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	84.637.869.734	74.941.224.677	4.045.905.171	1.007.450.349	79.908.737	164.712.358.668
Số dư cuối năm	80.051.567.450	75.275.677.617	3.393.285.219	932.047.280	39.193.830	159.691.771.396

- * Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: không có.
- * Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 84.268.077.430 VND.
- * Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm chờ thanh lý: không có.
- * Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.
- * Các thay đổi khác về tài sản cố định hữu hình: không có.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI6. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	155.520.000.000	1.407.488.000	16.603.467.737	695.036.146	50.884.393.734	225.110.385.617
Lợi nhuận	-	-	-	-	53.288.538.025	53.288.538.025
Trích lập các quỹ	-	-	-	2.418.387.369	(4.820.414.601)	(2.402.027.232)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(27.829.893.000)	(27.829.893.000)
Giảm khác	-	-	-	(1.791.313.509)	-	(1.791.313.509)
Số dư cuối năm trước	155.520.000.000	1.407.488.000	16.603.467.737	1.322.110.006	71.522.624.158	246.375.689.901
Số dư đầu năm nay	155.520.000.000	1.407.488.000	16.603.467.737	1.322.110.006	71.522.624.158	246.375.689.901
Lợi nhuận	-	-	-	-	10.825.581.022	10.825.581.022
Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	689.720.917	(2.678.353.239)	(1.988.632.322)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(36.015.157.000)	(36.015.157.000)
Giảm khác	-	-	-	(1.408.269.000)	-	(1.408.269.000)
Số dư cuối năm nay	155.520.000.000	1.407.488.000	16.603.467.737	603.561.923	43.654.694.941	217.789.212.601

(*) Căn cứ theo Nghị quyết 01.2021/NQ-ĐHCD ngày 24/4/2021, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2020 và tạm trích các quỹ năm 2021, chia cổ tức năm 2020 cụ thể như sau:

	Năm 2021
- Trích lập các quỹ	
+ Tạm trích quỹ từ thiện năm 2021 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận	300.000.000
+ Tạm trích quỹ nhân đạo năm 2021 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận	300.000.000
+ Tạm trích quỹ hoạt động Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2021 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận	389.720.917
+ Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2021 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận	1.500.000.000
+ Tạm trích quỹ khoa học công nghệ năm 2021 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận	188.632.322
	<u>2.678.353.239</u>
- Chia cổ tức	
+ Tạm chia cổ tức đợt 2 năm 2020 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận	13.096.421.000
+ Chia cổ tức năm 2020 theo Nghị quyết 01.2021/NQ-ĐHCD ngày 24/04/2021	22.918.736.000
	<u>36.015.157.000</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI.15. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2021		31/12/2020		31/12/2021	31/12/2020
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Giá trị
Tài sản tài chính						
- Phải thu khách hàng	4.018.320.892	(1.136.035.864)	4.399.158.222	(1.136.035.864)	2.882.285.028	3.263.122.358
- Phải thu khác	8.973.341.906	-	15.749.196.986	-	8.973.341.906	15.749.196.986
- Tiền và các khoản tương đương tiền	29.245.312.960	-	48.193.264.682	-	29.245.312.960	48.193.264.682
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	15.821.757.830	-	15.132.136.986	-	15.821.757.830	15.132.136.986
TỔNG CỘNG	58.058.733.588	(1.136.035.864)	83.473.756.876	(1.136.035.864)	56.922.697.724	82.337.721.012
Nợ phải trả tài chính						
- Phải trả người bán	32.341.403.517	-	35.806.613.130	-	32.341.403.517	35.806.613.130
- Nợ phải trả tài chính khác, chi phí phải trả	3.753.584.116	-	2.310.643.048	-	3.753.584.116	2.310.643.048
TỔNG CỘNG	36.094.987.633	-	38.117.256.178	-	36.094.987.633	38.117.256.178

PHỤ LỤC II

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

BIÊN BẢN LÀM VIỆC BAN KIỂM SOÁT

Hôm nay, ngày 26 tháng 03 năm 2022, chúng tôi gồm có:

Ban Kiểm soát:

1. CN.Vương Thị Quỳnh Anh : Trưởng ban
2. Bà Bùi Thúy Kiều : Thành viên
3. BS.Nguyễn Nhị Phương : Thành viên – vắng mặt

Đại diện Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức :

1. Bs.CKI. Đỗ Văn Bửu Đan : Tổng Giám Đốc
2. Ths.Phan Thị Thanh Nga : Giám Đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Ban Thư ký: CN.Trương Thị Mai Lan

Sau khi đã kiểm tra chứng từ, sổ sách và các báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức, chúng tôi thống nhất như sau:

A. KẾT QUẢ KIỂM SOÁT CHUYÊN MÔN:

Năm 2021, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn ra rất phức tạp và kéo dài đã ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động khám chữa bệnh của Tâm Đức, giảm ở các lĩnh vực như điều trị ngoại trú, điều trị nội trú, thông tim can thiệp, mổ tim, điện sinh lý tim...

Các chỉ số chuyên môn bao gồm :

- Khám chữa bệnh ngoại trú giảm 40% (48.286/80.537 lượt) so với năm 2020 trong đó khám tim giảm 38% (46.450/74.868 lượt). Từ tháng 6 đến tháng 9, khi dịch bệnh Covid-19 tăng cao, TPHCM thực hiện giãn cách xã hội nên người bệnh đã không đến được Tâm Đức khám bệnh, có ngày chỉ có khoảng 60 người đến khám, so với hơn 300 người đến trong điều kiện bình thường. Để giúp bệnh nhân bớt khó khăn, Bệnh Viện Tim Tâm Đức đã triển khai thực hiện khám bệnh trực tuyến và giao thuốc tại nhà khi bệnh nhân có nhu cầu.
- Điều trị nội trú giảm 28% so với 2020 (2.954/4.120 bệnh nhân/năm).
- Thông tim can thiệp năm 2021 giảm 41% so với năm 2020 (765/1.296 bệnh nhân/năm)
- Điện sinh lý tim năm 2021 giảm 20% so với năm 2020 (203/251). Bệnh viện đã thực hiện kỹ thuật mới cắt đốt bằng mapping 3D thành công tốt đẹp, đến nay được 138 trường hợp.
- Tổng số ca mổ 2021 là 166, giảm 54% so với năm 2021 (166/359). Trong đó bệnh tim bẩm sinh chiếm 42%, bệnh van tim chiếm 31% và 22% là bệnh mổ bắc cầu.
- Năm 2021, do tình hình dịch bệnh Covid 19, chương trình khám sàng lọc bệnh tim bẩm sinh tại các tỉnh phải tạm hoãn, Tâm Đức đã mổ được 72 em có chỉ định phẫu thuật trong các đợt khám sàng lọc trước, chiếm 43% tổng số ca phẫu thuật năm 2021 (72/166).



- Về bảo hiểm y tế năm 2021 so với năm 2020 : số lượt BHYT chung giảm 47% (7.284/13.737). Số tiền thanh toán BHYT giảm 18% so với năm 2020 (46,5tỷ/56,7tỷ).
- Phòng khám ĐK Tâm Đức hoạt động kể từ khi thành lập Công ty, tuy nhiên do thời gian gần đây phòng khám đã cũ, công suất hoạt động giảm, chi phí thuê mặt bằng tăng, không có khả năng xây dựng mới. Bên cạnh đó, hoạt động của Phòng khám ĐK Phúc Đức không hiệu quả. Do đó, vào tháng 6/2021, theo quyết định của Hội đồng Quản trị đã chấm dứt hoạt động của Phòng khám ĐK Tâm Đức và Phòng khám ĐK Phúc Đức.

Ngoài hoạt động chuyên môn, hưởng ứng lời kêu gọi của Sở Y tế, Bệnh viện Tim Tâm Đức đã luôn sát cánh cùng đội ngũ y tế của ngành tham gia hoạt động chống dịch trên địa bàn thành phố, cụ thể như sau :

- Từ tháng 5/2021, các Bác sĩ, điều dưỡng của Tâm Đức đã thực hiện tiêm ngừa Covid-19 cho nhân viên bệnh viện, bệnh nhân và hàng ngàn người dân trong cộng đồng theo sự phân công của Sở Y tế.
- Vào tháng 8/2021, theo quyết định của Sở y tế, Tâm Đức đã chuyển đổi công năng một phần, tham gia vào điều trị bệnh Covid-19. Tâm Đức thực hiện việc tách đôi bệnh viện để cùng lúc làm 2 nhiệm vụ : điều trị bệnh nhân tim mạch và chữa trị bệnh nhân nhiễm Covid-19. Kết quả sau hơn 2 tháng Tâm Đức đã điều trị được 213 bệnh nhân Covid-19 ở nhiều cấp độ, hoàn thành nhiệm vụ theo chỉ đạo của Sở Y tế, nhờ sự đồng lòng của tập thể Ban lãnh đạo, các Bác sĩ, điều dưỡng, y công... đã hết lòng vì nhiệm vụ.

B. KẾT QUẢ KIỂM SOÁT TÀI CHÍNH KẾ TOÁN:

- Tổng doanh thu năm 2021: 433.803.172.958 VND giảm 24,4% so với năm 2020 (434tỷ/573 tỷ), đạt khoảng 79% kế hoạch năm 2021.
- Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2021: 12.575.488.136 VND (giảm 79,1% so với năm 2020), đạt khoảng 23% kế hoạch năm 2021.
- Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2021: 10.825.581.022 VND (giảm 79,7% so với thực hiện năm 2020), đạt khoảng 22% kế hoạch năm 2021.
- Bình quân lãi cơ bản là 524 VND/cổ phiếu (so với năm 2020 là 3.175 VND/cổ phiếu, giảm 83,5%). Vốn điều lệ : 155,52 tỷ, tổng số cổ phiếu là : 15.552.000 CP.

Năm 2021 với tình hình dịch bệnh Covid-19 phức tạp và kéo dài nhiều tháng đã ảnh hưởng đến các kết quả hoạt động chuyên môn cũng như tài chính của Công ty, do đó Tâm Đức không thể đạt được kế hoạch đã đề ra trong tất cả các lĩnh vực hoạt động.

C. NHẬN XÉT CỦA BAN KIỂM SOÁT :

- Trong tình hình dịch bệnh phức tạp, Bệnh viện Tim Tâm Đức gần như chỉ hoạt động 7/12 tháng của năm 2021, từ tháng 5 đến hết tháng 9 Tâm Đức chỉ hoạt động cầm chừng, chống dịch là chính. Do đó để được kết quả tài chính dương là cả sự nỗ lực của Ban Lãnh đạo bệnh viện, cũng như tinh thần hết lòng phục vụ và cùng chia sẻ khó khăn với bệnh viện của đội ngũ nhân viên. Nhờ vậy, Bệnh viện vẫn tiếp tục giữ được kết quả tài chính dương liên tiếp 15 năm (từ năm 2007 đến nay).

- Ban quản lý bệnh viện vẫn tiếp tục phát huy tốt vai trò quản lý, bảo toàn và phát triển nguồn vốn của bệnh viện. Đội ngũ bác sĩ, điều dưỡng của Tâm Đức đã trưởng thành, trình độ được nâng cao.
- Tháng 10/2018, Khu Khám và điều trị đặc biệt, Khu Hồi sức chăm sóc đặc biệt đi vào hoạt động, đáp ứng nhu cầu khám, điều trị và chăm sóc chất lượng cao, đã nâng cao uy tín và ảnh hưởng quan trọng đến kết quả tài chính của Tâm Đức. Năm 2021 dù có dịch bệnh Covid-19, người bệnh đến khám ở Khu khám đặc biệt, điều trị nội trú và săn sóc đặc biệt vẫn tương đương năm 2020.
- Quản lý tài chính về mặt sổ sách chứng từ đúng quy cũ và theo chuẩn mực kế toán hiện hành, được Công ty kiểm toán soát xét tình hình tài chính vào giữa niên độ và cuối niên độ tài chính.
- Song song hoạt động chuyên môn, hưởng ứng lời kêu gọi của Sở y tế, bệnh viện Tim Tâm Đức đã luôn sát cánh cùng đội ngũ y tế của ngành tham gia hoạt động chống dịch trên địa bàn thành phố, cụ thể như thực hiện tiêm ngừa Covid-19 cho cộng đồng, điều trị bệnh nhân Covid-19 ở nhiều cấp độ.
- Điểm nổi bật nhất của Tâm Đức trong năm qua là tiếp tục đạt thành tích xuất sắc trong triển khai các hoạt động nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, chất lượng phục vụ người bệnh và phòng chống dịch Covid-19, Tâm Đức đạt 4,14/5 điểm, cao hơn năm 2020 là 4.11/5 điểm.
- Tâm Đức vẫn tiếp tục chủ động phối hợp chặt chẽ với địa phương và các nhà tài trợ để tăng số trẻ em nghèo được phẫu thuật tim.

Biên bản được lập ngày 26 tháng 03 năm 2022 và lập thành 4 bản (mỗi bản gồm 3 trang) có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

CT CP Bệnh viện Tim Tâm Đức

Ban kiểm soát

Ban Thư ký

Trưởng Giám Đốc

Trưởng Ban



BS.CKI.Đỗ Văn Bửu Đan

CN.Vương Thị Quỳnh Anh

CN.Trương Thị Mai Lan

Giám Đốc Tài chính kiêm Kế toán Trưởng

Thành viên BKS

Ths.Phan Thị Thanh Nga

Bà Bùi Thúy Kiều

PHỤ LỤC III

ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI

ĐOÀN LUẬT SƯ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Văn phòng Luật sư NGUYỄN VĂN TRUNG
10/4 Nguyễn Thị Minh Khai Quận I-ĐT: 3 8292496 – 090 3917990

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 7 năm 2021

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

Theo yêu cầu của Quý Công ty, về việc tư vấn sửa đổi Điều lệ theo Luật Doanh nghiệp năm 2020, chúng tôi xin có ý kiến như sau:

I. Nội dung cần sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Chương I Những quy định chung

-Đại cổ đông: Đề nghị sửa lại là “Cổ đông lớn : là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết”, theo quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán 2019.

Chương II Phạm vi và trách nhiệm, tên gọi, trụ sở, mục tiêu và ngành nghề kinh doanh

-**Điều 2 khoản 9**, đề nghị sửa lại “Công ty có con dấu riêng và tài khoản giao dịch tại ngân hàng”, bỏ “theo quy định của Chính phủ”, theo Điều 43 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định con dấu do doanh nghiệp tự quyết định.

-**Điều 15**. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông:

1. Quyền cổ đông:

1.1 Quyền cổ đông phổ thông

1.1.6 Đề nghị sửa lại: “Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền:

a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT ...

b) Yêu cầu triệu tập Đại hội cổ đông.

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết”.

(Quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật DN 2020)

1.1.7: Chuyển xuống thành 1.1.8, đồng thời thay thế bổ sung nội dung 1.1.7 như sau: “1.1.7 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát” (quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật DN 2020).

2. Nghĩa vụ của cổ đông:

2.2 Bổ sung “Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật” (quy định tại khoản 5 Điều 119 Luật DN 2020).

-**Điều 17** Thể thức tổ chức quản lý Công ty

2. Đại hội đồng cổ đông

2.2 Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

2.2.1.c, Sửa lại là “Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật DN 2020”.

2.2.2. Thay thế “...khoản 3 Điều 136 Luật DN 2014” bằng “...khoản 1 Điều 140 Luật DN 2020”.

2.2.3. Thay “...khoản 4 Điều 136 Luật DN 2014” bằng “...khoản 2 Điều 140 Luật DN 2020”.

2.2.4. Thay “...khoản 5 Điều 136 của Luật DN 2014” bằng “...khoản 3 Điều 140 Luật DN 2020”.

Thay “...khoản 2 Điều 114 Luật DN 2014” bằng “...khoản 5 Điều 115 Luật DN 2020”.

+Bỏ các khoản 2.2.5, 2.2.6, và 2.2.7 vì trùng lặp 2.2.1.

2.3 Chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông

2.3.1.1, Đề nghị sửa lại “Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty và phải được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông”. (khoản 1 Điều 141 Luật DN 2020)

2.3.3.1, Đề nghị sửa lại “Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc Đại hội”. (khoản 1 Điều 143 Luật DN 2020).

2.3.3.2 Đề nghị sửa lại “Thông báo mời họp phải được gửi kèm chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Việc gửi tài liệu họp có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty”. (khoản 3, 4 Điều 143 Luật DN 2020).

Lưu ý mục 2.5- Về điều kiện (thay từ “tư cách”) tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều 145 Luật DN 2020: “Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định” được hiểu tỷ lệ tối thiểu phải là trên 50%, Điều lệ Công ty có quyền quy định tỷ lệ cụ thể miễn là phải trên 50%. Điều lệ hiện nay của Tâm Đức quy định 65% là không trái quy định của Luật DN 2020; việc có thay đổi tỷ lệ này hay không do HĐQT xem xét cơ cấu cổ đông và yêu cầu thực tế để đề xuất Đại hội quyết định. Vì vậy, tạm thời tôi giữ nguyên tỷ lệ như hiện nay.

2.6 Thứ tự tiến hành Đại hội đồng cổ đông

2.6.3 Đề nghị điều chỉnh lại “...Chương trình cuộc họp được tiến hành khi số cổ đông đại diện trên 50% số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp chấp thuận”. (thay 61% bằng trên 50% vì đây chỉ mới là thông qua nội dung chương trình họp).

2.6.8 Đề nghị bỏ vì trùng với 2.8.2.

2.7 Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Lưu ý: Giống như mục 2.5 nêu trên. Theo quy định tại Điều 148 Luật DN 2020 thì tỷ lệ này trên 50% và từ 65% trở lên; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ Công ty quy định. Vì vậy, tạm thời tôi giữ nguyên tỷ lệ theo Điều lệ hiện hành.

2.8 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

2.8.1.8 Đề nghị bổ sung “Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.” (Đoạn cuối điểm i khoản 1 Điều 150 Luật DN 2020).

2.9 Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Đề nghị sửa lại theo đúng quy định tại Điều 151 Luật DN 2020.

3. Hội đồng quản trị

3.1.13 Bổ sung mục này “Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên” (khoản 4 Điều 153 Luật DN 2020).

3.2.1 Thay thế “...khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp” bằng “... khoản 2 Điều 17 Luật DN 2020”.

3.2.4 Bỏ đoạn cuối cùng “Thành viên HĐQT không nằm trong diện quy định tại khoản 2, Điều 13 Luật DN”, vì nhầm lẫn Luật DN 2005, nay là khoản 2 Điều 17 Luật DN 2020 và đã có quy định tại 3.2.1 trên.

3.8 Hợp Hội đồng quản trị: Đề nghị bổ sung 2 đối tượng yêu cầu họp HĐQT bất thường là Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc theo khoản 3 Điều 157 Luật DN 2020.

3.11 Biên bản họp Hội đồng quản trị: Đề nghị bổ sung mục này theo quy định khoản 1 và khoản 2 Điều 158 Luật DN 2020.

4. Tổng giám đốc Công ty

4.1.3. Bỏ (theo khoản 2, Điều 116 Luật Doanh nghiệp). Thay “... khoản 2, Điều 13 Luật Doanh nghiệp” bằng “... khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp”.

5. Ban kiểm soát

5.1 Đề nghị sửa lại “Ban kiểm soát công ty có 3 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 Luật DN 2020”.

5.2 Đề nghị sửa lại như sau: “Trường Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các kiểm soát viên và phải là cổ đông của công ty. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động của công ty. (khoản 2 Điều 168 Luật DN 2020).

6. Nghĩa vụ của người quản lý công ty

Thêm khoản 6.4- “Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác vi phạm Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty và bên thứ ba”. (khoản 2 Điều 165 Luật DN 2020).

-Điều 18 Nguyên tắc giải quyết tranh chấp

Đề nghị sửa lại như sau: “Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Điều lệ này trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng hòa giải. Trong trường hợp các bên tranh chấp không thỏa thuận hòa giải được với nhau thì vụ tranh chấp sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc tố tụng của Trung tâm này”. Lý do: Việc tranh chấp không chỉ xảy ra giữa các thành viên sáng lập mà quy định chung liên quan đến Điều lệ Công ty. Việc giải quyết bằng Trọng tài sẽ thoả mái, nhanh chóng hơn (phán quyết trọng tài là chung thẩm có hiệu lực thi hành).

-Điều 22 khoản 2 Giải thể Công ty

2.1.3 Đề nghị sửa đổi bổ sung như sau: “Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác (điểm d khoản 1 Điều 207 Luật DN 2020).

Theo yêu cầu của Quý Công ty, chúng tôi đã rà soát lại toàn bộ nội dung Bản Điều lệ và đã chỉnh sửa trực tiếp trên Bản Điều lệ. Phần không sử dụng được ~~gạch bỏ~~, phần sửa đổi, bổ sung được *in nghiêng* để Quý Công ty tiện đối chiếu.

II.-Một số điểm cần lưu ý

-Liên quan đến công ty cổ phần, so với Luật DN 2014, Luật DN 2020 chỉ sửa đổi bổ sung một số điểm liên quan: con dấu của doanh nghiệp do doanh nghiệp quyết định, quyền của cổ đông lớn sở hữu 5% và sở hữu 10% tổng số cổ phần phổ thông không phụ thuộc thời gian 6 tháng liên tục, tiêu chuẩn và điều kiện kiểm soát viên, trường ban kiểm soát, thời hạn thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông...

-Căn cứ khoản 4 điều 24 Điều lệ Công ty, trong trường hợp Công ty chưa kịp thực hiện sửa đổi Điều lệ theo Luật DN 2020, thì những quy định của Luật mới khác với Điều lệ đương nhiên được áp dụng.

-Theo Luật Chứng khoán năm 2019 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2021), quy định:

Điều 32 khoản 1: Công ty đại chúng là công ty cổ phần thuộc một trong hai trường hợp sau đây:

a) Công ty có vốn điều lệ góp từ 30 tỷ trở lên và có tối thiểu là 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết do ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn nắm giữ.

Điều 38 khoản 2: Sau 01 năm kể từ ngày không còn đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật này mà công ty vẫn không đáp ứng được điều kiện là

công ty đại chúng, Ủy ban chứng khoán Nhà nước xem xét hủy tư cách công ty đại chúng.

Trên đây là 1 số góp ý của chúng tôi. Chúng tôi đã chỉnh sửa ngay trong Điều lệ gửi file word kèm theo.

Trân trọng.

Trưởng Văn phòng



Luật sư NGUYỄN VĂN TRUNG

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN

BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

Bản Điều lệ này kế thừa Điều lệ gốc ngày 17.05.2002 và các lần sửa đổi bổ sung lần thứ nhất ngày 27.10.2007 theo Luật Doanh nghiệp 2005; sửa đổi bổ sung lần thứ hai ngày 26.04.2014 theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26.07.2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng; sửa đổi lần thứ ba ngày 29.04.2017 điều chỉnh vốn Điều lệ công ty, phù hợp với Luật Doanh Nghiệp 2014 và Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06.06.2017, đã được Đại Hội Cổ Đông ngày 28.04.2018 thông qua; *sửa đổi lần thứ tư theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày..... tháng.... năm.....*

CHƯƠNG I

NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG

Trong điều lệ dùng một số thuật ngữ có nội dung được định nghĩa như sau :

- Công Ty** : chữ viết tắt của Công ty Cổ Phần Bệnh Viện Tim Tâm Đức
- Cổ phần** : Là đơn vị tính dùng để xác định mức độ sở hữu vốn của Công ty.
- Cổ đông** : ~~người~~ Là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty.
- Đại Cổ đông lớn** : Là cổ đông hay nhóm cổ đông có sở hữu ~~trên 10%~~ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông ~~liên tục trong 6 tháng~~.
- Cổ tức** : khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ đông bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.
- Tổ chức lại Công ty** : Là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi Công ty.
- Luật Doanh nghiệp** : Là Luật Doanh nghiệp năm 2020.
- Luật Chứng khoán** : Là Luật Chứng khoán 2019.
- Người nội bộ của Công ty**: Là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng; Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban kiểm toán nội bộ; Thư ký Công ty, người phụ trách quản trị Công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.
- Người có liên quan**: Là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật Chứng khoán.
- Người điều hành Công ty**: Là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.
- Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành**: Là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.

CHƯƠNG II

PHẠM VI VÀ TRÁCH NHIỆM, TÊN GỌI, TRỤ SỞ, MỤC TIÊU VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Điều 1 : Phạm vi trách nhiệm

Mỗi ~~cổ đông sáng lập và các~~ cổ đông trong Công ty chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

Điều 2 : Thành lập Công ty

1. *Tên gọi Công ty* : CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC
2. *Tên giao dịch* : TAM DUC CARDIOLOGY HOSPITAL JOINT-STOCK COMPANY
3. *Tên viết tắt* : TAM DUC CO.
4. *Trụ sở Công ty* : 04 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, TP.Hồ Chí Minh

Trụ sở này có thể được chuyển đổi đi nơi khác bằng một quyết định (thường hay bất thường) của Hội Đồng Quản Trị và phải ~~đăng ký~~ thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh ~~chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện việc chuyển đổi.~~ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi.

5. *Loại hình Công ty* : CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC là Công ty Cổ Phần, được thành lập và tổ chức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
6. Điều lệ Công ty là bản chi tiết hóa các điều khoản trong Luật Doanh nghiệp để áp dụng vào Công ty. Điều lệ Công ty không mâu thuẫn với Luật Doanh nghiệp. Những điều khoản không nêu trong Điều lệ Công ty thì thực hiện như đã ghi trong Luật Doanh nghiệp.
7. Nguồn vốn của Công ty là do cá nhân, tổ chức đóng góp.
8. Tư cách pháp nhân của Công ty được xác nhận bằng GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH do cơ quan có thẩm quyền cấp *lần đầu*.
9. Công ty có con dấu riêng theo quy định của ~~Chính phủ~~ Luật Doanh nghiệp, tài khoản *giao dịch* tại ngân hàng.
10. Lợi ích của các cổ đông và Công ty được pháp luật bảo hộ.

Điều 3 : Mục đích hoạt động

1. Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh: Bệnh viện, nhà thuốc, và phòng khám đa khoa
2. Phạm vi hoạt động: Trên toàn quốc.

Điều 4 : Thời hạn hoạt động

1. Thời hạn hoạt động của Công ty là **50 năm** kể từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Công ty có thể giải thể trước thời hạn hoặc được kéo dài thêm thời gian hoạt động theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 5 : Người đại diện theo pháp luật

TS.BS. Nguyễn Ngọc Chiêu

Sinh ngày : 25/11/1946 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Chứng minh nhân dân số : 020149840

Ngày cấp : 10/08/2007 Nơi cấp : CA TP. HCM

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : R4.51 Hưng Gia 4, Phú Mỹ Hưng, Phường Tân Phong, Quận 7, Tp. HCM

Chỗ ở hiện tại : R4.51 Hưng Gia 4, Phú Mỹ Hưng, Phường Tân Phong, Quận 7, Tp. HCM

Là Chủ tịch Hội đồng quản trị và là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 6 : Các cổ đông sáng lập của Công ty

- | | |
|------------------------|--------------------|
| 1. Cao Hoài Trung | CMND số: 020932206 |
| 2. Nguyễn Anh Thư | CMND số: 020936480 |
| 3. Vưu Thị Xuân Hoa | CMND số: 020399470 |
| 4. Đào Hữu Trung | CMND số: 021571707 |
| 5. Lê Thị Bạch Lan | CMND số: 020850375 |
| 6. Nguyễn Ngọc Như Anh | CMND số: 023128448 |
| 7. Đặng Phước Dừa | CMND số: 023132240 |
| 8. Nguyễn Ngọc An Khôi | CMND số: 022773770 |

CHƯƠNG III

VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ ĐÔNG - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU

Điều 7 : Vốn, cổ phần và cổ phiếu của Công ty

1. Vốn điều lệ :

Vốn điều lệ của Công ty được ấn định là: 155.520.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi lăm tỷ, năm trăm hai triệu đồng*).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 15.552.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần

2. Góp vốn vào Công ty :

Các cá nhân và tổ chức đưa tài sản vào Công ty để trở thành chủ sở hữu chung của Công ty gọi là góp vốn vào Công ty. Tài sản góp vốn có thể là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, giá trị công nghệ, giá trị bí quyết kỹ thuật, giá trị phần mềm, máy móc thiết bị, các tài sản hữu hình hợp pháp, lợi thế thương mại. Tất cả đều phải quy ra tiền Việt Nam tại thời điểm thanh toán mua cổ phần.

Điều 8 : Định giá tài sản góp vốn

Tài sản góp vốn nếu không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng thì phải được định giá. Để đảm bảo công bằng, tránh phiền hà, phức tạp, Công ty quy định thể thức định giá tài sản góp vốn như sau :

- 2.1 Khi thành lập, tất cả các thành viên sáng lập là người định giá tài sản góp vốn.
- 2.2 Trong quá trình hoạt động, Hội đồng quản trị là người định giá tài sản góp vốn.
- 2.3 Người định giá phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, hợp lý đối với giá trị tài sản góp vốn.
- 2.4 Người định giá phải thông báo bằng định giá các tài sản góp vốn cho các cổ đông phổ thông hiện hành của Công ty. Trường hợp trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày thông báo, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan chứng minh được tài sản góp vốn được định giá là bất hợp lý so với giá trị thực tế tại thời điểm và nơi góp vốn thì có quyền yêu cầu người định giá định giá lại. Trường hợp người định giá từ chối định giá lại thì họ có quyền yêu cầu Đại hội đồng cổ đông quyết định buộc người định giá phải định giá lại tài sản góp vốn. Sau thời hạn 45 ngày, kể từ ngày gửi thông báo cho tất cả các cổ đông, mọi tranh chấp về định giá tài sản góp vốn đều không có giá trị.

- 2.5 Cổ đông đến sau không được quyền thắc mắc về định giá tài sản trước đó của Công ty. Nếu họ không đồng ý với định giá tài sản trước đó thì có quyền từ chối không mua cổ phần.
- 2.6 Giá trị các tài sản góp vốn được thông qua bằng biên bản, theo nguyên tắc công khai, nhất trí, hợp lý, giá thị trường tại thời điểm và nơi góp vốn (thực tế tại ngày góp vốn).

Điều 9 : Cổ phần

1. Các loại cổ phần :

Công ty có hai loại cổ phần là cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó có các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Cổ phần phổ thông không thể chuyển sang cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển thành cổ phần phổ thông theo quyết định của đại hội đồng cổ đông.

1.1 Cổ phần phổ thông :

Chủ sở hữu cổ phần phổ thông đặt vấn đề “phát triển Công ty” lên hàng đầu. Mỗi cổ phần có một phiếu biểu quyết. Cổ phần phổ thông chỉ đem lại cổ tức khi Công ty kinh doanh có lãi. Mức cổ tức phổ thông do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khi Công ty giải thể thì được thanh toán sau cùng. Tỷ lệ cổ phần phổ thông phải chiếm ít nhất 30% tổng số cổ phần các loại của Công ty.

1.2 Cổ phần ưu đãi :

Công ty có các loại cổ phần ưu đãi sau :

1.2.1 Cổ phần ưu đãi cổ tức : Cổ tức của loại cổ phần này gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ phần ưu đãi cổ tức được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hàng năm. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty. Cổ tức thưởng chỉ có khi Công ty kinh doanh có lãi. Mỗi cổ tức cố định và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi rõ trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức. Khi Công ty giải thể thì được thanh toán sau các khoản nợ của Công ty và cổ phần ưu đãi hoàn lại.

1.2.2 Cổ phần ưu đãi biểu quyết: Là cổ phần có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với cổ phần phổ thông. Số phiếu biểu quyết của một cổ phần ưu đãi biểu quyết là: 02 phiếu.

Chỉ có tổ chức được Chính phủ ủy quyền và cổ đông sáng lập được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết. Ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chỉ có hiệu lực trong 03 năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sau thời hạn đó, cổ phần ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chuyển đổi thành cổ phần phổ thông.

1.2.3 Cổ phần ưu đãi hoàn lại : Loại cổ phần này cho phép rút vốn ra khi cần thiết. Cổ phần loại này sẽ được Công ty hoàn lại vốn góp bất cứ khi nào theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại. Cổ tức của loại cổ phần này giống như cổ tức của cổ phần phổ thông.

Đối tượng được mua cổ phần ưu đãi hoàn lại là do Hội đồng quản trị quyết định. Khi Công ty giải thể thì được thanh toán sau các khoản nợ của các Công ty, trước cổ phần ưu đãi cổ tức và cổ phần phổ thông.

Điều 10 : Cổ phiếu

Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hay một số cổ phần của Công ty. Nếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, trên mỗi cổ phiếu có mẫu chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty và hình con dấu của Công ty, trong cổ phiếu có ghi rõ loại cổ phần, mệnh giá, số lượng cổ phần. Cổ phiếu chứng minh cho cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty. Cổ phiếu có thể ghi tên hoặc không ghi tên. Cổ phiếu phải có nội dung chủ yếu sau:

- Tên Công ty, trụ sở của Công ty.
- Số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Loại cổ phần và số lượng.
- Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu.
- Tên cổ đông đối với cổ phiếu có ghi tên.
- Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần.
- Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.
- Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu.
- Các nội dung về ưu đãi đối với cổ phần ưu đãi.

Điều 11 : Sổ đăng ký cổ đông

1. Ngay sau khi có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Sổ đăng ký cổ đông phải có nội dung chủ yếu sau :
 - 1.1.1 Tên Công ty, trụ sở của Công ty.
 - 1.1.2 Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
 - 1.1.3 Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.
 - 1.1.4 Tên cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày mua cổ phần.
2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán
3. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc

không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông

Điều 12 : Phát hành trái phiếu của Công ty

1. Khi cần huy động vốn, Công ty có quyền phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành.

Điều 13 : Mua cổ phần, trái phiếu của Công ty

1. Cổ phần, trái phiếu của Công ty có thể được mua bằng tiền Việt Nam hoặc bằng các tài sản khác theo quy định tại Khoản 2, Điều 7 của Điều lệ này.
2. Công ty có các hình thức mua cổ phần sau : Cổ phiếu ghi danh, cổ phiếu vô danh, ghi sổ cổ đông.
3. Người mua cổ phần, trái phiếu của Công ty phải thanh toán đủ một lần.

Điều 14 : Thẻ thức chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần đã được bán hoặc cổ phần đã được chuyển nhượng, khi ghi vào sổ đăng ký cổ đông có các thông tin sau: Tên cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần hoặc người nhận chuyển nhượng cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.
2. Sau khi thanh toán đủ cổ phần đăng ký mua, Công ty cấp cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, cổ đông phải thông báo ngay cho Công ty và có quyền yêu cầu Công ty cấp lại cổ phiếu và phải trả phí do Công ty quy định.
3. Công ty có thể bán cổ phần mà không có cổ phiếu. Trong trường hợp này chỉ cần ghi vào sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.
4. Công ty chào bán cổ phần:
 - Hội đồng quản trị quyết định chào bán cổ phần mới theo quyết định của Đại Hội Cổ Đông.
 - Thủ tục và trình tự chào bán cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Giá phát hành cổ phiếu mới để tăng vốn có thể cao hơn mệnh giá cổ phiếu, song phải có quyết định của đại hội đồng; phần chênh lệch này không được hạch toán vào doanh thu mà phải hạch toán vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ.

CHƯƠNG IV

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 15 : Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Quyền của cổ đông :

1.1 Quyền của cổ đông phổ thông :

Cổ đông phổ thông là người sở hữu cổ phần phổ thông, Họ có các quyền sau:

- 1.1.1 Mỗi cổ phần sở hữu có một phiếu biểu quyết. Cổ đông tham gia quản lý bằng số phiếu biểu quyết của mình trong Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- 1.1.2 Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 1.1.3 Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty. Tỷ lệ này bằng số cổ phần phổ thông của một cổ đông chia cho tổng số cổ phần của Công ty.
- 1.1.4 Khi Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và cổ đông loại khác (ưu đãi).
- 1.1.5 Tham gia trực tiếp hay ủy nhiệm cho người khác bằng văn bản để đi dự Đại hội đồng cổ đông.
- 1.1.6 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông ~~tham gia~~ sở hữu ~~trên 10% từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng (gọi tắt là Đại cổ đông) trở lên~~ có quyền :
 - 1.1.6.1 ~~Đề cử người ứng cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.~~
 - 1.1.6.2 Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông *theo quy định của Luật Doanh nghiệp.*
 - 1.1.6.3 ~~Xem xét, tra cứu và nhận bản sao hoặc trích lục danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và các tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.~~
- 1.1.7 ~~Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.~~
- 1.1.8 Được phép tự do chuyển nhượng cổ phần cho người khác trên cơ sở hai bên thỏa thuận bằng văn bản và các quyền khác theo qui định của pháp luật.

1.2 Quyền của cổ đông ưu đãi cổ tức :

Cổ đông ưu đãi cổ tức (bình thường và đặc biệt) là người sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức. Họ có các quyền sau :

1.2.8 Được nhận cổ tức.

1.2.9 Khi Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty, sau khi đã thanh toán hết cho chủ nợ và cổ phần ưu đãi hoàn lại.

1.2.10 Được phép tự do chuyển nhượng cổ phần cho người khác trên cơ sở hai bên thỏa thuận bằng văn bản.

1.2.11 Cổ đông ưu đãi cổ tức có các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, ~~điểm 5~~, .1.5 điều này.

1.2.12 Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết, không có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, không có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

1.3 Quyền của cổ đông ưu đãi biểu quyết:

1.3.1 Biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với số phiếu biểu quyết theo quy định.

1.3.2 Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại mục 1.3.3 Điều này.

1.3.3 Cổ đông sở hữu cổ phần biểu quyết không được chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác.

1.4 Quyền của cổ đông ưu đãi hoàn lại :

Cổ đông ưu đãi hoàn lại là người sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại. Họ có các quyền sau :

1.4.1 Được nhận cổ tức.

1.4.2 Khi Công ty giải thể, được nhận lại một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty, sau khi đã thanh toán hết cho chủ nợ.

1.4.3 Được phép tự do chuyển nhượng cổ phần cho người khác trên cơ sở hai bên thỏa thuận bằng văn bản.

1.4.4 Cổ đông ưu đãi hoàn lại có các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, điểm 5, điều này.

1.4.5 Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại không có quyền biểu quyết, không có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, không có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

2 Nghĩa vụ của cổ đông :

2.1 Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp. Không được rút vốn

đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty mua lại hay người khác mua lại.

- 2.2 Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- 2.3 Chấp hành, *nghị quyết*, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- 2.4 Thực hiện các nghĩa vụ khác quy định ~~trong~~ *của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty*
- 2.5 *Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.*

CHƯƠNG V

HÌNH THỨC TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY VÀ CÁC NGUYÊN TẮC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 16 : Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty

Quản lý Công ty là việc thực hiện “ra Quyết định và đôn đốc, kiểm tra, giám sát thực hiện quyết định”. Công ty có hệ thống quản lý gồm : Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật của công ty, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát.

Điều 17 : Thể thức tổ chức quản lý Công ty

1. Hội đồng cổ đông sáng lập :

Hội đồng cổ đông sáng lập quản lý toàn diện Công ty cho đến khi họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Sau cuộc họp này Hội đồng cổ đông sáng lập sẽ trao quyền quyết định cao nhất cho Đại hội đồng cổ đông và tự giải tán. Tại cuộc họp đầu tiên của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu.

2. Đại hội đồng cổ đông :

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2.1 Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông:

- 2.1.1 Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.
- 2.1.2 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.
- 2.1.3 Xem xét, xử lý khen thưởng và kỷ luật đối với hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- 2.1.4 Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty.
- 2.1.5 Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn Điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ Công ty.
- 2.1.6 Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.
- 2.1.7 Thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty.
- 2.1.8 Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
- 2.1.9 Quyết định, xử lý các vấn đề tranh chấp về định giá tài sản góp vốn.

2.1.10 Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ và Luật Doanh nghiệp.

2.2 ~~Thẩm quyền~~ Triệu tập *họp* đại hội đồng cổ đông:

~~Các đối tượng có thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông.~~

2.2.1 Hội đồng quản trị *triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị phải* triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên *tối thiểu* theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 **Điều 115** của Luật Doanh nghiệp **2014**;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật ~~và Điều lệ công ty.~~

2.2.2 ~~Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác, thì~~ Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ~~số thành viên Hội đồng quản trị còn lại xảy ra trường hợp~~ theo quy định tại điểm b *khoản 2.2.1 Điều này* hoặc nhận được yêu cầu *triệu tập họp* quy định tại điểm c và điểm d *khoản 2.2.1 Điều này.*~~khoản 3 Điều 136, Luật Doanh nghiệp 2014~~

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải ~~chịu trách nhiệm trước pháp luật và~~ phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

2.2.3 Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản *2.2.2 Điều này*~~4 Điều 136, Luật Doanh nghiệp 2014~~ thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh Nghiệp **2014**.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải ~~chịu trách nhiệm trước pháp luật và~~ bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty

2.2.4 Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản *2.2.3 Điều này*~~5 Điều 136, Luật Doanh nghiệp 2014~~ thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 **Điều 115** ~~114~~ của Luật Doanh nghiệp ~~1204~~ có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp **2014**.

~~2.2.5 Hội đồng quản trị ra quyết định.~~

~~2.2.6 Ban kiểm soát yêu cầu~~

~~2.2.7 Đại cổ đông yêu cầu:~~

- 2.2.7.1 ~~Trong thời hạn 30 ngày, tính từ ngày Đại cổ đông yêu cầu, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Trong thời hạn 7 ngày Hội đồng quản trị phải ra quyết định họp Đại hội đồng cổ đông.~~
- 2.2.7.2 ~~Trường hợp Hội đồng quản trị không ra quyết định thì Ban kiểm soát trong thời hạn 7 ngày tiếp theo phải ra quyết định.~~
- 2.2.7.3 ~~Trường hợp ban kiểm soát không ra quyết định thì Đại cổ đông ra quyết định.~~

Tất cả chi phí hợp lý, hợp pháp cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại.

2.3 Chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông:

2.3.1 Chuẩn bị danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông:

- 2.3.1.1 Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Công ty và phải được lập ~~xong chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc đại hội đồng cổ đông~~ không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội cổ đông.
- 2.3.1.2 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ tên, địa chỉ thường trú đối với cá nhân; trụ sở đối với tổ chức; số lượng cổ phần mỗi loại của từng cổ đông.
- 2.3.1.3 Mỗi cổ đông đều có quyền được cung cấp thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông.
- 2.3.1.4 Cổ đông có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông, có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2.3.2 Chuẩn bị chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông:

- 2.3.2.1 Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình và nội dung họp.
- 2.3.2.2 ~~Đại cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp~~ có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất trong 3 ngày trước khi khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng của từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- 2.3.2.3 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị của đại cổ đông nếu có thuộc một trong các trường hợp sau đây :

- 2.3.2.3.1 Kiến nghị gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.
- 2.3.2.3.2 Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền giải quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2.3.3 Mời họp Đại hội đồng cổ đông:

- 2.3.3.1 Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải gửi **giấy thông báo** mời họp đến tất cả cổ đông **trong danh sách cổ đông** có quyền dự họp chậm nhất là ~~10~~ **21** ngày trước ngày khai mạc.
- 2.3.3.2 **Thông báo mời họp phải được gửi** kèm theo ~~giấy mời họp phải có mẫu~~ chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, ~~các tài liệu sử dụng trong cuộc họp thảo luận làm cơ sở để thông qua quyết định, dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.~~
- 2.3.3.3 **Việc gửi tài liệu kèm theo thông báo mời họp có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.**

2.4 Tư cách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông:

Cổ đông được coi là đủ tư cách dự họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau: Có giấy mời dự họp; minh chứng được sở hữu cổ phần phổ thông. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng. Cổ đông có thể thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông của mình bằng cách sau:

- 2.4.1 Đi dự họp trực tiếp.
- 2.4.2 Ủy quyền bằng văn bản cho người khác đi dự họp.

2.5 ~~Tư cách~~ **Điều kiện tiến hành** Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông được coi là đủ ~~tư cách điều kiện tiến hành~~ trong các trường hợp sau :

- 2.5.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi số cổ đông dự họp đại diện **ít nhất 65% tổng** số phiếu biểu quyết của ~~cổ phần trong~~ Công ty.
- 2.5.2 Trường hợp cuộc họp **lần thứ nhất** không đủ ~~tư cách điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2.5.1 trên~~, thì triệu tập cuộc họp thứ hai trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất không thành ~~do chưa đủ tư cách~~. Cuộc họp lần thứ hai được tiến hành khi số cổ đông dự họp đại diện **ít nhất 51% tổng** số phiếu biểu quyết của ~~cổ phần trong~~ Công ty.

2.5.3 Trường hợp cuộc họp **lần** thứ hai không đủ ~~tư cách điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2.5.2 Điều này~~ thì tiến hành triệu tập cuộc họp **lần** thứ ba, trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai không thành ~~do chưa đủ tư cách~~. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc **vào tổng số phiếu biểu quyết của các** cổ đông dự họp.

2.6 Thể thức tiến hành **họp** Đại hội đồng cổ đông:

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo trình tự sau :

2.6.1 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông cử Ban kiểm tra tư cách cổ đông và tư cách **đại biểu** Đại hội đồng cổ đông, Đoàn chủ tịch cuộc họp, Ban thư ký cuộc họp. **Chủ tọa cuộc họp giới thiệu Ban Kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết thông qua.**

2.6.2 Ban kiểm tra tư cách đọc kết quả kiểm tra. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông chưa đủ **điều kiện tiến hành** ~~tư cách~~ thì cuộc họp giải tán.

2.6.3 Trường hợp Đại hội đồng cổ đông đủ **điều kiện tiến hành** ~~tư cách~~, thì **tiến hành Đại hội tiếp tục** thảo luận và biểu quyết để thông qua chương trình **và nội dung** cuộc họp. Chương trình cuộc họp được tiến hành khi số cổ đông đại diện **trên 50% tổng** ~~ít nhất 61%~~ số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp chấp thuận. Đại hội đồng cổ đông được phép biểu quyết tối đa 3 lần. Trường hợp không thông qua được thì Đại hội đồng cổ đông vẫn tiến hành theo chương trình đã ghi trong giấy mời.

2.6.4 Đoàn chủ tịch cuộc họp gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Trưởng ban Ban kiểm soát . Chủ tịch Hội đồng quản trị là chủ tọa cuộc họp.

2.6.5 Ban kiểm tra tư cách trình cổ đông dự họp ký tên vào danh sách cổ đông dự họp.

2.6.6 Ban **kiểm phiếu kiểm tra tư cách** xác định và công bố kết quả sau mỗi lần biểu quyết.

2.6.7 Ban thư ký ghi biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

~~2.6.8 Biên bản cuộc họp phải làm xong và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi cuộc họp bế mạc.~~

2.7 Thông qua **ngợi** quyết ~~định~~ của Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông thông qua các **ngợi** quyết ~~định~~ thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. **Ngợi** quyết ~~định~~ của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi :

2.7.1 Được số cổ đông đại diện **ít nhất 65%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

2.7.2 Đối với các quyết định quan trọng thì phải được số cổ đông đại diện **ít nhất 75%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận. Các quyết định sau được gọi là quan trọng :

- 2.7.2.1 Loại cổ phần và số lượng cổ phần tương ứng được quyền chào bán.
- 2.7.2.2 Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
- 2.7.2.3 Tổ chức lại, giải thể Công ty.
- 2.7.2.4 Bán hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty.
- 2.7.3 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho 1 hoặc một số ứng cử viên.
- 2.7.4 Trường hợp thông qua *nghị quyết định* dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thì *nghị quyết định* của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện **ít nhất 75%** tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.
- 2.7.5 *Nghị quyết định* của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến tất cả cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày *nghị quyết định* được thông qua. *Nghị quyết định* phải được Chủ tịch hội đồng quản trị ký tên và đóng dấu của Công ty.
- 2.8 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:
 - 2.8.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau :
 - 2.8.1.1 Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - 2.8.1.2 Chương trình và *nội dung cuộc họp; làm-việc*
 - 2.8.1.3 *Họ, tên* Chủ tọa và thư ký;
 - 2.8.1.4 Tóm tắt *diễn biến cuộc họp và* các ý kiến phát biểu;
 - 2.8.1.5 Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, *trong đó ghi rõ tổng số phiếu ~~chống~~ hợp lệ, không hợp lệ, đồng ý, không đồng ý và không có ý kiến; số phiếu trắng; các vấn đề đã được thông qua tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;*
 - 2.8.1.6 *Số cổ đông và* tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
 - 2.8.1.7 *Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ Tổng số* phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề *đã thông qua tương ứng; biểu quyết*
 - 2.8.1.8 Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.
 - 2.8.2 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc. *Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của hội đồng quản trị*

tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung quy định tại khoản 2.8.1 này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2.9 Yêu cầu hủy bỏ ~~ngợi~~ quyết ~~định của~~ Đại hội đồng cổ đông:

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày *nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng* ~~định được thông qua, cổ đông, lớn, đại nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị xem xét triệu tập Đại hội đồng cổ đông để hủy bỏ quyết định. Trường hợp không giải quyết được yêu cầu, thì họ~~ có quyền yêu cầu tòa án xem xét và hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Các trường hợp có thể hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông là:

2.9.1 Trình tự, ~~và~~ thủ tục triệu tập họp ~~và ra quyết định của~~ Đại hội đồng cổ đông ~~vi phạm nghiêm trọng không thực hiện đúng theo~~ quy định của Luật Doanh nghiệp và ~~Điều lệ Công ty.~~

2.9.2 ~~Trình tự, thủ tục ra quyết định, Nội dung nghị quyết định vi phạm quy định của~~ pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị :

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý ~~của~~ Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty ~~để~~ quyết định, ~~thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc những vấn đề liên quan tới mục đích, lợi ích của Công ty không nằm trong~~ thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

3.1 Quyền quyết định của Hội đồng quản trị:

3.1.1 ~~Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch hội đồng quản trị. Quyết định~~ Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và các cán bộ quản lý khác do Tổng giám đốc đề nghị; quyết định mức lương và lợi ích khác của họ.

3.1.2 Thông qua quyết định nhân sự với các chuyên gia có vị trí đặc biệt trong công nghệ và nghiên cứu phát triển do Tổng giám đốc đề nghị. Quyết định mức lương và các lợi ích khác của họ.

3.1.3 Quyết định quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, lập văn phòng đại diện, góp vốn và mua cổ phần của doanh nghiệp khác.

3.1.4 Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

3.1.5 Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty, định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng.

- 3.1.6 Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông
 - 3.1.7 Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại.
 - 3.1.8 Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
 - 3.1.9 Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
 - 3.1.10 Quyết định phương án đầu tư *và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;*
 - 3.1.11 Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
 - 3.1.12 Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.
 - 3.1.13 *Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.*
- 3.2 ~~Từ cách~~ *Tiêu chuẩn và điều kiện làm* thành viên Hội đồng quản trị:
- 3.2.1 Thành viên Hội đồng quản trị phải là người thường trú tại Việt Nam, có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng qui định tại khoản 2 ~~Điều 18 Luật Doanh nghiệp 2014.~~ *Điều 17 Luật Doanh nghiệp;*
 - 3.2.2 Thành viên Hội đồng quản trị phải là cổ đông sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty, hoặc cổ đông khác có trình độ chuyên môn về y học, hoặc có trình độ và kinh nghiệm về quản lý tài chính hoặc là người khác có trình độ và kinh nghiệm về quản lý tài chính và được ~~Đại cổ đông lớn~~ *đề cử*
 - 3.2.3 Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị ~~theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm~~, hoặc kết thúc sớm hơn khi bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm. Trong trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm, miễn nhiệm thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm. Thành viên Hội đồng Quản Trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
 - 3.2.4 Thành viên Hội Đồng Quản Trị chỉ được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp khác có cùng ngành nghề, lĩnh vực hoạt động của Công ty khi có sự đồng ý bằng văn bản của Hội Đồng Quản Trị. Mọi phát biểu, bài viết và cung cấp thông tin liên quan đến Công ty dưới mọi hình thức đều phải tuân thủ quy định của Hội đồng quản trị.
~~Thành viên Hội đồng quản trị không nằm trong diện quy định tại khoản 2, Điều 13, Luật Doanh nghiệp.~~
- 3.3 ~~Từ cách~~ *Nhiệm kỳ và số lượng thành viên* Hội đồng quản trị:
- 3.3.1 Hội đồng quản trị có số lượng thành viên là 5 người với nhiệm kỳ là 05 năm, trong đó có ít nhất 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Lưu ý: Theo quy định tại khoản 1 Điều 137 Luật

DN 2020 thì nếu mô hình quản lý DN có Ban Kiểm soát thì không có thành viên HĐQT độc lập (điểm a). Trường hợp không có Ban kiểm soát thì ít nhất 20% số thành viên HĐQT phải là thành viên độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT (điểm b). Tâm Đức có Ban Kiểm soát nên không có thành viên HĐQT độc lập”.

3.3.2 *Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.*

3.4 Miễn nhiệm, bãi nhiệm, và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị :

3.4.1 *Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm* thành viên Hội đồng quản trị ~~bị miễn nhiệm khi trong trường hợp sau đây:~~

3.4.1.1 *Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định; Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi.*

3.4.1.2 *Có đơn từ chức;*

3.4.1.3 ~~Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 6 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng~~

3.4.2 *Đại hội đồng cổ đông* bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ~~được thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.~~ trong trường hợp thành viên không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 6 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng

3.4.3 Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số quy định tại Điều lệ thì Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. Trong các trường hợp khác, thì cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

3.5 Hình thức thông qua quyết định của Hội đồng quản trị:

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. ~~Biểu quyết theo số thành viên.~~ Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Hội Đồng Quản Trị được thông qua nếu được trên 50% thành viên dự họp chấp thuận; nếu số phiếu ngang nhau thì quyền quyết định thuộc về bên có Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị. *Trường hợp nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty, thì cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.*

3.6 ~~Tư cách~~ *Tiêu chuẩn và điều kiện làm* Chủ tịch hội đồng quản trị:

3.6.1 Hội Đồng Quản Trị bầu Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị trong số thành viên Hội Đồng Quản Trị. *Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc.* Cuộc họp để bầu Chủ tịch Hội Đồng

- Quản Trị phải có từ 3/4 số thành viên Hội Đồng Quản Trị trở lên tham dự.
- 3.6.2 Quyết định của Hội đồng quản trị trong trường hợp này được thông qua nếu được trên 50% thành viên dự họp biểu quyết chấp thuận
 - 3.6.3 Trường hợp sau 3 lần biểu quyết mà không bầu được Chủ tịch Hội đồng quản trị thì Hội đồng quản trị trong thời hạn 30 ngày, tính từ ngày họp bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị lần thứ ~~ba~~ *hai*.
 - 3.6.4 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có kiến thức kinh tế, kiến thức y học và các lãnh vực liên quan đến hoạt động Công ty.
 - 3.6.5 Chủ tịch Hội đồng quản trị là người có kinh nghiệm quản lý dự án và các lãnh vực liên quan khác.
- 3.7 Quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị:
- 3.7.1 Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - 3.7.2 Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - 3.7.3 Tổ chức thông qua quyết định của Hội đồng quản trị dưới hình thức khác.
 - 3.7.4 *Giám sát Theo dõi* quá trình tổ chức thực hiện các *ng nghị quyết*, quyết định của Hội đồng quản trị.
 - 3.7.5 Chủ tọa *cuộc họp Hội Đồng Quản Trị, Đại hội đồng cổ đông;*
 - ~~3.7.6 Triệu tập họp Hội đồng quản trị.~~
 - 3.7.7 Quyết định thông qua các dự án về tiếp thị, công nghệ, đầu tư, hợp đồng có giá trị dưới 20% tổng giá trị được ghi trong sổ kế toán của Công ty.
 - 3.7.8 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền bằng văn bản sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại chọn một người trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trong văn bản ủy quyền phải ghi rõ thời hạn ủy quyền, các chức năng ủy quyền.
- 3.8 Họp Hội đồng quản trị :
- Mỗi quý Hội đồng quản trị phải họp ít nhất một lần. Cuộc họp chỉ được tiến hành khi có từ 3/4 số thành viên tham dự. *Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần đầu không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.* Thành viên Hội Đồng Quản Trị được ủy quyền cho cổ đông khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị chấp thuận. Mỗi quyết định được biểu quyết tối

đa là 3 lần. Hội Đồng Quản Trị có thể họp tại Trụ sở chính của Công Ty hoặc ở nơi khác. Trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường theo yêu cầu của các đối tượng sau:

- 3.8.1 ~~Đại Cổ~~ *đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần trở lên.*
- 3.8.2 Đa số thành viên Hội đồng quản trị.
- 3.8.3 Nhóm thành viên Hội đồng quản trị có số cổ phần đạt ít nhất là 50% trong tổng số cổ phần của Hội đồng quản trị.
- 3.8.4 Tổng Giám Đốc.
- 3.8.5 Ban Kiểm Soát.

3.9 Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị :

- 3.9.1 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, cán bộ quản lý các đơn vị khác trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị ~~ở~~ trong Công ty.
- 3.9.2 Các cán bộ quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

~~3.10 Thư ký Hội Đồng Quản Trị: Người phụ trách quản trị Công ty~~

- 3.10.1 Hội Đồng Quản Trị quyết định bổ nhiệm một cán bộ Công ty làm *Người phụ trách quản trị Công ty kiêm nhiệm Thư ký Công ty. Hội Đồng Quản Trị.* Công tác phí, tiền lương, tiền thưởng của *Người phụ trách quản trị Công ty Thư ký Hội Đồng Quản Trị* do Hội Đồng Quản Trị quyết định và được hạch toán vào chi phí hoạt động của Công Ty.
- 3.10.2 ~~Thư ký Hội Đồng Quản Trị~~ *Người phụ trách quản trị Công ty* có nhiệm vụ:
 - 3.10.2.1 Chuẩn bị tài liệu cho các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Đại Hội Đồng Cổ Đông theo yêu cầu của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát.
 - 3.10.2.2 Tham dự, ghi chép và lập Biên bản các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị.
 - 3.10.2.3 Lập lịch hội họp, chương trình kế hoạch công tác và dự thảo văn bản, nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị theo chỉ đạo của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị
 - 3.10.2.4 Thu thập tài liệu, cung cấp thông tin tài chính, bản sao Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và các thông tin khác cho thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát.
 - 3.10.2.5 Các nhiệm vụ khác theo sự phân công, và chỉ đạo của Hội Đồng Quản Trị *và quy định của pháp luật.*
 - 3.10.2.6 Bảo mật thông tin, tài liệu theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.

~~3.11~~ Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

❖ **Cố vấn Hội đồng Quản trị:**

Cố vấn Hội đồng quản trị là nhóm thành viên do Hội đồng các cổ đông sáng lập mời làm cố vấn cho Hội đồng quản trị, với thời hạn không xác định, trừ khi các thành viên bị mất, bị hạn chế hành vi dân sự hoặc tự nguyện xin thôi làm cố vấn. Cố vấn Hội đồng quản trị phải được mời tham dự tất cả các cuộc họp thường kỳ hay đột xuất của Hội đồng quản trị, có quyền được cung cấp thông tin như các thành viên Hội Đồng Quản Trị, có chức năng tham vấn tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty trong việc xác định phương hướng hoạt động của Công Ty và Bệnh Viện phù hợp với mục đích của Bệnh Viện là kỹ thuật, nhân đạo, kinh tế và việc quyết định miễn nhiệm, bổ nhiệm, cách chức Tổng Giám Đốc, Giám Đốc, Phó Giám Đốc, Kế Toán Trưởng bệnh viện trực thuộc Công ty và Kế Toán Trưởng Công Ty.

4. Tổng giám đốc Công ty :

4.1 Tư cách Tổng giám đốc :

4.1.1 Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội Đồng Quản Trị làm Tổng giám đốc hoặc thuê người khác làm Tổng Giám Đốc. Tổng Giám Đốc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị và trước pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao, được thể hiện bằng văn bản thỏa thuận (hoặc hợp đồng) giữa Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc.

4.1.2 Tổng giám đốc phải tốt nghiệp Đại học, có kiến thức y học hoặc có kiến thức về quản trị kinh doanh, kiến thức pháp luật, kinh nghiệm quản lý và đủ sức khỏe.

~~4.1.3~~ Tổng giám đốc Công Ty không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều ~~18 Luật Doanh nghiệp 2014~~. *17 Luật Doanh nghiệp.*

4.1.4 Nhiệm kỳ của Tổng Giám Đốc là 3 năm, trừ trường hợp Hội Đồng Quản Trị có quyết định khác. Tổng Giám Đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4.2 Quyền và nhiệm vụ của Tổng giám đốc :

4.2.1 Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị.

4.2.2 Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

4.2.3 Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty.

4.2.4 Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty.

- 4.2.5 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 - 4.2.6 Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.
 - 4.2.7 Tuyển dụng lao động.
 - 4.2.8 Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
 - 4.2.9 Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị
- 4.3 Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc :
- 4.3.1 Hội đồng quản trị có quyền bãi nhiệm Tổng giám đốc bất cứ lúc nào mà không cần nêu lý do. Trong thời hạn 7 ngày, Tổng giám đốc phải bàn giao công việc theo quy định quản lý nội bộ Công ty.
 - 4.3.2 Tổng giám đốc bị miễn nhiệm khi :
 - 4.3.2.1 Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
 - 4.3.2.2 Từ chức.
 - 4.3.3 Trong thời hạn chờ đợi bổ nhiệm Tổng giám đốc mới, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ kiêm Tổng giám đốc và là người đại diện theo pháp luật.
- 4.4 Giải quyết tranh chấp giữa Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị :
- 4.4.1 Tổng giám đốc phải chấp hành các quyết định của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách vô điều kiện. Tổng giám đốc có thể phản đối quyết định của Hội đồng quản trị và của Chủ tịch Hội đồng quản trị bằng cách từ chức.
 - 4.4.2 Tổng giám đốc có quyền từ chối ký vào văn bản mà bản thân cho là không hợp lý, hợp pháp và không thuộc thẩm quyền. Trường hợp này Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ký và chịu trách nhiệm trước Công ty và pháp luật.

5. Ban kiểm soát :

- 5.1 Ban kiểm soát Công ty có 3 thành viên *.Kiểm soát viên phải là người được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động của Công ty; phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp.* ~~.Trong đó ít nhất phải có một thành viên có chuyên môn về kế toán.~~ Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm các thành viên Ban kiểm soát.
- 5.2 Trưởng Ban kiểm soát phải là cổ đông của Công Ty, *phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động của Công ty.* ~~có chuyên môn về kế toán hoặc kiểm toán và~~ Trưởng Ban Kiểm soát do

Ban Kiểm Soát bầu ~~ra~~ trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm ,bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

- 5.3 Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát :
- 5.3.1 Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành kinh doanh của Công ty.
 - 5.3.2 Kiểm tra ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của Công ty.
 - 5.3.3 Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm.
 - 5.3.4 Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan tới quản lý, điều hành Công ty theo yêu cầu của Quyết định Đại hội đồng cổ đông, Đại cổ đông, Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - 5.3.5 Hàng tháng báo cáo với Hội đồng quản trị về tình hình điều hành Công ty.
 - 5.3.6 Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết quả, kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
 - 5.3.7 Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính hợp lý, chính xác trong báo cáo, tính hợp pháp trong quản lý điều hành Công ty.
 - 5.3.8 Kiến nghị với Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông các biện pháp hoàn thiện điều hành quản lý Công ty.
 - ~~5.3.9 Tuân thủ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về Ban kiểm soát. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.~~
- 5.4 Cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát : Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
- 5.5 Những người không được làm thành viên Ban kiểm soát :
- 5.5.1 *Là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người có liên quan của họ và kế toán trưởng của Công ty. Là người quản lý Công ty.*
 - 5.5.2 ~~Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.~~ *Là người thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.*
 - 5.5.3 *Là người làm trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;*
 - 5.5.4 *Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 3 năm liền trước đó.*
- 5.6 Nhiệm kỳ của Thành Viên Ban Kiểm Soát là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. *Trường hợp kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.*

5.7 Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát.

6. Nghĩa vụ của người quản lý Công ty:

Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau :

- 6.1 Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, khẩn cấp, sáng tạo vì lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty.
- 6.2 *Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không được lạm dụng vị trí quản lý của mình, sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty nhằm mục đích tư lợi cho bản thân hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác* gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông ; không được tiết lộ bí mật của Công ty, trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận.
- 6.3 Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trả thì :
 - 6.3.1 Tổng Giám đốc ra quyết định thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả chủ nợ biết. Quyết định này phải trình Hội đồng quản trị thông qua trước khi thực hiện.
 - 6.3.2 Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với các chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm 1, 2 khoản này.
 - 6.3.3 Kiến nghị các biện pháp khắc phục khó khăn tài chính của Công ty.

6.4 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại Điều này phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc phải liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty và bên thứ ba.

7. Chế độ chống lạm dụng quyền lực của người quản lý :

Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết, bị hạn chế trong quan hệ kinh tế, dân sự với Công ty như sau :

- 7.1 Các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết và với người có liên quan của họ chỉ được ký kết theo quy định sau :
 - 7.1.1 Đối với các hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông hoặc cổ đông có người liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.

- 7.1.2 Đối với các hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có người liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.
- 7.2 Trường hợp các hợp đồng quy định tại điểm 1, khoản 7 điều này được ký mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận thì hợp đồng đó vô hiệu lực và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Công ty thì phải bồi thường.

8. Chế độ lưu giữ tài liệu của Công ty:

- 8.1 Công ty cổ phần phải lưu giữ các tài liệu sau đây:
- 8.1.1 Điều lệ Công ty, sửa đổi bổ sung điều lệ Công ty, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, sổ đăng ký cổ đông.
 - 8.1.2 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ; giấy chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp ; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm.
 - 8.1.3 Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty.
 - 8.1.4 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, các quyết định đã được thông qua.
 - 8.1.5 Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán.
 - 8.1.6 Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập.
 - 8.1.7 Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm.
- 8.2 Công ty cổ phần phải lưu giữ các tài liệu theo quy định tại khoản 1, ở trụ sở chính hoặc nơi khác nhưng phải thông báo cho cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh biết. Thời hạn lưu giữ theo quy định của pháp luật.

Điều 18: Nguyên tắc giải quyết tranh chấp

- ~~— Tranh chấp giữa các thành viên sáng lập trước hết phải được giải quyết qua thương lượng hòa giải.~~
- ~~— Trong trường hợp các bên tranh chấp vẫn không thỏa thuận được với nhau thì vụ tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án để giải quyết. Quyết định của tòa án là quyết định cuối cùng mà các thành viên phải tuân theo.~~

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến- Điều lệ này- trước- hết phải được giải quyết thông qua thương lượng hòa giải. Trong trường hợp các bên tranh chấp không thỏa thuận hòa giải được với nhau thì vụ tranh chấp sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc tố tụng của Trung tâm này.

CHƯƠNG VI

CÔNG TY MUA LẠI CỔ PHẦN CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 19 : Công ty mua lại cổ phần của cổ đông :

1. Các cổ đông, trừ cổ đông ưu đãi hoàn lại, có quyền yêu cầu Công ty phải mua lại cổ phần của mình trong trường hợp họ không đồng ý với quyết định về tổ chức lại Công ty (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi Công ty). Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó ghi rõ họ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua các vấn đề nói tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1, điều này, với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc qui định tại Điều Lệ Công Ty, trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu.
3. Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau :
 - 3.1 Việc mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trong trường hợp khác do Hội đồng quản trị quyết định.
 - 3.2 Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại. Đối với cổ phần loại khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.
 - 3.3 Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên và trụ sở Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chấp nhận bán cổ phần của họ trong Công ty. Cổ đông phải gửi chào bán cổ phần của mình đến Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được thông báo.
 - 3.4 Điều kiện thanh toán khi Công ty mua lại cổ phần. Công ty chỉ được quyền thanh toán các khoản mua lại cổ phần của cổ đông, khi các khoản thanh toán này không ảnh hưởng đến bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty.
 - 3.5 Tất cả các cổ phần được Công ty mua lại theo quy định tại khoản này, được coi là cổ phần chưa bán trong số cổ phần được quyền chào bán.
 - 3.6 Sau khi thanh toán hết số cổ phần Công ty mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm 10% thì Công ty phải thông báo điều đó

cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại của Công ty.

- 3.7 Trường hợp Công ty thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định trong khoản này, thì cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản đã nhận. Trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông và Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nợ của Công ty.

CHƯƠNG VII

THỐNG KÊ KẾ TOÁN TÀI CHÍNH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN (CÁC LOẠI QUỸ VÀ MỨC GIỚI HẠN QUỸ, LẬP QUỸ, TRẢ CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN, CHỊU LỖ)

Điều 20 : Năm tài chính, lập quỹ, trả cổ tức, chia lời/lỗ.

1. Năm tài chính :

- 1.1 Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đến ngày 31/12 cùng năm.
- 1.2 Công Ty phải lập báo cáo tài chính năm theo qui định của pháp luật, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền và cơ quan đăng ký kinh doanh.
- 1.3 Báo cáo tài chính năm phải bao gồm :
 - 1.3.1 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
 - 1.3.2 Bảng cân đối kế toán
 - 1.3.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
 - 1.3.4 Thuyết minh báo cáo tài chính

2. Lập quỹ, phân chia lợi nhuận, chịu lỗ :

- 2.1 Trích lợi nhuận để thành lập các quỹ sau :
 - 2.1.1 Quỹ dự phòng tài chính. Trích không dưới 5%. Tỷ lệ cụ thể Hội đồng quản trị quy định. Mức dự trữ là 30% vốn điều lệ.
 - 2.1.2 Quỹ đầu tư phát triển trích không dưới 30%. Tỷ lệ cụ thể do Hội đồng quản trị quy định. Không hạn chế mức dự trữ.
 - 2.1.3 Quỹ nghiên cứu khoa học công nghệ đào tạo, trích không dưới 10%. Tỷ lệ cụ thể do Hội đồng quản trị quy định. Mức dự trữ là 10% vốn điều lệ.
 - 2.1.4 Quỹ khen thưởng phúc lợi, trích không quá 5%. Tỷ lệ cụ thể do Hội đồng quản trị quy định, mức dự trữ là 1% vốn điều lệ.
- 2.2 Phân chia lợi nhuận : Sau khi trích quỹ, Công ty sẽ chia lợi nhuận cho các cổ đông bằng cách chi trả cổ tức. Tỷ lệ cụ thể như sau: trích 05% lợi nhuận chia cho các cổ đông sáng lập theo tỉ lệ góp vốn; sau đó số lợi nhuận còn lại sẽ được chia đều cho tất cả các cổ đông (bao gồm cổ đông sáng lập và các cổ đông khác), theo tỉ lệ góp vốn vào Công ty.
- 2.3 Phân chia lỗ :

- 2.3.1 Các khoản lỗ sẽ được trích từ các quỹ cho đến khi đủ, theo trình tự: Quỹ “dự phòng tài chính”, quỹ “đầu tư phát triển”, quỹ nghiên cứu khoa học”, quỹ “khen thưởng phúc lợi”.
- 2.3.2 Trường hợp các quỹ không bù đắp hết các khoản lỗ, thì Hội đồng quản trị quyết định huy động các phương tiện thanh toán có thể nhưng không quá 20% tổng giá trị được ghi trong sổ kế toán của Công ty. Nếu tỷ lệ cao hơn 20% thì quyết định của Hội đồng quản trị phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 2.3.3 Trường hợp Công ty bị lỗ kéo dài, các khoản nợ đã vượt 50% tổng giá trị được ghi trong sổ kế toán của Công ty, thì Hội đồng quản trị hay Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị Đại hội đồng cổ đông tăng vốn theo tỷ lệ cổ phần của các cổ đông phổ thông hay giải thể Công ty.
- 2.3.4 Trường hợp các khoản lỗ làm cho Công ty không có khả năng thanh toán cho chủ nợ, thì Công ty giải thể theo luật phá sản.

3. Trả cổ tức :

- 3.1 Trả cổ tức cho cổ đông phổ thông được tiến hành khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, thanh toán cổ tức cố định cho cổ đông ưu đãi cổ tức và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Ngay cả khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả và trích quỹ Công ty.
- 3.2 Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả, chậm nhất là 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi đến tất cả cổ đông, chậm nhất là 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty, địa chỉ Công ty, địa chỉ của cổ đông, số cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.
- 3.3 Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.
- 3.4 Cổ tức cố định của các cổ phần ưu đãi cổ tức được chi trả hàng quý, không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh. Cổ tức thưởng của cổ phần ưu đãi cổ tức phụ thuộc vào kết quả kinh doanh. Thời hạn chi trả cổ tức thưởng thực hiện theo cổ tức của cổ phần phổ thông.
- 3.5 Cổ tức của các cổ phần ưu đãi hoàn lại phụ thuộc vào kết quả kinh doanh. Thời hạn chi trả thực hiện theo cổ tức của cổ phần phổ thông.
- 3.6 Thời hạn trả cổ tức của cổ phần phổ thông là do Hội đồng quản trị quyết định.

3.7 Trường hợp Công ty trả cổ tức trái với quy định trong khoảng này thì cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản đã nhận. Trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông và Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nợ của Công ty.

CHƯƠNG VIII

THÀNH LẬP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 21 : Thành lập Công ty

Công ty được thành lập sau khi Bản điều lệ này được tập thể các cổ đông sáng lập Công ty chấp thuận và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Mọi phí tổn liên hệ đến việc thành lập Công ty đều được ghi vào mục chi phí của Công ty và được tính hoàn giảm vào chi phí của năm tài chính đầu tiên.

Điều 22 : Tổ chức lại, giải thể và thanh lý tài sản Công ty, phá sản Công ty

1. Tổ chức lại Công ty :

Đại hội đồng cổ đông quyết định tổ chức lại Công ty, các trường hợp tổ chức lại Công ty là:

- 1.1 Chia Công ty. Trường hợp này Công ty được chia thành một số Công ty mới cùng loại. Sau khi đăng ký kinh doanh các Công ty mới, Công ty sẽ chấm dứt tồn tại. Thủ tục chia Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật bởi một ban do Đại hội đồng cổ đông thành lập.
- 1.2 Tách Công ty. Trường hợp này Công ty chuyển một phần tài sản của Công ty hiện có (gọi là Công ty bị tách) để thành lập một hoặc một số Công ty mới cùng loại. Sau khi đăng ký kinh doanh cho các Công ty mới, Công ty không chấm dứt tồn tại của mình. Công ty và các Công ty mới phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty. Thủ tục tách Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật bởi một ban do Đại hội đồng cổ đông thành lập.
- 1.3 Hợp nhất Công ty. Trường hợp này Công ty hợp nhất với Công ty khác cùng loại để thành lập Công ty mới bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang Công ty hợp nhất. Sau khi đăng ký kinh doanh cho Công ty mới, Công ty chấm dứt tồn tại. Thủ tục hợp nhất được thực hiện theo quy định của pháp luật bởi một ban do Đại hội đồng cổ đông thành lập.
- 1.4 Công ty sáp nhập vào Công ty khác. Trường hợp này Công ty sáp nhập vào Công ty khác cùng loại bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang Công ty nhận sáp nhập. Công ty chấm dứt tồn tại. Sau khi đăng ký kinh doanh, Công ty nhận sáp nhập được hưởng các quyền và lợi ích

hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty. Thủ tục sáp nhập được thực hiện theo quy định của pháp luật bởi một ban do Đại hội đồng cổ đông thành lập.

- 1.5 Công ty khác sáp nhập vào Công ty. Trường hợp này Công ty khác cùng loại sáp nhập vào Công ty bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang Công ty. Công ty bị sáp nhập chấm dứt tồn tại. Sau khi đăng ký kinh doanh, Công ty được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty bị sáp nhập. Thủ tục sáp nhập thực hiện theo quy định của pháp luật bởi một ban do Đại hội đồng cổ đông thành lập.
- 1.6 Công ty chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn. Trường hợp này Công ty chuyển đổi từ hình thức cổ phần sang hình thức trách nhiệm hữu hạn. Sau khi đăng ký kinh doanh Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty chấm dứt tồn tại. Công ty trách nhiệm hữu hạn mới thành lập được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty.

2. Giải thể Công ty :

- 2.1 Công ty bị giải thể trong các trường hợp :
 - 2.1.1 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - 2.1.2 Công ty không còn đủ số cổ đông tối thiểu do luật quy định trong thời hạn sáu tháng liên tục.
 - 2.1.3 Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký ~~kinh doanh~~. *doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.*
- 2.2 Trình tự giải thể :
 - 2.2.1 Hội đồng quản trị :
 - 2.2.1.1 Hội đồng quản trị :

Hội đồng quản trị sẽ họp để thảo luận và đề ra phương án giải thể. Nội dung chính của phương án gồm : thời hạn giải thể, thủ tục thanh lý, thanh toán các khoản nợ, xử lý các quan hệ phát sinh từ hợp đồng lao động, lập tổ thanh lý tài sản dựa vào các quy định của luật pháp đang có hiệu lực vào thời điểm đó và triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để quyết định giải thể.
 - 2.2.1.2 Triệu tập Đại hội đồng cổ đông :

Đại hội đồng cổ đông sẽ xem xét và thảo luận về phương án giải thể, ra quyết định giải thể. Quyết định được thông qua khi có trên 65% số cổ đông tham dự biểu quyết chấp thuận. Kể từ ngày thông qua quyết định giải thể, Công ty ngừng mọi hoạt

động kinh doanh. Việc điều hành Công ty sẽ do Tổ thanh lý phụ trách với nhiệm vụ chính là thực hiện phương án giải thể.

2.2.1.3 Công bố

Trong thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày quyết định giải thể được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty sẽ gửi quyết định đến cơ quan đăng ký kinh doanh, các chủ nợ, các người có quyền và nghĩa vụ liên quan và người lao động trong Công ty. Riêng với các chủ nợ, quyết định gửi đi sẽ kèm theo thông báo phương án giải quyết nợ, trong đó có ghi địa điểm và phương thức thanh toán số nợ. Quyết định giải thể cũng được niêm yết tại Trụ sở chính của Công ty và đăng báo địa phương hoặc báo hàng ngày Trung Ương trong 3 số liên tiếp.

2.2.1.4 Thanh lý tài sản và thanh toán các khoản nợ của Công ty.

7 ngày sau khi thông qua quyết định giải thể, Hội đồng quản trị lập Tổ thanh lý. Tổ này gồm có năm người trong đó có Tổng giám đốc và kế toán trưởng của Công ty, ba người là cổ đông hoặc là người từ bên ngoài. Trong tổ phải có ít nhất là một kế toán viên có kinh nghiệm. Tổng giám đốc và kế toán viên không được làm Trưởng tổ thanh lý.

Tổ thanh lý sẽ thực hiện và hoàn tất phương án giải thể trong vòng không quá 6 (sáu) tháng, kể từ ngày được thành lập.

Sau khi thanh toán hết nợ của Công ty, Tổ thanh lý sẽ gửi hồ sơ giải thể tới cơ quan đăng ký kinh doanh để xóa tên Công ty trong sổ đăng ký kinh doanh.

3. Phá sản Công ty :

Trường hợp Công ty bị lỗ kéo dài, không có khả năng thanh toán nợ, dẫn đến việc phá sản Công ty. Việc này sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp.

CHƯƠNG IX

HIỆU LỰC THI HÀNH CỦA ĐIỀU LỆ

Điều 23 : Hiệu lực của điều lệ Công ty

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 24 : Thể thức thay đổi, bổ sung điều lệ Công ty

1. Trong quá trình hoạt động của Công ty, Điều lệ được thay đổi, bổ sung theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị chuẩn bị nội dung thay đổi, bổ sung điều lệ Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.
3. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ phải đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Trong trường hợp có những qui định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công Ty chưa được đề cập trong Bản Điều Lệ này, hoặc trong trường hợp có những qui định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong điều lệ này, thì những qui định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công Ty.

Điều 25 :

Điều lệ khi đăng ký thành lập doanh nghiệp được các cổ đông sáng lập thông qua ngày 17-05-2002; sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất ngày 27-10-2007 theo Luật Doanh nghiệp 2005; sửa đổi bổ sung lần thứ hai ngày 26-4-2014 theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26-7-2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng; sửa đổi lần thứ ba ngày 29-4-2017 điều chỉnh vốn Điều lệ công ty, **sửa đổi lần thứ tư ngày 28/4/2018 theo Luật Doanh Nghiệp 2014 và Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017.**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, kế thừa Bản Điều lệ ban đầu và các lần sửa đổi, bổ sung nêu trên, Bản Điều lệ này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày **28/4/2022**, gồm 9 chương, 25 Điều, **37** trang.

Bản Điều lệ này được lập thành mười tám (18) bản có giá trị như nhau, một (1) bản đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh, một (1) bản gửi Trung tâm lưu ký chứng khoán, mười sáu (16) bản lưu giữ tại công ty. Mọi sự sao chép, trích lục phải được ký xác nhận bởi Chủ tịch HĐQT hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty

Ngày **28.04.2022**

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị
Công ty CP Bệnh Viện Tim Tâm Đức

TS.BS. Nguyễn Ngọc Chiếu

PHỤ LỤC IV

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY SỬA ĐỔI

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
Số ~~01.2018~~/NQ-ĐHCD ngày ~~28~~ tháng 4 năm ~~2018~~)

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức được xây dựng căn cứ theo các qui định sau:
 - a. Luật Doanh nghiệp số ~~68/2014/QH13~~ ngày ~~26 tháng 11 năm 2014~~; ~~59/2020/QH14~~ ngày ~~17 tháng 6 năm 2020~~;
 - b. Luật Chứng khoán số ~~70/2006/QH11~~ ngày ~~29 tháng 6 năm 2006~~; ~~54/2019/QH14~~ ngày ~~26 tháng 11 năm 2019~~;
 - c. ~~Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 70/2006/QH11;~~
 - d. Nghị định ~~71/2017/NĐ-CP~~ ngày ~~06/6/2017~~ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng; số ~~155/2020/NĐ-CP~~ ngày ~~31 tháng 12 năm 2020~~ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - e. Thông tư số ~~95/2017/TT-BTC~~ ngày ~~22/9/2017~~ Hướng dẫn một số điều của Nghị định số ~~71/2017/NĐ-CP~~ ngày ~~06/6/2017~~ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng; ~~116/2020/TT-BTC~~ ngày ~~31 tháng 12 năm 2020~~ hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số ~~155/2020/NĐ-CP~~ ngày ~~31/12/2020~~ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - f. Điều lệ của Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức.
2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của công ty.
3. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Chữ viết tắt:
 - a. “Công ty” là Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức ;
 - b. “Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh” là giấy đăng ký Công ty Cổ phần số 0302668322 đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 25 tháng 06 năm 2015 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp;
 - c. “ĐHĐCD” là Đại hội đồng cổ đông;
 - d. “HĐQT” là Hội đồng quản trị;
 - e. “BKS” là Ban kiểm soát.

2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “Quản trị công ty” là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
 - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
 - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, BKS;
 - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty.
 - b. “Công ty đại chúng” là công ty cổ phần được quy định tại khoản 1 Điều ~~25~~ 32 Luật chứng khoán;
 - c. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại Khoản 9 18 Điều 6 4 Luật chứng khoán;
 - d. “Người quản lý doanh nghiệp” được quy định tại Khoản 18 24 Điều 4 Luật doanh nghiệp;
 - e. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của HĐQT trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc;
 - f. “Thành viên HĐQT không điều hành” (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - g. “Thành viên độc lập HĐQT” (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại Khoản 2 Điều ~~151~~ 155 Luật doanh nghiệp;
 - h. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 17 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, Khoản 34- 46 Điều 6- 4 Luật chứng khoán.
3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.
4. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định tại Nghị định và Thông tư nói trên thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

CHƯƠNG II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐHĐCĐ

Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty

Điều 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ

Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất ~~mười lăm (15)~~ hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
- c. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

~~Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.~~

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Công ty và phải được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội cổ đông.

Điều 6. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
2. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 7. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ

Điều kiện thông qua các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được quy định chi tiết tại khoản 2.7 Điều 17 Điều lệ Công ty.

Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ

Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông được quy định chi tiết tại khoản 2.9 Điều 17 Điều lệ Công ty.

Điều 10. Biên bản họp ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 2.8 Điều 17 Điều lệ Công ty.
2. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
4. Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ, ~~trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.~~
5. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 11. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ

Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 12. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, ~~trừ các trường hợp quy định tại khoản 2.7.2 Điều 17 Điều lệ Công ty và khoản 10 Điều này.~~
2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, **hoặc của** người đại diện **theo ủy quyền hoặc người đại diện** theo pháp luật của cổ đông là tổ chức **hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.**
 5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
 - a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
 6. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua **và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.**
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu. Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
 7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
 8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận.
 10. Các trường hợp không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:
 - a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
 - c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.
 - d. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định của Điều lệ.

CHƯƠNG III: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 3.2 Điều 17 Điều lệ công ty.
2. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của công ty.

Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT

Cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT theo qui định tại mục 3.2.2 Điều 17 và mục 1.1.6.7 Điều 15 Điều lệ Công ty

Điều 15. Cách thức bầu thành viên HĐQT

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu đôn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Theo quy định tại khoản 3.4 Điều 17 Điều lệ Công ty.

Điều 17. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty, và phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách

trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
2. Trình độ học vấn;
3. Trình độ chuyên môn;
4. Quá trình công tác;
5. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
6. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;
7. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
8. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
9. Các thông tin khác (nếu có).

CHƯƠNG IV: HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

Điều 20. Điều kiện tổ chức họp HĐQT

1. Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

Điều 21. Cách thức biểu quyết

1. Mỗi thành viên HĐQT (hoặc người được ủy quyền) trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;
2. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu

thuần hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

3. Kiểm soát viên có thể dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 22. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT

HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

Điều 23. Ghi biên bản họp HĐQT

Biên bản họp HĐQT phải được Thư ký ~~HĐQT~~ Công ty ghi đầy đủ, trung thực. Trong trường hợp Thư ký ~~HĐQT~~ Công ty vắng mặt, HĐQT có thể yêu cầu một thành viên HĐQT hoặc một người khác làm thư ký ghi biên bản họp.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp. ~~trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.~~ Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 24. Thông báo nghị quyết HĐQT

Nghị quyết HĐQT phải được thông báo tới các bên có liên quan theo quy định tại Điều lệ công ty, và phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

CHƯƠNG V: KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 25. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại ~~khoản 1~~ Điều ~~164/169~~ Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

1. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
2. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Điều 26. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện theo Điều lệ Công ty.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế này. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng

viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 27. Cách thức bầu kiểm soát viên

Việc biểu quyết bầu BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục mà không được sự chấp thuận của BKS;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - c. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

CHƯƠNG VI: CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 30. Các tiểu ban thuộc HĐQT

HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu

ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban có thành viên HĐQT.

Điều 31. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban

Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VII: NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 32. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết HĐQT.
2. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm khẩn cấp để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

Điều 33. Tổng giám đốc

1. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều lệ Công ty
4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
5. Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 34. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác

Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định.

Điều 35. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

Công ty ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật lao động.

Điều 36. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Người điều hành doanh nghiệp bị miễn nhiệm trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết.

Điều 37. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 38. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS

1. Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS
 - a. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên BKS cùng thời gian gửi đến các thành viên HĐQT;
 - b. Các nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS (đồng thời với thời điểm gửi Tổng giám đốc) trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;
 - c. Các nội dung khác cần xin ý kiến của BKS phải được gửi trong thời hạn quy định và BKS có trách nhiệm phản hồi theo đúng quy định tại Quy chế này và Điều lệ công ty.
2. Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ phối hợp với HĐQT
 - a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;
 - b. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu Tổng giám đốc điều hành, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên BKS quan tâm;
 - c. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;
 - d. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, BKS thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ.

- e. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của công ty thì BKS phải gửi văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất 15 ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.
- f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng giám đốc

1. Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho Tổng giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Trong trường hợp cấp thiết, HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, cán bộ điều hành khác trong công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của công ty. HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
3. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty mà được Tổng giám đốc đề xuất phải được HĐQT phản hồi trong thời hạn quy định.
4. Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc.

Điều 40. Việc tiếp cận thông tin

1. Việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Công ty, BKS có nghĩa vụ nêu lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu thập trong quá trình giám sát hoạt động công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ được phép thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nhưng phải thông báo cho HĐQT trước khi cung cấp hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Các thông tin và tài liệu này bao gồm:
 - a. Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT;
 - b. Biên bản, Nghị quyết của HĐQT;
 - c. Báo cáo của Tổng giám đốc;
 - d. Thông tin, tài liệu về quản lý, báo cáo tài chính;
 - e. Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;
 - f. Tài liệu khác liên quan.

Điều 41. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng giám đốc

BKS có chức năng kiểm tra và giám sát:

- a. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu Tổng giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HĐQT và thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm;

- b. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;
- c. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm điều lệ công ty của Tổng giám đốc, BKS thông báo bằng văn bản với Tổng giám đốc trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo HĐQT và báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất.
- d. Thành viên BKS có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
- e. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của BKS phải được gửi đến công ty trước ít nhất 48 giờ. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
- f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Tổng giám đốc: phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và Tổng giám đốc sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

Điều 42. Phối hợp giữa Tổng giám đốc điều hành và HĐQT, BKS

1. Tổng giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của công ty, đảm bảo công ty hoạt động liên tục và hiệu quả;
2. Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;
3. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 7 ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
4. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;
5. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày.

CHƯƠNG IX: ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác.

CHƯƠNG X: SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 43. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này sẽ do HĐQT xem xét và trình ĐHĐCĐ quyết định
2. Trong trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng.

CHƯƠNG XI: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 44. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 11 chương 44 điều, được ĐHĐCĐ thông qua ngày 28 tháng 04 năm 2022.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty mới có giá trị.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TS.BS. NGUYỄN NGỌC CHIẾU

PHỤ LỤC V

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 (năm) thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty theo quy định của Điều lệ Công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác theo quy định của Điều lệ Công ty;

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm nhiệm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn **(07)** ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty. Người này có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn

số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người, bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Chương IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc;
- c) Có đề nghị của đa số thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Chương V BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông các báo cáo sau đây:
- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;

- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên

còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức bao gồm 7 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.. .tháng.. .năm...

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC VI

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức, bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường

thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- d) Không phải là người quản lý Công ty;
- đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
- g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường hợp Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với Ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức bao gồm 7 chương 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.. tháng.. năm...

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

Khu đô thị mới Phú Mỹ Hưng, Nam Sài Gòn - 04 Nguyễn Lương Bằng, P. Tân Phú, Quận 7, TP.HCM.

Website: www.tamduchearthospital.com Điện thoại: 028 54110036 Fax: 028 54110029